





Tiểu sử A.S. Pushkin

Aleksandre Sergeyevich Pushkin (tiếng Nga: [Александр Сергеевич Пушкин](#); 1799 - 1837) là đại thi hào, nhà văn, nhà viết kịch nước Nga. Ông đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.

Ông mất khi mới 37 tuổi nhưng đã để lại nhiều kiệt tác như "Evegny Onegin", "Người con gái viên đại úy", "Con đầm bích", "Boris Godunov"... Ông được coi là biểu tượng của dòng văn học lãng mạn và tả thực nước Nga thế kỷ 19.

Thời thơ ấu

Pushkin sinh ngày 6 tháng 6 năm 1799 (26 tháng 5 theo lịch cũ) tại Moskva trong một gia đình quý tộc Nga có nguồn gốc từ thế kỷ 12. Mẹ ông thuộc dòng dõi của Abram Petrovich Gannibal, một người nô lệ da đen của Pyotr Đại đế. Nhờ thông minh xuất chúng và có những đóng góp lớn về quân sự, hàng hải cho nước Nga, Gannibal đã được Pyotr Đại đế nhận làm con nuôi. Thời thơ ấu, trong những tháng hè, Pushkin thường tới sống với bà ngoại tại ngôi làng nhỏ Zakharov, gần thành phố Zvenigorod, ngoại ô Moskva. Những tháng ngày êm đềm ở đây về sau này được phản ánh trong những bài thơ đầu tiên của Pushkin ("Thầy tu", 1813, "Bova", 1814; "Lời nhắn cho Yudin", 1815; "Giấc mơ", 1816).

Thời niên thiếu



Pushkin thời niên thiếu

Sáu tuổi, Pushkin được tuyển vào trường Lyceum Hoàng gia, tại Tsarskoe Selo (Hoàng Thôn, nay là thị trấn Pushkin) gần thủ đô Saint Peterburg. Thời gian theo học tại đây ông đã chứng kiến cuộc Chiến tranh vệ quốc 1812 của nước Nga chống lại quân Pháp của Napoleon I. Ông có bài thơ nổi tiếng về chủ đề này - "Hồi ức về Hoàng Thôn" ("Воспоминание о Царском Селе", 1815). Bài thơ này đã được nhà phê bình văn học Nga nổi tiếng thời bấy giờ là Gavril Romanovich Derzhavin (Гаври́л Рома́нович Державин) coi là một tác phẩm kiệt xuất và đã tôn vinh Pushkin, khi đó mới 16 tuổi, như một nhà thơ lớn của nước Nga.

Sau khi tốt nghiệp Lyceum, Pushkin tích cực tham gia vào các hoạt động văn học nghệ thuật của giới quý tộc trí thức trẻ tại Sankt-Peterburg, lúc bấy giờ đang nỗ lực đấu tranh cho một cuộc cách mạng xoá bỏ chế độ nông nô tại Nga. Thời gian này ông cho ra đời những bài thơ mang tính chính trị như "Gửi Chaadaev" ("Sự dối trá của tình, mơ, danh vọng...") ("К Чаадаеву", 1818), "Gửi N. Ya. Plyuskova" ("Н. Я. Плюсковой", 1818), "Làng quê" ("Деревня", 1819)... Năm 1820 Pushkin cho in bản trường ca đầu tiên của mình - "Ruslan và Lyudmila" ("Руслан и Людмила") và ngay lập tức tạo được tiếng vang lớn về phong cách cũng như chủ đề, mặc dù cũng phải chịu sự công kích dữ dội từ phía chính quyền

Đi đày



Bản viết tay của Pushkin

Mùa xuân 1820, do những bài thơ cách mạng, thống đốc Sankt-Peterburg, bá tước M. Miloradovich, đã quyết định đày Pushkin tới Siber. Tuy nhiên nhờ sự giúp đỡ và ảnh hưởng của những người bạn (Nicolai Mikhailovich Karamzin, Pyotr Yakovlevich Chaadaev, Fyodor Nikolaevich Glinka), cuối cùng ông chỉ phải chịu mức án nhẹ hơn là bị trục xuất khỏi thủ đô Sankt-Peterburg vô thời hạn. Sau khi rời Sankt-Peterburg, Pushkin đã đi xuống miền nam nước Nga, tới Kavkaz và Krưm, Moldavia, Kiev. Trong thời gian này ông vẫn tiếp tục cho ra đời những tác phẩm mới có ảnh hưởng rất lớn tới văn học Nga thế kỷ 19, như "Người tù Kavkaz" ("Кавказский пленник", 1822), "Gavriiliada" ("Гавриилиада", 1821), "Anh em lữ cưỡi" ("Братья разбойники", 1822), "Đài phun nước Bakhchisarayskiy" ("Бахчисарайский

фонтан", 1824). Năm 1823, ở Kishinov, Pushkin bắt tay vào viết tiểu thuyết bằng thơ, kiệt tác "Evgeny Onegin" ("Евгений Онегин").

Tháng 7 năm 1824, với đơn xin ân xá, Pushkin được chính quyền cho phép về ở khu trang trại Pskov tại vùng Mikhailovskoe dưới sự kiểm soát của gia đình. Tại Mikhailovskoe ông đã sáng tác những tác phẩm lịch sử như vở kịch "Boris Godunov" ("Борис Годунов", 1825), "Với biển cả" ("К морю", 1826), trường ca "Những người Digan" ("Цыганы", 1827).

Năm 1825, trong lần sang thăm trang trại láng giềng, Pushkin đã gặp nàng Anna Kern, người tạo cho ông cảm hứng để sáng tác bài thơ nổi tiếng "Gửi K" ("Anh nhớ mãi phút giây huyền diệu..."). Cuối năm 1825 đầu năm 1826 kết thúc chương năm và sáu của "Evgeny Onegin", mà lúc đó Puskin coi là đoạn kết cho phần một của tác phẩm.



Tượng Pushkin ở Moskva

Cuối năm 1825, thông qua một số viên chức có thiện chí, Pushkin đã được tiếp cận Sa hoàng Nikolai I để đệ đơn xin ân xá và được Sa hoàng chấp thuận. Tuy nhiên sau thất bại của cuộc Cách mạng tháng Chạp 1825 tại Saint-Peterburg, chính quyền đã xem xét lại tất cả các ấn phẩm chống đối chính quyền của Pushkin trước đó và quyết định buộc ông bị quản thúc tại gia và có chính sách kiểm duyệt nghiêm khắc các tác phẩm của nhà thơ. Pushkin đã chuyển về Moskva sống trong thời gian này.

Năm 1831 được đánh dấu bởi một sự kiện rất quan trọng trong sự nghiệp của Pushkin, ông đã có buổi gặp gỡ với Nikolai Vasilevich Gogol, một nhà văn Nga nổi tiếng khác. Cả hai nhanh chóng trở thành bạn thân và luôn hỗ trợ nhau trong hoạt động nghệ thuật. Puskin đã có ảnh hưởng lớn tới những nhân vật trong các tác phẩm châm biếm phê phán hiện thực của Gogol.

Cùng năm 1831, Pushkin kết hôn với người đẹp Natalia Goncharova, người đã đem lại cho ông cảm hứng sáng tác lớn lao. Ông hoàn tất chương "Bức thư của Onegin" trong tác phẩm "Evgeny Onegin" và cũng là chương kết của công trình vĩ đại mà nhà thơ đã mất 8 năm để thực hiện.

Trở lại Saint-Peterburg



Chân dung tự hoạ của Pushkin

Tháng 11 năm 1833, Puskin trở lại Sankt-Peterburg, và cảm thấy cần phải có những thay đổi lớn trong cuộc sống, ông không muốn bị kìm kẹp trong bốn bức tường do chế độ quản thúc.

Nhờ sự sủng ái của Sa hoàng Nikolai I, đầu năm 1834 chế độ quản thúc đối với Pushkin được nới lỏng, tuy nhiên các tác phẩm thơ ca của ông vẫn phải có sự đồng ý của Sa hoàng mới được phát hành. Do vậy hoàn cảnh kinh tế của nhà thơ không được thuận lợi, Pushkin phải đăng ký vào một chức vụ thư lại trong viện biên sử của Sa hoàng. Thời kỳ này, Puskin chuyển hướng sang viết văn xuôi. Ông sáng tác truyện vừa như "Con đầm bích" ("Пиковая дама"), tiểu thuyết như "Dubrovski" ("Дубровский", 1832-33), "Con gà trống vàng", "Người da đen của Pyotr Đại đế" (không hoàn thành)...

Cùng với những người bạn, Pushkin đã thành lập tờ tạp chí *Người đương thời* (Современник). Nhiều tác giả nổi tiếng của Nga thời bấy giờ như Alesandr Ivanovich Turgenev, N.V. Gogol, V.A. Zhukovski, P.A. Vyazemski đã ủng hộ bằng cách gửi những tác phẩm mới nhất của mình tới cho tạp chí này. Tuy nhiên, độc giả Nga khi đó chưa quen với những bài viết mang tính phê phán hiện thực sâu sắc đã không hưởng ứng tạp chí "Người đương thời". Số lượng độc giả quá ít khiến ban biên tập lâm vào tình thế rất khó khăn, họ không có đủ tiền để trang trải cho việc in ấn và thù lao cho cộng tác viên. Hai số cuối của tạp chí có đến quá nửa là sáng tác của Pushkin, phần lớn là để vô danh. Tiểu thuyết "Người con gái viên đại úy" ("Капитанская дочка") chính là được in trên tạp chí này.

Đấu súng



Chân dung Natalia Goncharova

Vợ của Puskin, Natalya Goncharova, là một phụ nữ đẹp và quý phái vì vậy luôn có rất nhiều người ái mộ, trong số đó có cả Sa hoàng Nikolai I. Trong khi đó Puskin, do nguồn gốc Châu Phi của mình, lại có một bề ngoài

không mấy bắt mắt. Điều này làm cho Puskin rất khó chịu và không ít lần cảm thấy bức bối.

Năm 1837, do những tin đồn thất thiệt về quan hệ ngoại tình của vợ mình với Georges d'Anthès, một sỹ quan kỵ binh trong quân đội Sa hoàng, Puskin đã thách đấu súng với viên sỹ quan trẻ tuổi này. Cuộc độ súng đã kết thúc hết sức bi kịch khi cả hai đối thủ đều bị thương, nhưng Puskin đã bị trọng thương và qua đời hai ngày sau đó – ngày 10 tháng 2 năm 1837 (29 tháng 1 trong lịch Julian).

Ghi chú

Sau này vào những năm 1830, Puskin đã viết cuốn tiểu thuyết về Abram Petrovich Gannibal, có tựa đề là "Người nô lệ da đen của Pyotr Đại đế". Tuy nhiên cuốn tiểu thuyết này đã không được hoàn thành vì ông bất ngờ qua đời sau vụ độ súng với Georges d'Anthes.

NGƯỜI NÔ LỆ DA ĐEN CỦA PYOTR ĐẠI ĐẾ

Chương 1

- Tôi ở Paris.
Tôi bắt đầu sống, chứ không chỉ thờ¹
Đmitriép²

Trong số những người trẻ tuổi được vua Piốt Đế Nhất gọi ra nước ngoài để học hỏi những kiến thức cần thiết cho công cuộc duy tân có người con đỡ đầu của nhà vua là Ibraghim³, một người thanh niên da đen. Ibraghim được học trong một trường võ bị ở Pari⁴ và ra trường với cấp bậc đại úy pháo binh. Chàng lập được nhiều chiến công trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha⁵, và sau khi bị thương nặng lại trở về Pari. Mặc dù bận trăm công ngàn việc, hoàng đế vẫn thường xuyên thăm hỏi về người con nuôi yêu quý của ngài, và cứ mỗi lần như vậy ngài đều nhận được những thư phúc đáp hết lời khen ngợi hạnh kiểm và những thành công của Ibraghim. Piốt rất hài lòng về Ibraghim và đã mấy lần mời chàng về Nga, nhưng Ibraghim không vội về. Chàng tìm cách thoái thác, viện đủ mọi cớ khác nhau: nào vì vết thương chưa lành hẳn, nào vì chàng muốn trao đổi thêm kiến thức, nào lại vì thiếu tiền. Vua Piốt đã khoan dung đối với những điều thỉnh cầu của chàng, khuyên chàng chú ý giữ gìn sức khỏe, cảm ơn chàng đã học hành chăm chỉ, và mặc dù nhà vua là người rất tần tiện ngay trong những khoảng chi tiêu riêng của ngài, ngài vẫn không hề tiếc gì với Ibraghim, và chàng thanh niên da đen thường được nhận khá nhiều tiền của ngân khố riêng của nhà vua, cùng với những lời khuyên nhủ và răn dạy của một người cha.

Cứ theo các sử biên ghi chép thì không thể lấy gì mà so sánh với cái tính nhẹ dạ nông cuồng và lối sống xa hoa của người Pháp thời ấy. Những năm cuối cùng của triều Luy XIV⁶ là thời gian mà triều đình đang sùng đạo, trang nghiêm rất mực, và lễ nghi được giữ gìn khắc khe, không để lại một dấu vết nào. Công tước Oóc-lăng⁷ vốn là người có nhiều đức tính lỗi lạc pha lẫn với đủ các thói xấu hủ bại, tiếc thay lại không hề có chút đạo đức giả nào. Những cuộc truy hoan ở Pale-Roian⁸ không phải là một điều gì bí mật đối với dân chúng Pari; cái gương ấy lan lây rất nhanh. Vào hồi ấy Lau⁹ xuất hiện, thói tham tiền háo của kết hợp với lòng thèm khát khoái lạc và vui chơi; bao nhiêu điền trang khánh kiệt; đạo lý suy đồi; dân Pháp cười cợt và trả nợ, và nhà nước cứ tan rã dần dần dưới những ca khúc bông lờ của các vở hài kịch châm biếm.

Trong khi đó các giới trong xã hội bày ra một quang cảnh rất lý thú. Học thức và nhu cầu mua vui khiến cho mọi hạng người đều xích lại gần nhau. Ai là người giàu có, lịch duyệt, có danh vọng, có tài ba, hay có một cái gì kỳ lạ, nghĩa là tất cả những người nào có thể cung cấp một món ăn cho trí tò mò hoặc có thể góp phần mua vui cho xã hội, đều được tiếp nhận một cách vồn vã như nhau. Văn học, khoa học và triết học rời bỏ căn phòng làm việc yên tĩnh và xuất đầu lộ diện trong các phòng khách của giới thượng lưu để vừa cung phụng cho thị hiếu thời thượng, vừa hướng dẫn cho nó. Phụ nữ vẫn được trọng vọng, nhưng không còn đòi người ta tôn thờ như trước nữa. Lễ độ hời hợt bề mặt đã thay thế cho lòng kính trọng sâu xa. Những trò ma mãnh của công tước Risolio¹⁰, một Ankibiát¹¹ của thành Aten ngày nay (tức Pari) đã được đưa vào lịch sử và có thể cho ta một khái niệm về phong tục thời bấy giờ.

Temps fortuné, marqué par la licence,
Où la folie, agitant son grelot,
D'un pied léger parcourt toute la France,
Où nul mortel ne daigne être dévot,
Où l'on fait tout excepté pénitence¹².

Ibraghim xuất hiện. Dung mạo, học thức và trí thông minh vốn có của chàng khiến cho cả thành Pari chú ý. Tất cả các phu nhân đều muốn được tiếp đón le Nègre du czar (người da đen của Nga hoàng - tiếng Pháp), họ sẵn đón mời mọc chàng; quan phụ chánh nhiều lần mời chàng dự những buổi dạ hội vui vẻ của ngài; Ibraghim có mặt trong những buổi tiệc được cổ vũ nhờ tuổi trẻ của Aruê¹³ và tuổi già của Sôliê¹⁴, nhờ những câu chuyện của Môngteskiô¹⁵ và Phôngtơnen¹⁶; chàng không bỏ qua một tối khiêu vũ nào, một ngày hội nào, một buổi khai diễn nào. Chàng lao mình vào những cơn lốc vui chơi của xã hội với tất cả tính cuồng nhiệt của tuổi trẻ và nòi giống của chàng. Nhưng không phải chỉ vì sợ phải rời bỏ cảnh vui chơi đô hội lộng lẫy này để về với cuộc sống đạm bạc khắc khổ ở triều đình Pêterburg mà Ibraghim quyến luyến ra đi. Còn có những mối bền chặt khác ràng buộc chàng. Chàng thanh niên châu Phi ấy đã yêu.

Bá tước phu nhân D. tuy đã quá tuổi hoa niên, nhưng vẫn nổi danh là người có nhan sắc. Năm mươi bảy tuổi, khi nàng ở nhà tu¹⁷ ra, gia đình gả nàng cho một người mà nàng chưa có đủ thời giờ để yêu, và về sau người đó chẳng bao giờ lo nghĩ đến điều này. Người ta hay đồn đại rằng bá tước phu nhân có nhân tình, nhưng xã hội thượng lưu vốn rộng lượng về chuyện đó, cho nên phu nhân vẫn được trọng vọng, vì chưa từng xảy ra một chuyện gì lỗi bịch hay

ly kỳ để có thể cho thể gian chê trách nàng. Nhà của bá tước phu nhân là một phòng khách thời thượng vào bậc nhất. Những bậc thượng lưu ưu tú ở Pari đều tụ tập ở đây. Người giới thiệu Ibraghim với bá tước phu nhân là công tử Mécvin, mà người ta thường cho là tình nhân sau cùng của bá tước phu nhân, và chính Mécvin cũng bằng mọi cách cố để cho mọi người cảm thấy như vậy. Bá tước phu nhân đón tiếp Ibraghim một cách nhã nhặn, nhưng không lộ vẻ gì chú ý đặc biệt đến chàng: điều đó khiến Ibraghim rất hài lòng. Thường thường thì người ta nhìn chàng thanh niên da đen như nhìn một vật lạ, họ xúm xít quanh chàng, chào hỏi rồi rút và thái độ tò mò này tuy đã được che phủ dưới một thiện cảm bề ngoài, song cũng làm cho lòng tự ái của Ibraghim bị tổn thương. Sự chú ý săn sóc dịu dàng của phụ nữ vốn là mục đích hầu như duy nhất của những sự nỗ lực của chúng ta, không những không làm cho lòng chàng thấy vui thích, mà còn khiến cho chàng buồn bực và phẫn uất. Chàng cảm thấy rằng đối với họ chàng là một loài vật lạ mắt hiếm có, một tạo vật đặc biệt, xa lạ, tình cờ rơi vào một thế giới không có gì chung với mình cả. Chàng còn thấy ganh tị với những người không được ai chú ý và cho rằng cái tầm thường của họ quả là một điều may mắn.

Vốn thường nghĩ rằng tạo hoá sinh ra mình không phải để hưởng một tình yêu được đền đáp, nên chàng không mắc phải những tâm lý tự tin viển vông và những đòi hỏi thái quá của lòng tự ái. Điều khiến cho thái độ cư xử của chàng với phụ nữ có một cái gì đáng mến đặc biệt. Câu chuyện của chàng nói bao giờ cũng đơn giản và nghiêm trang; bá tước phu nhân D. rất hài lòng lối nói chuyện đó, vì phu nhân đã chán với những câu khôi hài bất tận và những lời bóng gió sành sỏi của óc trào phúng Pháp. Ibraghim thường lui tới nhà phu nhân. Dần dần nàng quen với tướng mạo của chàng thanh niên da đen, hơn nữa còn có một cảm giác dễ chịu khi thấy mái tóc đen xoắn tít của chàng nổi bậc ở giữa những bộ tóc giả rắc phấn trong phòng khách của nàng. (Ibraghim bị thương ở đầu, nên không mang tóc giả mà chỉ buộc một dải băng). Chàng mới hai mươi bảy tuổi; dáng vóc cao lớn và cân đối, và đã có không phải một giai nhân nhìn chàng với một tình cảm phỉnh phờ hơn là cảm giác tò mò thuần túy, nhưng Ibraghim đã có sẵn định kiến nên hoặc giả không hề để ý hoặc giả cho rằng đó chỉ là một lối làm dáng. Nhưng mỗi khi mắt chàng bắt gặp đôi mắt của bá tước phu nhân, những ý nghĩ kỳ của chàng không còn nữa. Đôi mắt của nàng để lộ vẻ đôn hậu đáng yêu, cách nàng đối xử với Ibraghim giản dị, tự nhiên đến nỗi không thể nào có chút hồ nghi rằng nàng làm dáng hay có ý chế nhạo.

Ibraghim không hề nghĩ đến tình yêu, nhưng bấy giờ thấy được mặt bá tước

phu nhân mỗi ngày một bận đối với Ibraghim đã thành một việc không thể nào thiếu được. Ở nơi nào chàng cũng tìm dịp gặp bá tước phu nhân, và cứ mỗi lần được gặp như thế chàng đều thấy rằng đó là một ân huệ bất ngờ của đấng cao xanh. Bá tước phu nhân đoán được tình cảm của Ibraghim trước chính cả bản thân chàng nữa. Người ta muốn nói gì thì nói, chứ một tình yêu không hy vọng mà không đòi hỏi gì còn làm cho tâm hồn phụ nữ rung động chắc chắn hơn bất cứ thủ đoạn quyến rũ nào. Có mặt Ibraghim, phu nhân theo dõi mọi cử chỉ của chàng, lắng nghe tất cả những lời nói của chàng; khi không có chàng, phu nhân có vẻ tư lự và trở lại lơ đãng như lệ thường... Mécvin là người đầu tiên nhận thấy mối thiện cảm giữa hai người, anh ta liền có lời chúc mừng Ibraghim. Không có gì có thể làm cho tình yêu bùng cháy lên mạnh mẽ bằng một lời khuyến khích của người ngoài cuộc. Tình yêu vốn mù quáng, và vì nó không dám tin nơi mình, cho nên thường bầu víu vào bất cứ chỗ dựa nào. Những lời nhận xét của Mécvin đã thức tỉnh Ibraghim. Cho đến nay chàng chưa bao giờ dám tưởng tượng rằng mình có thể được người đẹp đền đáp; niềm hy vọng bỗng đến làm cho tâm hồn chàng sáng rực lên; chàng bắt đầu yêu mê mết, say đắm. Bá tước phu nhân hoảng sợ trước cái tình cảm quá bỗng bột, nồng nàn của chàng, cũng đã có ý muốn dùng những lời khuyên răn ôn tồn và phải chăng của lý trí và tình bằng hữu để cường lại, nhưng vô ích, vì chính phu nhân cũng mất dần sức tự chủ. Những cử chỉ đền đáp bất cần cứ liên tiếp theo nhau. Bị sức mạnh của mối tình mà chính nàng đã gây ra lôi cuốn theo, kiệt sức dưới mảng lực của nó, bá tước phu nhân đã trao thân cho Ibraghim...

Chẳng có gì giấu nổi cái nhìn xoi mói của thế gian. Chẳng bao lâu trong giới thượng lưu không còn ai không biết cuộc tình duyên mới của bá tước phu nhân. Trong số các mệnh phụ có người lấy làm lạ về cách chọn lựa của phu nhân, nhưng nhiều người cho rằng đó là một việc rất tự nhiên. Người thì chê cười bá tước phu nhân, người thì cho rằng đó là một hành động bất cần không thể tha thứ được. Trong buổi đầu say sưa hoan lạc, Ibraghim và bá tước phu nhân không hề để ý, nhưng chẳng bao lâu những câu nói đùa bóng gió của nam giới và những lời cạnh khoé của phụ nữ đã đến tai hai người. Thái độ nghiêm trang và lãnh đạm của Ibraghim kể cho đến nay đã giúp chàng thoát khỏi những lời gièm pha như vậy; bây giờ chàng chịu đựng một cách bất kham những lời mỉa mai đó và không biết nói gì để đáp lại. Bá tước phu nhân vốn quen được dư luận kính nể, nên không thể đứng vững khi thấy mình đã trở thành một đối tượng cho những chuyện ngồi lê mách lẻo và giễu cợt. Phu nhân hết khóc lóc than phiền với Ibraghim, lại trách móc chàng một cách

chua chát, hoặc van xin chàng đừng lên tiếng bênh vực mình, sợ rằng như thế chuyện sẽ âm lên thêm và phu nhân sẽ bị vùi dập hẳn trong dư luận.

Một việc mới xảy ra khiến cho tình cảnh của phu nhân càng thêm khó xử. Hậu quả của cuộc ái ân bất cẩn đã lộ rõ. Ibraghim hết lời an ủi, khuyên răn, bàn bạc, nhưng đều bị bá tước phu nhân gạt đi. Phu nhân thấy mình không còn cách gì tránh khỏi cái chết và tuyệt vọng đợi cái ngày bị đát đó.

Tình cảnh của bá tước phu nhân vừa truyền đi, thì những lời ong tiếng ve lại càng xôn xao hơn bao giờ hết. Các mệnh phụ đa cảm kinh hãi cuống lên; đàn ông thì đánh cuộc với nhau xem bá tước sẽ sinh ra một đứa bé da trắng hay da đen. Người ta làm những câu vè chế giễu ông bá tước; ở Pari ông là người duy nhất không hề biết tí gì, mà cũng không hề có ý nghi ngờ gì cả.

Cái phút thảm hoạ đã sắp đến. Tình cảnh của bá tước phu nhân thật là khủng khiếp. Ibraghim hàng ngày đến với nàng, chàng thấy rõ sức lực tinh thần và thể chất của phu nhân ngày một kiệt dần. Nàng luôn luôn khóc lóc, hoảng sợ. Cuối cùng đã đến lúc phu nhân bắt đầu chuyển dạ. Người ta lập tức tìm cách đối phó. Họ đã tìm được cách làm cho bá tước đi nơi khác. Bác sĩ đến. Hai ngày trước người ta đã thương lượng với một người đàn bà nhà nghèo để sinh lại đứa con mới đẻ của người đó; một người nhà tâm phúc được phái đi đưa đứa bé về. Ibraghim đứng trong gian phòng sát cạnh phòng ngủ của bá tước phu nhân, nơi người đàn bà bất hạnh đang quằn quại trong cơn đau sinh nở. Ibraghim không dám thở nữa, chàng nghe thấy những tiếng kêu đã khản đặc của phu nhân, tiếng thì thầm của cô hầu gái và những lời sai bảo của bác sĩ. Phu nhân đau đớn rất lâu. Mỗi tiếng rên rỉ của nàng như vò xé tâm can Ibraghim, mỗi giây lát yên lặng đều khiến cho chàng vô cùng hoảng sợ... Bỗng chàng nghe tiếng khóc yếu ớt của đứa trẻ và không sao đủ sức kiềm hãm nỗi vui sướng tốt độ, Ibraghim lao vào phòng bá tước phu nhân - một đứa trẻ sơ sinh da đen nằm bên chân nàng. Ibraghim lại gần đứa bé. Tim chàng đập mạnh. Chàng đưa tay run run làm dấu ban phúc cho đứa con trai. Bá tước phu nhân mỉm một nụ cười nhợt nhạt và đưa bàn tay yếu ớt ra cho chàng... nhưng bác sĩ sợ rằng người ở cũ bị xúc động mạnh quá, bèn kéo Ibraghim ra. Người ta đặt đứa bé sơ sinh vào một cái giỏ kín và mang ra khỏi nhà qua một cầu thang bí mật. Họ mang đứa bé kia lại và đặt nôi của nó vào phòng ngủ của phu nhân. Ibraghim ra về, lòng đã bớt xúc động. Người ta đợi bá tước về. Bá tước về muộn; thấy phu nhân đã mãn nguyệt khai hoa bình yên vô sự, bá tước rất hài lòng. Công chúng bấy lâu chờ đợi một tin bất hủ để có dịp làm ồn, nay hoá ra bị tương hừng và đành giải khuây bằng cách nói xấu suông.

Mọi việc lại trở lại bình thường. Nhưng Ibraghim cảm thấy rằng số phận của chàng phải thay đổi và không chóng thì chầy rồi cuộc tình duyên của chàng cũng sẽ đến tay bá tước D. Đến lúc ấy dù sự thế có ra sao, thì thảm họa tử vong đối với bá tước phu nhân cũng không thể nào tránh khỏi được nữa. Chàng yêu tha thiết, và cũng được yêu lại tha thiết như vậy; nhưng bá tước phu nhân là người nhẹ dạ, hay thay đổi. Phu nhân yêu lần này chẳng phải là lần đầu. Những tình cảm đắm thắm nhất trong lòng nàng có thể nhường chỗ cho lòng kinh tởm, thù ghét. Ibraghim đã thấy trước lòng phu nhân sẽ có lúc nhạt tình; cho đến nay chàng chưa bao giờ phải ghen tuông, nhưng chàng vẫn kinh hãi thấy trước rằng rồi đây chàng sẽ phải qua đoạn đường đó; chàng hình dung thấy rằng những nỗi đau đớn của phân ly chắc vẫn không đến nỗi day dứt bằng, và chàng đã có ý định dứt bỏ mối tình bất hạnh, rồi Pari trở về nước Nga, nơi vua Piôt và một ý thức bốn phận mơ hồ đang gọi chàng.

Chương 2

- *Sắc đẹp chẳng còn ve vuốt nổi,
Niềm vui nào cảm phục được bao,
Trí tuệ đâu còn nông nổi nữa,
Thành công ta đạt - biết nói sao...
Trăn trở khát thèm niềm vinh dự
Mãi nghe - ồn ã tiếng tăm reo!¹⁸
Đergiavin*

Ngày tháng trôi qua nhưng chàng Ibraghim si tình vẫn chưa đành lòng rời bỏ người đàn bà mà chàng đã quyến rũ. Bá tước phu nhân đã ngày một thêm quyến luyến chàng. Đứa con trai của họ được nuôi nấng ở một tỉnh xa. Những lời bàn tán ra vào bắt đầu im dần, và hai người tình nhân bắt đầu được hưởng những ngày êm ả, lặng yên nhớ lại cơn bão táp đã qua và cố gắng không nghĩ đến tương lai.

Một hôm Ibraghim đang đứng ở cổng toà nhà của công tước Oóclêăng. Công tước đi ngang, thấy chàng thì dừng lại và trao cho chàng một bức thư, nói rằng chàng có thể đọc vào lúc rỗi rãi. Đó là một bức thư của Piôt Đế Nhất gửi công tước Oóclêăng. Nhà vua đoán ra nguyên nhân thật của việc Ibraghim không muốn về, ngài viết cho công tước Oóclêăng rằng ngài không hề có ý định ép uống Ibraghim bất cứ điều gì, ngài sẽ để cho Ibraghim tự quyết định lấy, muốn về Nga hay không là tùy chàng, nhưng dù có thế nào chăng nữa thì nàng vẫn không bao giờ ruồng bỏ người con nuôi của ngài. Bức thư này

khiến Ibraghim cảm động đến tận đáy lòng. Từ phút đó số phận của chàng đã được định đoạt. Ngày hôm sau chàng cho quan phụ chánh biết rằng chàng sẽ lập tức trở về Nga. Công tước bảo chàng: "Anh hãy suy nghĩ cho kỹ đi. Nước Nga không phải là tổ quốc của anh; tôi chắc anh sẽ không bao giờ thấy lại nơi quê hương nồng nức của anh nữa; nhưng anh đã sống ở Pháp một thời gian rất lâu cho nên đối với khí hậu và lối sống của nước Nga bán khai kia anh cũng đã trở nên rất xa lạ. Anh sinh ra không phải thần dân của vua Piốt. Hãy nghe tôi: vua Piốt đã rộng lượng để anh tự ý quyết định như vậy thì anh nên ở lại Pháp, anh đã từng đổ máu vì nước Pháp, và xin anh tin tưởng rằng ở đây công lao và tài năng của anh cũng sẽ được đền bù xứng đáng".

Ibraghim chân thành cảm tạ công tước, nhưng vẫn kiên trì với ý định của mình. Quan phụ chánh nói: "Thật đáng tiếc, nhưng kể ra anh làm như vậy là rất phải". Công tước hứa giải quyết việc hồi hưu cho chàng và lập tức viết thư cho vua Nga kể hết mọi việc.

Ibraghim nhanh chóng sửa soạn lên đường. Trước ngày ra đi một hôm, Ibraghim vẫn như thường lệ đến chơi buổi tối ở nhà bá tước phu nhân D. Phu nhân không hề hay biết gì cả. Ibraghim không có đủ can đảm thổ lộ với nàng. Tối hôm ấy bá tước phu nhân rất bình thản và vui vẻ. Nàng nhiều lần gọi Ibraghim lại gần và đùa bỡn cái vẻ tư lự của chàng. Sau bữa ăn tối mọi người ra về. Trong phòng khách chỉ còn bá tước phu nhân, chồng nàng và Ibraghim. Chàng thanh niên bất hạnh ấy lúc bấy giờ có thể hy sinh mọi vật ở trên đời này để gặp riêng phu nhân một lát; nhưng bá tước hình như đã yên vị quá ư thoải mái bên cạnh lò sưởi, cho nên khó lòng có thể hy vọng đẩy bá tước ra khỏi phòng. Cả ba người cùng im lặng. Cuối cùng bá tước phu nhân nói:

- Bonne nuit (chúc ngủ ngon - tiếng Pháp).

Lòng Ibraghim thắt lại và đột nhiên chàng cảm thấy tất cả những cực hình khủng khiếp của chia ly. Chàng đứng yên. Bá tước phu nhân nhắc lại:

- Bonne nuit, messieurs (chúc các ngài ngủ ngon - tiếng Pháp)

Ibraghim vẫn không nhúc nhích... Cuối cùng mắt chàng tối sầm lại, chàng thấy chóng mặt và khó nhọc lắm chàng mới bước được ra khỏi phòng. Về đến nhà, chàng liền viết bức thư sau đây, trong một tâm trạng gần như điên dại:

"Lêônora yêu dấu, anh đi đây, anh từ biệt em vĩnh viễn. Anh viết thư cho em, bởi vì anh không thể có đủ sức để bày giải cùng em bằng cách khác.

Hạnh phúc của anh không thể tiếp tục được nữa. Anh đã được hưởng nó, bất chấp số phận, bất chấp tạo hoá. Thế nào rồi em cũng có ngày sẽ không còn yêu anh nữa; tình say đắm khi rồi có ngày sẽ mất. Ý nghĩ này luôn bám theo

anh, ngay cả trong những giây phút mà hình như anh đã quên hết, khi bên chân em anh say sưa uống lấy sự hy sinh cuồng nhiệt của em, nguồn ái ân không bao giờ cạn của em... Thế gian nhẹ dạ lắm, những việc gì mà trên lý thuyết nó chấp nhận, thì trên thực tế nó lại xua đuổi không thương tiếc: không chóng thì chầy, những lời nhạo báng tàn nhẫn của thế gian cũng sẽ thắng được em, sẽ khuất phục được tâm hồn nồng nhiệt của em và cuối cùng rồi em sẽ cảm thấy hổ thẹn về tình yêu say đắm của em... Bấy giờ anh sẽ ra sao? Không! Thà chết, thà từ biệt em trước phút khủng khiếp ấy...

Sự yên tĩnh của em đối với anh quý giá hơn tất cả: em không thể hưởng nó, một khi mà mắt thế gian đang đổ dồn vào chúng ta. Xin em nhớ lại tất cả những gì em phải chịu đựng, tất cả những gì đã xúc phạm đến lòng tự ái của em, tất cả những cực hình của lo sợ; xin em nhớ lại giờ phút ra đời bi đát của con trai chúng ta. Em thử nghĩ xem: lẽ nào anh cứ bắt em chịu mãi những giờ phút kinh hoàng và nguy hiểm ấy? Tại sao cứ cố ràng buộc cuộc đời của một giai nhân dịu dàng, kiều diễm như thế với số phận hẩm hiu của một gã da đen, một tạo vật thấp hèn, vị tất đã xứng đáng với danh hiệu một con người?

Tha thứ cho anh nhé, Lêônora, người bạn đáng yêu, người bạn duy nhất của anh. Từ biệt em là từ biệt những niềm vui đầu tiên và cuối cùng của đời anh. Anh không có tổ quốc, cũng không có người thân thuộc. Anh trở về nước Nga buồn tẻ, ở đây nỗi cô đơn hoàn toàn sẽ là nguồn an ủi đối với anh. Những công việc khắc khổ mà từ nay anh sẽ làm, nếu không dập tắt được thì ít ra cũng giúp anh khuây khoả những nỗi niềm đau khổ về những ngày hạnh phúc hoan lạc bên em... Lêônora, tha thứ cho anh nhé, anh dứt ra khỏi bức thư này như dứt ra khỏi đôi cánh tay mềm dịu của em; em tha thứ cho anh, anh xin cầu mong cho em được hạnh phúc - xin em thỉnh thoảng nghĩ đến gã da đen đáng thương, đến Ibraghim trung thành của em".

Ngay đêm ấy chàng lên đường đi sang Nga.

Ibraghim thấy cuộc hành trình không đến nỗi khủng khiếp như chàng tưởng. Trí tưởng tượng đã thắng cõi thực tế. Chàng càng đi xa Pari thì những gì chàng già từ vĩnh viễn lại hiện rõ ra trước mắt chàng, sinh động, gần gũi hơn bao giờ hết.

Thấm thoát Ibraghim đã đến biên giới Nga. Mùa thu đã đến. Nhưng mấy anh xà ích, mặc dù đường xấu vẫn đưa chàng đi nhanh như gió và ngày thứ mười bảy của cuộc hành trình, và một buổi sớm, xe chàng đã về đến Kraxnôie Xêlô¹⁹, một làng ở bên đường thiên lý hồi bấy giờ.

Từ đây đến Pêterburg còn hai mươi tám véc-xta (đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga, bằng 1,067 ki-lô-mét). Trong khi những người xà ích thẳng ngựa,

Ibraghim vào trạm. Một người cao lớn mặc áo ca-phơ-tan màu xanh lá cây đang ngồi trong góc, mồm ngậm một cái tẩu thuốc bằng đất nung, khuỷu tay chống lên bàn, chăm chú đọc mấy tờ báo ở Hăm-bua gửi đến. Nghe có tiếng người bước vào, người đó ngẩng đầu lên. Trông thấy Ibraghim, người ấy vụt đứng dậy, kêu to:

- A! Ibraghim đấy à? Chào con!

Ibraghim nhận ra vua Piốt, mừng quá, toan chồm lại ôm chầm lấy, nhưng nửa chừng sức nhớ lễ vua tôi, liền kính cẩn dừng lại. Nhà vua lại gần Ibraghim, ôm lấy chàng và hôn lên đầu chàng. Vua Piốt nói:

- Ta nghe bảo có con về, nên ra đây đón con. Ta đợi con ở đây từ hôm qua.

Ibraghim không biết nói gì để tỏ lòng biết ơn nữa. Nhà vua nói tiếp:

- Con bảo họ đánh chiếc xe của con theo sau; còn con thì cùng ngồi xe với ta về.

Chiếc xe ngựa của nhà vua đã đánh ra. Piốt và Ibraghim lên xe. Chiếc xe chuyển bánh. Một giờ rưỡi sau họ vào địa phận kinh thành Pê-têr-burg. Ibraghim tò mò ngắm cảnh kinh kỳ mới xây dựng đang vươn lên cao tự cánh đồng lầy, tuân theo ý muốn của nhà vua quyền lực tối thượng. Những con đê trần trụi, những con sông đào chưa xây bờ, những chiếc cầu gỗ nhan nhản ở khắp nơi đánh dấu cuộc chiến tranh giữa ý chí của con người với thiên nhiên diễn ra cách đây không lâu, trong đó con người đã chiếm phần thắng. Nhà cửa có vẻ như được dựng lên một cách hối hả vội vàng. Trong khắp thành phố không thấy có gì tráng lệ ngoài con sông Nê-va, bấy giờ chưa xây bằng bờ đá hoa cương, nhưng đã chật ních những thuyền chiến và thuyền buôn.

Cỗ xe ngựa của nhà vua dừng lại trước mặt một toà lâu đài gọi là Cung điện vườn Txaritxun. Trên thềm có một người thiếu phụ tuổi chừng ba mươi lăm ra đón vua Piốt. Bà ta rất đẹp, ăn mặc theo thời trang mới nhất ở Pari. Piốt ôm hôn vào môi bà ta và cầm tay Ibraghim nói:

- Ê-katê-rina²⁰, có nhận ra cậu con đỡ đầu của ta không? Ta xin mình yêu thương cậu ta như cũ.

Ê-katê-rina đưa đôi mắt đen và sắc nhìn Ibraghim và niềm nở đưa bàn tay cho chàng hôn. Hai cô thiếu nữ trẻ măng, người cao dong dỏng, tươi như hai đoá hoa hồng, đứng sau lưng hoàng hậu và kính cẩn bước lại gần vua Piốt. Nhà vua nói với một trong hai nàng công chúa :

- Lidavêta, con có nhớ chú bé da đen ăn cắp táo của ta cho con ở Ô-ranhiênbaum²¹ không? Đây, chính là chú ta, cha xin giới thiệu.

Công chúa Lidavêta bật cười và đỏ mặt. Họ vào phòng ăn. Bàn ăn đã dọn sẵn chờ nhà vua về. Vua Piốt cùng cả nhà ngồi ăn bữa trưa, mời cả Ibraghim

cùng ăn. Nhà vua nói chuyện hàn huyên với Ibraghim, hỏi chàng về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, về công việc nội trị của nước Pháp, về quan phụ chánh, là người mà Piốt rất mến, mặc dù có nhiều điểm nhà vua vẫn chê trách. Ibraghim vốn có sẵn trí tuệ chính xác và biết quan sát đúng. Piốt rất hài lòng với những câu trả lời của chàng: Ngài nhắc lại tính cách trong thời thơ ấu của Ibraghim và kể chuyện vui vẻ, hồn nhiên đến nỗi không ai có thể ngờ rằng ông chủ nhà hiền hậu và mến khách này lại là vị anh hùng của trận Pôntava²², vị vua quyền lực vô song và cũng vô cùng hung bạo đang cải tạo toàn thể nước Nga.

Sau bữa ăn trưa, theo phong tục Nga, nhà vua đi nghỉ. Ibraghim ngồi lại với hoàng hậu và hai nàng công chúa. Chàng cố gắng làm thoả mãn trí tò mò của họ, miêu tả lối sinh hoạt ở Pari, những ngày hội và những thị hiếu thời thượng ở đây. Trong khi đó một số thân cận của nhà vua lục tục vào cung. Ibraghim nhận ra công tước Mensikốp²³, một người rất oai vệ. Trong thấy Ibraghim đang ngồi nói chuyện với hoàng hậu Êkatêrina, Mensikốp kiêu hãnh đưa mắt liếc nhìn chàng. Ibraghim còn nhận ra công tước Đôngôruki²⁴ một quan cổ vấn rất nghiêm ngặt của Piốt, nhà bác học Bruýt²⁵, một người mà trong dân gian người ta thường gọi là Phaoxtơ²⁶ của người Nga, chàng Ragudinxki²⁷ trẻ tuổi, trước kia là bạn học của Ibraghim và nhiều người khác nữa, đến tâu trình và đợi lệnh của nhà vua.

Hai giờ sau vua Piốt ra. Ngài bảo Ibraghim:

- Để xem anh chàng này có quên mất công việc ngày trước không nào. Cầm lấy cái bảng đá và theo ta.

Vua Piốt vào phòng làm việc, đóng kín cửa lại vào bắt tay vào các công việc trị quốc. Nhà vua lần lượt giải quyết công việc với Bruýt, với công tước Đôngôruki, với viên tướng cảnh sát trưởng Êđevê²⁸ và đọc cho Ibraghim chép một vài sắc lệnh và quyết nghị. Ibraghim không khỏi kinh ngạc về trí tuệ thông minh vững chắc và mau lẹ của nhà vua, sức tập trung mạnh mẽ và uyển chuyển cũng như khả năng bao quát nhiều mặt hoạt động của ngài. Giải quyết xong các công việc, Piốt rút quyển sổ tay ra soát lại xem tất cả những việc dự định cho ngày hôm nay đã làm tròn chưa. Sau đó nhà vua ra khỏi phòng làm việc và bảo Ibraghim:

- Muộn rồi, ta chắc con mệt rồi đấy: con cứ ngủ lại đây như ngày xưa. Mai ta sẽ thức con dậy.

Ibraghim ngồi lại một mình, bàng hoàng như trong một cơn mê. Thế là chàng đã trở về Pêterburg, chàng lại được thấy các bậc vĩ nhân đã sống cạnh chàng

suốt thời thơ ấu: nào hồi ấy chàng đã biết giá trị của người ấy đâu? Trong thâm tâm Ibraghim thấy có một cái gì như lòng hối hận: đây là lần đầu tiên sau khi chia tay, bá tước phu nhân D. không còn là suy nghĩ duy nhất của chàng trong suốt một ngày. Ibraghim thấy rằng cuộc sống mới đang chờ đợi chàng với những công việc bận rộn của nó sẽ có thể làm sống lại tâm hồn chàng vốn đã mệt mỏi vì những dục vọng, vì cuộc sống nhàn tản và nỗi sầu thầm kín. Nghĩ rằng nay mình là phụ tá của một vĩ nhân, được cùng người ấy đối thay vận mệnh của một dân tộc vĩ đại, lần đầu tiên chàng cảm thấy có một cảm giác tự hào cao cả. Lòng tràn ngập với những ý nghĩ đó, Ibraghim nằm xuống chiếc giường nhỏ dùng khi hành quân đã được dọn sẵn cho chàng, và khi chàng thiếp đi, giấc mơ quen thuộc lại đưa chàng trở lại thành Pari xa xăm, trong cánh tay ôm ấp của bá tước phu nhân dịu dàng xinh đẹp.

Chương 3

- *Như những đám mây trên bầu trời
Ý nguyện chúng ta cũng đổi thay dáng hình mỏng manh
Bữa nay chúng ta yêu thương, nhưng ngày mai lại đã căm giận.*
V.Kiukhenbeker²⁹

Sáng hôm sau Piốt y hẹn đánh thức Ibraghim dậy, phong cho chàng làm trung úy đại đội pháo binh trung đoàn Prêôbragienxki³⁰ là đơn vị mà xưa kia chính nhà vua đã từng làm đại úy. Các triều thần vây quanh Ibraghim, mỗi người một cách cố lấy lòng con người được nhà vua yêu mến. Công tước Mensikốp kiêu ngạo là thế mà cũng thân mật bắt tay Ibraghim. Sêrêmêchép³¹ thì hỏi thăm các bạn quen của ông ta ở Pari, còn Gôlôvin³² thì mời chàng đến ăn bữa trưa. Tấm gương này được nhiều người khác noi theo, đến nỗi rốt cuộc ít nhất là trong một tháng Ibraghim không có ngày nào ăn ở nhà cả. Ibraghim sống qua những ngày đều đặn giống nhau, nhưng bận rộn, nên chàng không lúc nào thấy buồn. Ibraghim mỗi ngày một thấy lòng mình gần bó với nhà vua; chàng hiểu rõ thêm, sâu thêm tâm hồn cao cả của bậc vĩ nhân. Theo dõi những tư tưởng của một con người như vậy là một khoa học cực kỳ lý thú. Ibraghim được thấy Piốt Đế Nhất trong Pháp viện tối cao³³, tranh luận với Buturlin³⁴ và Đôngôruki, phân tích các vấn đề quan trọng về pháp luật ở hội đồng hải quân³⁵ khẳng định thế lực của nước Nga trên mặt biển, chàng nhìn thấy nhà vua ngồi với Phêôphan³⁶, Gavriin Buginxki³⁷ và Kôpiêvích³⁸ trong những giờ nghỉ ngơi xem những bản dịch tác phẩm của các nhà công pháp ngoại quốc hay đi thăm xưởng chế tạo của một thương

gia, xưởng thợ của một thợ thủ công hay phòng làm việc của một nhà bác học. Ibraghim thấy nước Nga như một công xưởng khổng lồ, ở đó toàn thấy máy móc hoạt động, ở đó mỗi người thợ đều răm rắp tuân theo trật tự đã định mà làm công việc của mình. Ibraghim cho rằng mình cũng có bốn phận phải ra sức làm việc bên bàn máy của mình, và chàng cố gắng làm sao bớt tiếc những cảnh vui chơi nhàn hạ của cuộc sống ở Pari. Nhưng có một kỷ niệm khác, một kỷ niệm êm đềm mà chàng thấy khó xua đuổi hơn: Ibraghim vẫn luôn nhớ đến bá tước phu nhân D., chàng tưởng tượng thấy nỗi phần uất chính đáng của nàng, rồi nước mắt và nỗi đau buồn. Nhưng đôi khi một ý nghĩ khủng khiếp khiến cho lồng ngực chàng như thắt lại: cảnh sống bồng lỏng của giới thượng lưu, một cuộc tình duyên mới, một kẻ khác được diễm phúc... Ibraghim rùng mình; lòng ghen tuông bắt đầu sôi sục lên trong dòng máu châu Phi của chàng, và những giọt nước mắt nóng ran chỉ chực tuông chảy trên da mặt đen nhánh của chàng.

Một buổi sáng Ibraghim đang ngồi trong phòng làm việc, giữa những tập giấy tờ công vụ, thì chợt nghe một tiếng chào rất to bằng tiếng Pháp; Ibraghim giật mình quay lại thì thấy Koócxakốp³⁹, một người bạn trẻ khi chàng về Nga hãy còn ở lại giữa cơn lốc của thành Pari hoa lệ. Koócxakốp ôm hôn Ibraghim và vui sướng reo lên. Koócxakốp nói: "Tôi mới về liền chạy thẳng đến tìm anh đây. Tất cả các bạn quen ở Pari đều có lời thăm anh, họ đều nhớ anh; bá tước phu nhân D. dặn tôi thế nào cũng tìm anh cho được, đây có bức thư của bà ta gửi anh đây". Ibraghim run run chộp lấy thư. Chàng nhìn nét chữ quen thuộc mà không dám tin ở mắt mình nữa. "Tôi thật lấy làm mừng, - Koócxakốp tiếp, - rằng anh chưa chết buồn ở cái thành Pêterburg man rợ này! Ở đây người ta làm gì cho qua thời giờ? Thợ may nào chuyên may áo cho anh? Đây có gì xem không, ít ra cũng phải có nhạc kịch chứ?" Ibraghim lơ đãng đáp lại rằng có lẽ bây giờ nhà vua đang làm việc ngoài xưởng đóng tàu ấy. Koócxakốp bật cười: "Thôi, anh chàng này, anh ta nói, bây giờ cũng chẳng còn trí óc nào mà nói chuyện với tôi đâu; để lúc khác hãy nói chuyện cho thoả nhé; tôi đi trình diện với đức vua đây". Nói đoạn Koócxakốp quay người lại bằng một gót giày và chạy ra ngoài.

Ibraghim ngồi lại một mình, vội vàng bóc phong bì ra. Bá tước phu nhân dịu dàng than thở với chàng, oán trách chàng đã có thái độ vờ vĩnh và không tin nàng. Phu nhân viết:

"Anh bảo rằng sự yên tĩnh của em đối với anh là điều quý giá nhất trên đời. Ibraghim! Nếu quả thật như thế, thì sao anh lại nỡ bắt em phải chịu những phút khủng khiếp như khi em nhận được cái tin bất ngờ là anh đã ra đi? Anh

sợ rằng em sẽ giữ anh lại; xin anh tin cho rằng dù em yêu anh say đắm, em vẫn có thể hy sinh tình yêu của em vì hạnh phúc của anh, vì cái mà anh xem là nhiệm vụ của anh". Cuối bức thư, bá tước phu nhân thiết tha xin Ibraghim tin cho rằng nàng vẫn yêu Ibraghim say đắm và khẩn khoản chàng viết thư cho mình, dù chỉ là thỉnh thoảng, nếu không hy vọng gì còn có lúc gặp nhau nữa.

Ibraghim đọc đi đọc lại bức thư này đến vài chục lần, lòng bồi hồi cảm động; chàng hôn hít mãi mấy dòng chữ vô giá đó. Ibraghim vô cùng sốt ruột muốn nghe thêm tin tức về bá tước phu nhân, và đã toan lên xe đến xưởng đóng tàu mong gặp Koócxakốp ở đấy, nhưng cánh cửa đã vụt mở và Koócxakốp lại bước vào. Anh ta đã đến trình diện vua Piốt và cũng như thường lệ, anh ta có vẻ rất hài lòng về bản thân mình. Koócxakốp bảo Ibraghim: "Entre nous (nói riêng giữa chúng mình với nhau - tiếng Pháp), nhà vua thật là một con người hết sức kỳ quặc; anh thử tưởng tượng là tôi gặp ngài trên cột buồm của một chiếc tàu mới đóng, mình mặc một cái áo lót bằng vải thô có lạ không chứ, tôi phải leo tít lên trên ấy đưa các thư tín cho ngài. Tôi đứng trên thang dây, không sao có đủ chỗ để làm một cái révérence (chào cung kính: nghiêng mình, gập chân, hai tay dang ra - tiếng Pháp) cho tươm tất, thành ra cứ lúng túng mãi; từ bé đến lớn chỉ có lần này tôi mới bị lúng túng như thế đấy. Tuy nhiên đức vua đọc xong các thư từ, liền nhìn tôi từ đầu đến chân và có vẻ rất lấy làm vừa lòng kiểu ăn mặc rất sang mà lại có "gu" của tôi: dù sao thì ngài cũng mỉm cười và mời tôi đến dự buổi vũ hội⁴⁰ hôm nay. Nhưng ở Pêterburg thì tôi hoàn toàn như một người ngoại quốc, sáu năm nay sống ở nước ngoài tôi quên hết các phong tục tập quán ở đây rồi; anh làm ơn hướng dẫn cho tôi, anh ghé lại cùng đi với tôi, rồi giới thiệu tôi nhé". Ibraghim ưng thuận và vội vã lái câu chuyện sang một vấn đề thiết thân đối với chàng hơn.

- Thế bá tước phu nhân D. ra sao?

- Bá tước phu nhân ấy à? Ô, cố nhiên là lúc đầu khi anh mới ra đi, bá tước phu nhân buồn lắm; rồi về sau cố nhiên cũng khuây khoả dần và bắt tình nhân với một người khác, này anh có biết ai không? Hầu tước R. đấy; cái anh chàng dài loẵng ngoẵng ấy mà; ồ, sao anh trợn tròn xoe đôi mắt trắng giả ấy ra làm gì thế? Anh cho những chuyện ấy lạ lắm phỏng; chả nhẽ anh lại không biết rằng người ta không ai buồn được lâu, nhất phụ nữ; thôi anh nghĩ cho kỹ việc này đi, còn tôi thì bây giờ xin về nghỉ cho lại sức; anh đừng quên ghé lại đàng tôi đấy nhé.

Những tình cảm gì chất chứa đầy tâm hồn Ibraghim kia? Ghen tuông ư? Cuồng dại ư? Hay là tuyệt vọng? Không, chỉ có một nỗi chán chường sâu xa,

u uất mà thôi. Chàng tự nhủ: cái đó ta đã thấy trước; việc đó thế nào cũng phải xảy ra. Rồi Ibraghim giở bức thư của bá tước phu nhân ra đọc một lần nữa và gục đầu xuống khóc nức nở. Chàng khóc hồi lâu. Nước mắt tuôn ra khiến cho lòng chàng nhẹ bớt. Liếc nhìn đồng hồ, chàng thấy đã đến giờ phải ra đi. Giá mà được miễn thì Ibraghim thật rất hài lòng, nhưng đi dự vũ hội này là một nhiệm vụ; nhà vua đã ra nghiêm lệnh cho các cận thần thế nào cũng phải đến dự. Ibraghim mặc áo và lên xe đến nhà Koócxakốp.

Koócxakốp mình mặc áo choàng ngủ, đang ngồi đọc một quyển sách Pháp. Thấy Ibraghim, anh ta hỏi:

- Sớm thế à?

Ibraghim đáp:

- Xin lỗi anh, đã năm giờ rưỡi rồi; chúng ta đến muộn mất; anh mặc áo quần nhanh lên mà đi.

Koócxakốp cuống lên, rung chuông rồi rít gọi giai nhân; họ hối hả chạy lại; Koócxakốp hấp tấp mặc quần áo. Anh hầu phòng người Pháp đưa cho chàng ta một đôi giày gót đỏ, một cái quần bằng nhung màu xanh nhạt, một cái áo ca-phơ-tan màu hồng thêu kim tuyến; ở phòng ngoài người ta cuống quýt rắc phấn lên bộ tóc giả và mang vào cho Koócxakốp. Koócxakốp vội rút cái đầu húi ngắn và bộ tóc giả, rồi bảo người nhà đưa kiểm và găng tay, quay đi quay lại trước tấm gương đến mười lần, rồi bảo Ibraghim là mình đã sửa soạn xong. Bọn đầy tớ đưa áo su-ba da gấu cho hai người, và đôi bạn cùng lên xe đến Cung điện Mùa Đông.

Koócxakốp luôn mồm hỏi Ibraghim: ai là hoa khôi ở Pêterburg? Ai nổi tiếng là người khiêu vũ giỏi nhất? Hiện nay điệu nhảy nào hợp thời nhất? Ibraghim miễn cưỡng trả lời ông bạn tò mò. Trong khi đó họ cũng đã đến gần cung điện. Đã có rất nhiều xe trượt tuyết, xe tứ mã cũ kỹ và xe song mã thếp vàng đỗ trên sân cỏ. Trên thềm tập nập những người xà ích mặc đồng phục và để râu mép, những người xa hậu mặc áo thêu lon óng ánh, đội mũ có tua lông và tay cầm trượng, những người lính hầu, những chú võ đồng, những anh hành bộc lúng túng dưới những đồng áo khoác và bao tay của chủ: đó là bầy tùy tùng cần thiết theo quan niệm của các chúa quý tộc thời ấy.

Thấy Ibraghim, trong đám gia nhân có tiếng xì xào: "Ông A Rập! Ông A Rập của Hoàng thượng đấy!" Ibraghim hấp tấp dẫn Koócxakốp đi qua đám gia nhân hỗn tạp đó. Người hầu trong cung mở rộng cửa ra trước mặt hai người, và họ bước vào phòng. Koócxakốp sửng sốt... Trong gian phòng lớn thấp những cây đèn nến mờ lờn cháy lơ mờ giữa những đám khói thuốc lá dày đặc, những vị đại thần vai khoác băng xanh, những sứ thần, những

thương nhân ngoại quốc, những sĩ quan cận vệ mặc quân phục xanh lá cây, những ông thợ đóng tàu lão luyện mặc áo cánh và quần sọc, làm thành một đám đông lơ nhố đi lại ở giữa tiếng nhạc kèn cử không ngớt. Các mệnh phụ và các tiểu thư ngồi ở sát tường; những người còn trẻ lộng lẫy trong những bộ áo sang trọng hợp thời trang. Vàng bạc óng ánh trên áo váy ngoài, phía trên những chiếc váy xoè có khung cứng, tấm thân mảnh khảnh của họ vươn lên như những cuống hoa; những hạt kim cương lánh lánh trên tay, trong những búp tóc dài lượn sóng và quanh cổ. Họ vui vẻ ngoảnh đi ngoảnh lại, chờ các khách nhảy nam giới đến để bắt đầu cuộc khiêu vũ. Các bà đứng tuổi thì cố gắng phối hợp một cách tinh xảo các kiểu áo mới với lối trang phục xưa: những chiếc mũ kiểu mới trùm lên những chiếc mũ chụp bằng lông chồn nâu kiểu hoàng hậu Natalia Kirilốpna⁴¹, còn các kiểu áo dài và áo khoác vai của họ vẫn có một cái gì giống áo xa-ra-phan và áo chên bông ngày trước. Hình như họ thấy bỡ ngỡ thì đúng hơn là thấy vui thích những cuộc vui tân thời này, và bức bối liếc sang các bà vợ và các cô con gái của mấy ông thuyền trưởng Hà Lan mặc váy vải sọc và áo ngắn màu đỏ, tay đan bít-tất và cười nói với nhau như ở nhà vậy.

Koócxakốp cứ ngẩn người ra mà nhìn. Thấy có hai người khách mới đến, một người hầu vội bưng chiếc khay trên có chai bia và mấy cái cốc lại. Koócxakốp hỏi thăm Ibraghim:

- Que diable est-ce que tout cela? (Cái gì kỳ cục thế này? - tiếng Pháp)

Ibraghim không thể không mỉm cười.

Hoàng hậu và hai nàng công chúa, đẹp lộng lẫy trong những phục sức sang trọng, đi lại giữa đám khách, vồn vã nói chuyện với họ. Nhà vua lúc bấy giờ đang ngồi ở một phòng khác. Koócxakốp muốn ra mắt ngài, phải chật vật lắm mới chen được vào đám, sau khi đã len lỏi qua đám đông rộn rịp di chuyển không ngừng. Số đông các khách ngoại quốc đều ở đây. Họ sang trọng ngồi hút những chiếc tẩu thuốc bằng đất nung và nốc cạn những cốc rượu cũng bằng đất nung. Trên bàn có đặt những chai rượu vang và bia, những chiếc túi da đựng thuốc lá, những cốc rượu pun-sơ và những bàn cờ. Bên một cái bàn như thế Piốt đang ngồi đánh cờ với một ông thuyền trưởng người Anh vạm vỡ. Hai người ra sức phun vào nhau những đám khói thuốc dày đặc; nhà vua đang mãi nghĩ một nước cờ bất ngờ của đối phương, cho nên Koócxakốp xun xoe mãi xung quanh bàn mà ngài vẫn không hề để ý; vừa lúc đó, một người to béo, găm ở trước ngực một chùm hoa cũng đồ sộ hấp tấp đi vào và lớn tiếng tuyên bố rằng cuộc khiêu vũ đã bắt đầu, rồi lập tức luôi ra; một số đông khách khứa liền ra theo, trong đó có cả Koócxakốp.

Một cảnh tượng bất ngờ khiến anh ta kinh ngạc. Suốt dọc phòng khiêu vũ, trong một tiếng nhạc hết sức bi ai, các khách nhảy nam nữ đứng thành hai hàng dài đối diện nhau; các khách nam nghiêng mình chào rất thấp, các khách nữ nhún mình chào thấp hơn nữa. Lúc đầu họ chào trước mặt, rồi quay sang chào bên phải, bên trái, rồi lại chào trước mặt, rồi lại quay sang phải, cứ thế mãi. Koócxakốp đứng xem cái lối giết thời giờ rắc rối này, cứ trợn tròn xoe mắt ra và cắn môi phân vân, chẳng hiểu ra làm sao nữa. Những cuộc cúi chào và nhún mình như vậy kéo dài chừng nửa tiếng. Cuối cùng nó cũng chấm dứt, và cái ông to béo có chùm hoa lớn tiếng tuyên bố rằng điệu vũ nghi lễ đã xong, và ra lệnh cho các nhạc công chơi một bài mơ-nuy-ê⁴². Koócxakốp mừng thầm và đã sửa soạn ra tay trở tài khiêu vũ. Trong số các tiểu thư có một người rất vừa mắt Koócxakốp. Cô ta khoảng chừng mười sáu tuổi, phục sức cực kỳ sang trọng, nhưng rất tế nhị. Cô ngồi bên cạnh một người đàn ông đã luống tuổi, vẻ oai vệ và nghiêm khắc. Koócxakốp lại gần cô tiểu thư và kính cẩn mời cô ta nhảy. Thiếu nữ nhìn Koócxakốp, vẻ bối rối và hình như không biết trả lời ra sao. Người đàn ông ngồi cạnh cô ta mặt lại càng sa sầm hơn trước. Koócxakốp đang đứng đợi tiểu thư trả lời, thì cái ông to béo có chùm hoa trên ngực đã đến gần chàng, đưa chàng ra giữa phòng khiêu vũ và trịnh trọng tuyên bố: "Thưa ngài, ngài đã phạm lỗi, thứ nhất là vì đã lại gần một cô thiếu nữ mà không cúi chào ba lần theo đúng lệ, thứ hai là vì đã tự ý đến chọn tiểu thư kia, trong khi lệ đã định rằng hai trong các điệu mơ-nuy-ê thì quyền chọn bạn nhảy là của khách nữ, chứ không phải khách nam. Vì vậy, ngài phải chịu trừng phạt, ngài phải uống cạn một cốc rượu phượng hoàng lớn"

Koócxakốp càng sững sốt. Chỉ một phút sau khách khứa đã xúm quanh đòi anh ta phải thi hành luật lệ ngay tức khắc. Piốt đang ở phòng bên nghe tiếng cười nói nhộn nhạo liền bước ra, vì nhà vua vốn rất thích tự mình tham dự vào những cuộc trừng phạt như thế này. Đám đông giạt ra hai bên để nhường lối cho nhà vua, và một lát sau ngài đã bước vào chỗ phạm nhân đang đứng; trước mặt phạm nhân là người điều khiển vũ hội tay cầm một cái cốc to tướng rót đầy rượu vang Man-va-đi. Ông ta không sao thuyết phục nổi cho tội nhân tự nguyện phục tùng pháp luật. Trông thấy Koócxakốp, vua Piốt nói: "A ha! Thế là vớ được anh chàng này rồi! Thôi xin me-xừ uống cho, mà không được nhăn mặt đấy".

Không còn cách gì thoái thác nữa. Chàng công tử đáng thương kia đành uống một hơi cạn cốc và trả cốc lại cho người điều khiển vũ hội. Vua Piốt nói: "Này, anh Koócxakốp, quần của anh là quần nhung cơ đấy, quần áo thì đến

tôi cũng không dám mặc thế mà tôi còn giàu hơn anh nhiều. Thật là hoang phí; anh coi chừng, có ngày tôi với anh lại xung khắc nhau đó".

Nghe nhà vua nói, Koócxakốp chỉ muốn độn thổ, nhưng cứ loạng choạng suýt ngã nhào ra, khiến cho vua Piốt và các quan khách vô cùng khoái trá. Việc vừa xảy ra không những không có phương hại gì đến tính chất nhất thống và hấp dẫn của hoạt động chính, mà còn làm cho nó sinh động thêm lên nữa. Các khách nhảy nam giới bắt đầu cộp gót giày vào nhau và cúi chào, còn nữ giới thì đánh gót giày xuống sàn một cách hăng hái hơn trước và hoàn toàn không thềm theo nhịp nữa. Koócxakốp không thể tham dự vào cuộc vui chung. Cô tiểu thư mà anh ta chọn, theo lệnh của ông bố là Gavril Aphanaxiêvích lại gần Ibraghim, đôi mắt cụp mi xuống, và rút rề đưa tay ra cho chàng. Ibraghim nhảy với cô một điệu mơ-nuy-ê và dẫn cô ta về chỗ ngồi. Rồi anh đi tìm Koócxakốp, dìu anh ta ra khỏi phòng, đặt anh ta lên xe và đưa về nhà. Dọc đường, lúc đầu Koócxakốp cứ luôn mồm lặp bặp: "Cái buổi dạ hội chết tiệt!... Cái cốc rượu phượng hoàng lớn chết tiệt!..." - nhưng rồi chẳng bao lâu anh ta ngủ say như chết; khi về đến nhà người ta cởi quần áo ngoài cho anh ta, đặt anh ta vào giường mà Koócxakốp cũng chẳng hề hay biết gì cả.

Sáng hôm sau anh thức dậy thì thấy đầu nhức như búa bổ; chỉ nhớ mang máng những chiếc gót giày cộp vào nhau, những cái nhún mình chào, những đám khói thuốc lá, ông béo với chùm hoa và cốc rượu phượng hoàng lớn.

Chương 4

- *Các cụ cổ của ta thử thả ăn,
Những cái cốc bạc, những gáo gỗ
Rượu vang, rượu bia sôi như lửa
Thử thả chuyền tay nhau quanh vòng
Ruxlan và Liútmaila⁴³*

Bây giờ tôi phải xin phép giới thiệu với độc giả khoan hậu, ông Gavril Aphanaxiêvích Rơgiépki. Ông vốn dòng dõi quý tộc lâu đời, có một điền trang rất lớn, là một người hiếu khách, rất thích đi săn bằng chim ưng; gia nhân của ông ta rất đông đúc. Nói tóm lại ông là một lãnh chúa Nga thuần túy; nhưng ông vẫn thường nói, ông không chịu được cái óc sùng Đức và trong sinh hoạt gia đình ông cố giữ những tập quán của cổ xưa mà ông rất yêu thích.

Natalia Gavrilốpna, con gái ông đã mười bảy tuổi xuân. Nàng mất mẹ từ thuở

hãy còn bé. Nàng được giáo dục theo kiểu cũ, nghĩa là quanh nàng có đủ những u già, cô nuôi, bạn gái và thị nữ; nghĩa là nàng biết thêu chỉ vàng, nhưng lại không biết chữ; cha nàng, tuy rất ghét bất cứ cái gì của nước ngoài, cũng không thể cưỡng lại ý nàng muốn học khiêu vũ Đức qua một sĩ quan người Thụy Điển bị bắt làm tù binh bây giờ được ăn ở trong nhà họ. Vị vũ sư thiện nghệ này trạc chừng năm mươi tuổi, chân phải của ông ta bị bắn thủng ở trận Narva cho nên không có khả năng nhảy cái điệu mơ-nuy-ê và cu-ran-lam, nhưng chân trái thì các pas (bước nhảy - tiếng Pháp) khó nhất đều có thể nhảy một cách cực kỳ điêu luyện. Cô học trò thật đã không uống công chỉ bảo của cái chân tuyệt diệu này. Trong các vũ hội Natalia Gavrilópna nổi tiếng là người nhảy giỏi nhất và đó cũng là một nguyên nhân khiến cho Koócxakốp phạm lỗi, mà hôm sau anh ta phải đến xin lỗi Gavrila Aphanaxiêvích; nhưng cái vẻ hoạt bát và cái lối ăn diện của chàng công tử không vừa lòng ông già quý tộc kiêu hãnh kia: ông ta hóm hỉnh gọi Koócxakốp là con khỉ Pháp.

Hôm đó là một ngày hội. Gavrila Aphanaxiêvích đang chờ mấy người bà con và bạn bè đến thăm. Trong gian phòng đại lễ cổ kính, gia nhân đang trải khăn, dọn đĩa trên cái bàn dài. Các tân khách cùng đến với các bà vợ và các cô con gái, những người, cuối cùng, vừa được giải thoát ra khỏi cảnh cấm cung, nhờ các sắc lệnh của nhà vua và nhờ bản thân ngài đã làm gương trước. Natalia Gavrilópna bưng đến cho mỗi vị khách một chiếc khay bạc có đặc chén vàng, mỗi người cầm lấy chén của mình mà uống, thầm tiếc cái hôn nhẹ được nhận trong dịp như thế này ở thời xưa, nay đã bị bãi bỏ. Họ ngồi lại trong bàn tiệc. Ở ghế danh dự, bên cạnh chủ nhân, là nhạc phụ của ông ta, công tước Bôrit Alếchxêvích Lưkốp, một vị đại quý tộc bảy mươi tuổi; các vị quan khách khác lần lượt ngồi vào chỗ theo thứ tự ngôi bậc dòng dõi đúng như tục xưa - các ông ngồi một bên, các cô các bà ngồi một bên. Ở cuối bàn như thường lệ vẫn có bà quản gia, mặc áo choàng su-sun kiểu cổ và đội mũ kít-ska, bên cạnh có người đàn bà lùn, đã ba mươi tuổi mà chỉ bằng đứa con nít, ăn mặc cầu kỳ, mặt mày nhăn nhó, và người tù binh Thụy Điển mặc bộ quân phục xanh đã sờn cũ. Trên bàn tiệc dọn đầy các đĩa thức ăn, một đám gia nhân đông đúc đi lại nhộn nhịp, giữa đám đông đó quản gia nô nổi bậc hẳn lên với đôi mắt nhìn nghiêm nghị, cái bụng phệ và cái tư thế đứng yên không cử động rất bệ vệ. Những phút đầu tiên của bữa tiệc được dành hoàn toàn cho các vị khách thưởng thức các món cao lương mỹ vị cổ truyền trong nước. Trong phòng chỉ nghe thấy tiếng những chiếc đĩa ráo riết hoạt động chạm vào đĩa ăn. Cuối cùng chủ nhân nhận thấy rằng đã đến lúc cần có câu

chuyện vui giải trí cho các tân khách, bèn quay lại hỏi:

- Mụ Êkimốpna đâu rồi nhỉ? Gọi mụ ấy vào đây.

Mấy người đầy tớ đã toan mỗi người một phía chạy đi gọi, thì ngay lúc ấy một người đàn bà già mặt trát bột phấn, mái tóc giắt đầy hoa và kim tuyến, mặc áo dài bằng vải thô, hở cổ hở ngực, nhún nhảy bước vào, mồm hát khe khẽ. Thấy mụ vào cả bàn tiệc đều vui hẳn lên.

Công tước Lưkốp nói:

- Chào Êkimốpna, dạo này thế nào?

- Cũng khá, ông bạn ạ: ca hát, rồi lại nhảy múa, chán rồi lại ngồi chờ các đám đến dạm hỏi.

Chủ nhân hỏi:

- Nãy giờ mụ ở đâu, hở mụ ngốc?⁴⁴

- Tôi đang ăn mặc cho đẹp để ra tiếp khách quý, ông bạn ạ, để mừng hội Chúa, tuân theo lệnh đức vua, tuân theo lệnh các Chúa, ăn mặc theo kiểu Đức, để mọi người cười đùa.

Các tân khách nghe nói đều cười ha hả, còn mụ ngốc thì đến đứng sau ghế của chủ nhân, là vị trí thường lệ của mụ.

- Mụ ngốc nói thế mà đúng thật đấy, - Tachiana Aphanaxiépna nói (đó là bà chị của chủ nhân, vốn được chủ nhân kính trọng rất mực). - Quả thật, lối ăn mặc bây giờ chỉ là trò cười cho thiên hạ. Một khi mà các ông đã cạo mất râu đi và mặc áo ca-phơ-tan cũn cớn như thế thì còn nói gì đến quần áo đàn bà nữa: thật là tiếc chiếc áo xa-ra-phan, tiếc những chiếc dải lụa với chiếc khăn trùm! Trông các cô tiểu thư ngày nay thật vừa buồn cười vừa thương hại: tóc thì xù ra như miếng dạ chải, lại trát mỡ lợn với rắc bột mì Pháp vào, bụng thì thắt thiếu đường đứt đôi ra, váy thì lồng những vòng mây cứng ngắc: vào xe cũng phải vào nghiêng, vào cửa thì phải lom khom, đứng cũng không, ngồi cũng không ổn, thở cũng không được - tội nghiệp, thật là các cô mình bị trời dày chứ không phải!

- Ô! Thừa bà Tachiana Aphanaxiépna, - Kirila Pêtrôvích nói (ông này trước kia làm lãnh binh Riadan, kiếm được ba nghìn nông nô và một cô vợ trẻ: cả hai thứ đó chúng được chật vật hết sức). - Cứ như ý tôi thì đàn bà ăn mặc thế nào tùy ý: dù nhố nhăng như con dõ, dù diêm dúa như vua Tàu cũng mặc; miễn là đừng cứ mỗi tháng lại đặt may thêm mấy chiếc áo, dù những chiếc khác hãy còn mới cũng cứ bỏ. Ngày trước thì cháu gái còn được hưởng chiếc áo xa-ra-phan của bà nội làm của hồi môn, chứ những chiếc áo dài bây giờ thì hôm nay thấy bà chủ mặc, đến mai đã thấy con ở mặc rồi. Biết làm thế nào được? Quý tộc Nga rồi khánh kiệt mất! Bất hạnh, chà chà, thật bất hạnh. -

Nói đoạn ông thờ dài đưa mắt nhìn bà Maria Ilinhítsna nhà ông. Bà này hình như không ưa gì những lối ca tụng ngày xưa, cũng như kiểu bài xích các tập tục mới. Các bà các cô khác cũng đồng tình với bà ta, nhưng họ im lặng, vì thời ấy tính ít nói vẫn được xem là đức tính tối cần thiết của một người thiếu phụ.

- Thế là lỗi tại ai? - Gavril Aphanaxiêvích nói, tay khuấy tách nước giải khát cvát. - Chẳng phải tại chính ta đó sao? Các bà các cô thì hay vớ vẩn, còn chúng ta thì hay chiều họ.

- Thế ông bảo ta còn biết làm thế nào được, cái đó có phải tùy ý ở ta đâu? - Kirila Pêtrôvích cãi. - Có người cũng muốn giam vợ mình trong nhà tháp gỗ, nhưng người ta lại đánh trống đòi các bà đi dự vũ hội kia; chồng thì dùng roi ngựa, còn vợ thì thích diện áo quần. Chao ôi, những cái buổi vũ hội ấy! Vì trước kia ta lắm tội nên đức Chúa Trời mới sinh ra những buổi vũ hội ấy để trừng phạt ta đấy.

Maria Ilinhítsna cứ như ngồi trên bàn chông; lưỡi bà ta cứ ngứa điên lên; cuối cùng bà ta không cầm lòng được nữa liền quay sang phía chồng, mỉm cười mỉa mai hỏi ông ta xem những buổi vũ hội ấy có cái gì mà ông bảo là xấu.

Ông chồng hăng tiết lên đáp:

- A, có cái này đây: từ khi sinh ra những buổi vũ hội chết tiệt ấy các ông chồng không còn hoà thuận với các bà vợ. Các bà vợ quên mất lời dạy của thánh tông đồ: làm vợ khả kính sợ chồng; việc nội trợ thì không lo, chỉ lo may áo mới; chiều chồng thì không muốn, chỉ muốn sao cho vừa mắt bọn sĩ quan vớ vẩn kia thôi. Vả lại, bà thử nghĩ xem, một mệnh phụ phu nhân hay một cô tiểu thư Nga mà lại đứng ngồi chung chạ với bọn buôn thuốc lá Đức cùng với cả bọn gái làm công của họ, thì thử hỏi có còn lịch sự không? Có đời thuở nào đàn bà con gái lại đi nói chuyện và khiêu vũ cho đến khuya với đàn ông như vậy? Mà có phải bà con họ hàng gì cho cam, đây lại là người lạ mới chết chứ!

- Cũng muốn nói một câu, chỉ hiềm tai vách mạch rừng, - Gavril Aphanaxiêvích cau mày nói. - Thú thật tôi cũng chẳng ưa gì những thứ hội hè đó: lỡ vớ lại đụng phải một thằng say rượu, hay chính mình lại bị họ bắt uống say mềm ra để mọi người cười cho sướng miệng. Lỡ vớ một thằng du đàn nào lại trêu ghẹo con gái mình; bây giờ thanh niên được nuông chiều quá đâm ra hư hỏng, chả còn ra cái gì nữa. Đấy như thằng con trai cố tôn ông Épráp Xerghêvích Koócxiakốp lần vũ hội vừa rồi đến mời con Natalia nhảy, làm ồn cả lên, thật mình bị một bữa ngượng chín người đi được. Hôm sau thấy có chiếc xe chạy thẳng vào sân; tôi tưởng có khách quý nào đến, đoán

chừng là công tước Alếchxandơ Đanhilôvích Mensikốp cũng nên? Hóa ra thằng con ông Épráp! Thế mà hắn không thèm đi bộ từ cổng vào một tí cho người ta nhờ, hắn cho đánh xe vào tận thềm, nhảy xuống đập gót cồm cộp, mồm nói huyên thiên! Mụ gốc Êkimốpna nhại hắn buồn cười lắm; nhân tiện: này mụ gốc, mụ thử bắt chước cái con khi ngoại quốc ấy xem chơi nào. Mụ gốc Êkimốpna cầm lấy một cái nấp liền kẹp vào nách như người ta thường kẹp mũ, rồi uốn éo, cộp gót giày vào nhau và cuối chào tứ phía, mồm nói liền thoảng: "Mơxiơ... Mămdem... Átxămb lê... pácdôn". Các tân khách lại cười rộ lên một hồi lâu.

Khi yên tĩnh đã trở lại, lão công tước Lưkốp vừa quệt mấy giọt nước mắt chảy ra trong khi cười, vừa nói:

- Đúng Koócxakốp không sai tí nào. Nhưng thật tình cũng chả phải một mình Koócxakốp, còn khối đứa đi xứ người khi trở về xứ Nga thần thánh này, thì đã thành ra những thằng hề. Không biết con cháu mình học được những gì ở đấy? Cộp gót giày nói những thứ tiếng xì xồ có Chúa biết, không còn biết kính trọng người già cả, chỉ giỏi sẵn đón chạy theo vợ người ta. Trong bọn thanh niên ra ăn học nước ngoài (xin Chúa xá tội), chỉ có anh da đen của nhà vua là còn giống người hơn cả.

Gavrila Aphanaxiêvích nhận xét:

- Anh ấy thì đã đành, thật là một người chững chạc và đứng đắn, chứ đâu ngang hàng với gã lông bông kia... Lại xe ai vào cổng nữa thế? Không lẽ lại con khi ngoại quốc kia chắc? - Rồi lão quay sang đám giai nhân nói tiếp: - Này lũ súc sinh kia, đứng mà ngáp cả thế hử? Ra bảo với hắn là từ rày đừng có...

- Râu xồm già kia, mê sáng rồi hử? - Mụ gốc Êkimốpna ngắt lời. - Hay là lão mù rồi: xe của hoàng thượng đấy, ngài đã đến ngoài kia rồi kìa.

Gavrila Aphanaxiêvích vọt vẫ bỏ bàn ăn đứng dậy: mọi người đều chồm ra cửa sổ; quả nhiên họ thấy nhà vua đang bước lên bậc thềm, tay vịn vào vai người hầu cận. Trong nhà nhốn nháo cả lên. Chủ nhân hồi hả ra đón vua Piốt, gia nhân chạy tán loạn lên như những đứa hoá dại, khách khứa cuống quýt sợ hãi, thậm chí có người đã tính chuyện làm sao chuồn về nhà cho nhanh. Bỗng ở phòng ngoài vang lên tiếng nói sang sảng của vua Piốt, tất cả mọi người đều im phăng phắc. Nhà vua bước vào, theo sau là chủ nhân, dần dần ra vì mừng rỡ. "Xin chào các ngài", - vua Piốt lên tiếng, gương mặt tươi tỉnh.

Mọi người đều cúi rạp xuống đáp lễ. Nhà vua đưa đôi mắt tinh nhanh tìm kiếm cô con gái của chủ nhân trong đám đông và gọi nàng lại. Natalia Gavrilốpna bước ra một cách khá mạnh dạng, nhưng mặt nàng đỏ bừng đến

tận mang tai, thậm chí đôi vai cũng đỏ ửng lên.

"Con ngày càng xin đẹp ra đấy", - nhà vua nói và theo thói quen thường có, ngài hôn lên mái tóc nàng. Sau đó nhà vua quay sang các tân khách nói: "Sao thế nhỉ? Tôi làm phiền các ngài quá. Các ngài đang ăn trưa. Xin các ngài ngồi lại cho còn xin ông Gavril Aphanaxiêvích, cho tôi cốc rượu vốt-ca a-nít".

Chủ nhân bố đến chỗ người quản gia nô b? vệ, giật lấy cái khay trên tay ông ta và tự mình rót rượu vào chiếc cốc bằng vàng, rồi kính cẩn dâng lên cho đức vua. Piốt uống cạn, cắn một miếng bánh và một lần nữa mời các tân khách tiếp tục bữa ăn. Mọi người đều về ngồi ở chỗ cũ, chỉ trừ người đàn bà lùn và bà quản gia không dám ngồi lại bàn ăn uống trước mặt nhà vua.

Vua Piốt ngồi xuống bên cạnh chủ nhân và hỏi xin một ít canh bắp cải. Người hầu cận của nhà vua đưa cho ngài một chiếc thìa bằng gỗ có nạm ngà, một con dao và một cái đĩa cán xương màu xanh, vì vua Piốt bao giờ cũng chỉ dùng bộ đồ ăn riêng của mình. Bữa tiệc, trước đây một phút đang vui vẻ náo nhiệt là thế, mà nay lặng ngắt, miễn cưỡng. Chủ nhân không ăn uống gì cả vì sùng kính và mừng rỡ quá, các tân khách cũng ngồi yên kính cẩn nghe vua Piốt nói chuyện bằng tiếng Đức với người tù binh Thụy Điển về chiến dịch năm 1701⁴⁵. Mụ gốc Êkimốpna được nhà vua hỏi mấy lần, đều trả lời một cách rụt rè lãnh đạm; điều đó (nhân tiện xin nhận xét qua) chứng tỏ rằng cái gốc của mụ ta không phải là bẩm sinh. Cuối cùng bữa tiệc đã xong, nhà vua đứng dậy, các tân khách đều đứng dậy theo. Vua Piốt bảo chủ nhân:

- Gavril Aphanaxiêvích, tôi cần nói chuyện riêng với ông.

Nói đoạn nhà vua nắm lấy tay chủ nhân dắt ông ta ra phòng khách và đóng kín cửa lại. Các tân khách dừng lại trong phòng ăn, thì thầm về cuộc thăm bất ngờ của nhà vua, rồi sợ phiền nhà chủ, chẳng bao lâu họ lục tục ra về, mặc dù chưa kịp cảm ơn chủ nhân về bữa tiệc. Nhạc phụ, con gái và chị của chủ nhân lặng lẽ tiễn khách ra cửa và ngồi lại với nhau trong phòng ăn đợi nhà vua ra.

Chương 5

- *Ta sẽ kiếm được vợ cho anh*

Hoặc ta không còn là người xay bột.

Ableximốp, trong nhạc kịch Người thợ xay bột⁴⁶

Nửa giờ sau cánh cửa ở phòng khách mở toang, và vua Piốt bước ra. Công tước Lưkốp, Tachiana Aphanaxiépna và Natalia cùng cuối chào một lượt. Nhà vua trịnh trọng cúi đầu đáp lễ và đi thẳng ra phòng ngoài. Chủ nhân giúp ngài mặc chiếc áo long tu-lúp đỏ, tiễn nhà vua ra xe và đứng trên bậc

thêm một lần nữa cảm tạ nhà vua về cái vinh dự lớn lao vừa được hưởng. Vua Piốt ra về.

Trở vào phòng ăn, Gavrila Aphanaxiêvích có vẻ rất dăm chiêu tư lự. Ông ta gắt gồng sai gia nhân dọn sạch bàn ăn cho nhanh, bảo Natalia về phòng riêng, thưa với ông nhạc và bà chị rằng mình có việc cần nói chuyện với hai người, và mời họ vào phòng ngủ là nơi ông thường lui về nghỉ ngơi sau bữa ăn trưa. Tachiana Aphanaxiépna ngồi vào chiếc ghế bành kiểu cổ bọc gấm, gác chân lên chiếc ghế con mà bà vừa kéo đến. Gavrila Aphanaxiêvích đóng kín tất cả cửa lại, ngồi lên giường bên chân công tước Lưkốp và bắt đầu nói nhỏ:

- Đức vua đến đây không phải không có mục đích; nhạc phụ và chị thử đoán xem ngài đã có lòng nói chuyện gì với tôi?

- Cậu bảo làm sao mà chúng tôi biết được, - Tachiana Aphanaxiépna nói.

- Chắc hoàng thượng lại muốn ông đảm nhiệm chức lãnh binh ở một nơi nào chứ gì? - Lão công tước nói. - Đáng lẽ phải như vậy từ lâu rồi. Hay ngài định cử ông đi sứ? Cũng có thể lắm vì không phải chỉ có bọn thư lại mới đi xứ ra nước ngoài, nhiều khi cũng có cả những bậc quý phái được cử đi.

- Không đâu, - Gavrila Aphanaxiêvích cau mày trả lời. - Tôi là người lớp cũ, bây giờ người ta không cần đến công sức của chúng ta nữa đâu, mặc dù một nhà quý tộc Nga chính giáo có lẽ chẳng thua gì bọn trẻ ranh, bọn bán bánh rán⁴⁷, với bọn dị giáo ngày nay, - nhưng đó lại là việc khác.

- Thế thì việc gì hờ cậu, - Tachiana Aphanaxiépna nói, - việc gì mà ngài hạ cố bàn với cậu lâu như vậy? Hay có chuyện gì chẳng lành xảy ra? Xin Chúa đoái thương và phù hộ cho chúng tôi.

- Chẳng lành thì cũng chả phải là chẳng lành nhưng thú thật, cũng khó nghĩ.

- Thế thì việc gì hờ cậu, việc gì?

- Việc con Natalia đấy: nhà vua đến dạm hỏi cháu.

- Lạy Chúa! - Bà chị nói, tay làm dấu thánh. - Con bé cũng đến tuổi rồi, người đi dạm thế nào thì chú rể thì cũng phải như thế thôi, xin Chúa ban phúc cho cháu nó, thật là hân hạnh quá. Thế nhà vua hỏi nó cho ai?

Gavrila Aphanaxiêvích đăng hăng mấy cái:

- Hừ! Cho ai à? Chính thế, cho ai...

Lão công tước, bấy giờ đã thiu thiu ngủ, cũng hỏi lại:

- Cho ai thế hử?

- Nhạc phụ và chị thử đoán xem, - Gavrila Aphanaxiêvích nói.

- Chao, cậu em ơi, - bà già trả lời, - cậu bảo đoán sao được, trong triều thiếu gì đám: ai mà chẳng vui lòng lấy cháu Natalia. Đôngôruki, có phải không nào?

- Không, không phải Đôngôruki.
- Cũng ờn Chúa thôi: ngữ ấy quá ư ngạo mạn. Chắc lại là Sêin hay Tơrôiêkurốp?
- Không, đều không phải cả.
- Mà tôi cũng chẳng ưa gì họ: toàn những tay lẳng nhăng, bắt chước kiểu Đức nhiều quá. Thế thì chắc là Milôxlápki?
- Cũng không phải.
- Mà gã ấy cũng chẳng ra gì: giàu thì cũng có giàu, nhưng lại dần. Thế thì ai nào? Êlétxki chẳng? Hay Lơvốp? Không phải à? Thế thì chắc là Ragudinxki? Thôi đi cậu, tôi chả nghĩ nữa đâu. Hoàng thượng hỏi cháu Natalia cho ai nào?
- Cho anh da đen Ibraghim.

Bà già thốt lên một tiếng và vung hai tay đập vào nhau. Công tước Lưkốp nhấc đầu lên khỏi gối và kinh ngạc hỏi lại: "Cho anh da đen Ibraghim?".

- Cậu ơi! - bà già nói, giọng mếu máo, - cậu đừng hăm hại đứa con rút ruột đẻ ra, cậu đừng để cháu Natalia lọt vào nanh vuốt con quỷ da đen ấy!

- Nhưng lẽ nào lại từ chối đức vua? - Gavrila Aphanaxiêvích bác lại. - Ngài đã hứa là việc này mà xong xuôi thì ngài sẽ ban ân cho tôi và cho cả dòng họ nhà ta cơ mà!

Bấy giờ lão công tước đã hoàn toàn tỉnh ngủ, lão bèn kêu lên:

- Sao? Natalia, cháu ngoại của ta mà lại đem gả cho thằng da đen mua ở đâu mang về!

Gavrila Aphanaxiêvích nói:

- Anh ta không phải là người thường dân, anh ta là con vua xan-tan A Rập kia đấy. Bọn dị đạo bắt anh ta làm tù binh và đem bán ở Txarêgrát⁴⁸, rồi sứ thần của ta cứu thoát anh ta và đem về dâng hoàng thượng. Người anh của Ibraghim có sang Nga mang theo rất nhiều cống phẩm quý giá để chuộc lại và...

Bà già ngắt lời:

- Gavrila Aphanaxiêvích, cậu ơi! Chúng tôi đã nghe chuyện cổ tích về Bôva Kôrôlêvích với Êruxlan Ladarêvích⁴⁹ rồi. Tốt hơn là cậu hãy kể cho chúng tôi nghe xem cậu đã trả lời đức vua về việc ấy ra sao.

- Tôi nói rằng chúng ta là tôi tớ của ngài và ngài có lòng phán bảo gì chúng ta cũng xin tuân lệnh.

Vừa lúc ấy sau cánh cửa có tiếng động đánh sầm. Gavrila Aphanaxiêvích ra mở cửa, nhưng thấy vướng, ông ấy mạnh một cái. Cánh cửa mở toang, và họ thấy Natalia nằm bất tỉnh, sóng soài trên nền nhà vấy máu.

Số là lúc nãy khi thấy nhà vua đóng cửa nói chuyện với cha nàng, Natalia đã

thấy lòng bồn chồn lo lắng. Có một linh cảm gì mách thầm với nàng rằng việc này có dính dáng đến mình, cho nên khi Gavril Aphanaxiêvich bảo nàng về phòng để ở lại nói chuyện với cô và ông ngoại nàng, Natalia không sao cưỡng lại được thói tò mò mãnh liệt của nữ giới đang thôi thúc, nàng đã rón rén lại gần cửa phòng ngủ của cha và nghe rõ từ đầu chí cuối cuộc nói chuyện kinh khủng kia. Đến khi nghe những lời cuối cùng của cha, người con gái đáng thương ngất đi và khi ngã xuống đã va đầu vào cái hòm nẹp sắt đựng của hồi môn của nàng.

Người nhà tới tập chạy đến. Họ nâng Natalia lên, khiêng nàng về phòng riêng và đặt nàng lên giường. Một lát sau nàng tỉnh dậy, mở mắt ra, nhưng không nhận ra cha mình và cô mình là ai cả. Natalia lên cơn sốt nặng, trong khi mê sảng nàng nói lảm nhảm về người da đen của nhà vua, về lễ cưới, rồi bỗng rú lên, giọng rất thê thảm: "Valêrian! Anh Valêrian yêu quý của em! Cuộc đời của em! Anh cứu em với! Họ đến kia kìa! Họ kia rồi!..."

Tachiana Aphanaxiépna lo lắng đưa mắt nhìn ông em trai. Ông ta tái mặt đi, cắn môi và lặng lẽ bước ra khỏi phòng. Ông trở xuống nhà gặp lão công tước. Ông già này vì không leo lên thang gác được, nên cứ phải đứng ở dưới nhà. Lão công tước hỏi:

- Natalia ra sao?

- Nguy lắm, - Gavril Aphanaxiêvich buồn rầu đáp, - nguy hơn là tôi tưởng: trong khi mê sảng nó gọi tên thằng Valêrian.

Ông già lo lắng hỏi:

- Valêrian là ai thế? Có phải cái thằng mồ côi, con lão xơ-rê-lét⁵⁰ tử trận, mà ông vẫn nuôi trong nhà đấy không ?

- Chính hắn! Khổ cho tôi là trong vụ nổi loạn⁵¹ cha hắn đã cứu sống tôi, và quý Xa-tăng đã xui tôi đem con sói con ấy về nuôi. Cách đây hai năm nó xin đi tòng quân; hôm chia tay với nó, con Natalia oà lên khóc, còn nó thì đứng thần người ra tượng gỗ. Tôi thấy việc đó có vẻ khả nghi, nên có nói chuyện với bà chị. Nhưng từ dạo đó con Natalia không hề nhắc nhở gì đến thằng kia nữa, còn thằng kia thì cũng biệt vô âm tín. Tôi tưởng con Natalia đã quên nó đi rồi; nhưng bây giờ mới biết là không phải. Thôi, thế là tôi đã nhất quyết: con Natalia sẽ lấy thằng A Rập.

Công tước Lưkốp không cãi lại: có cãi cũng vô ích. Lão lên xe về nhà. Tachiana Aphanaxiépna ở lại bên giường Natalia; sau khi cho người đi mời thầy thuốc, Gavril Aphanaxiêvich trở về phòng riêng đóng cửa lại, và trong nhà bây giờ mọi vật đều lặng lẽ và u buồn.

Việc dạm hỏi đột ngột này đã làm cho Ibraghim ngạc nhiên ít nhất là cũng

bằng Gavril Aphanaxiêvich. Đầu đuôi như sau. Một hôm, đang làm việc với Ibraghim, vua Piôt chợt hỏi chàng:

- Ta nhận thấy anh có điều không vui; anh nói thẳng ra: anh thiếu cái gì?

Ibraghim quả quyết xin nhà vua tin chắc cho rằng chàng rất bằng lòng phận mình và không hề ước ao gì hơn nữa. Nhà vua nói:

- Tốt lắm. Nếu anh buồn vô cớ như vậy, thì ta biết cách làm cho anh vui rồi đấy.

Sau buổi làm việc, vua Piôt hỏi Ibraghim:

- Anh có thích người con gái nhảy điệu mơ-nuy-ê với anh trong buổi hội hôm trước không?

- Tàu hoàng thượng, cô ấy rất dễ thương mà có vẻ hiền lành và tốt bụng lắm.

- Thế thì ta sẽ giúp anh làm quen với cô ta. Anh có muốn lấy cô ta không?

- Tàu hoàng thượng...

- Ibraghim ạ, anh chỉ có một thân một mình, không hề có ai bà con thân thuộc, xa lạ đối với tất cả mọi người, trừ mỗi mình ta. Một mai ta chết đi, thì anh sẽ ra sao, tội nghiệp cho anh lắm, Ibraghim ạ? Anh cần phải tìm chỗ nương thân, trong khi hãy còn kịp; phải tìm thêm chỗ dựa qua các mối liên hệ, phải kết thân với giới quý tộc Nga.

- Tàu hoàng thượng, được hoàng thượng che chở và ban ơn như thế này, con đã sung sướng lắm rồi. Chỉ xin trời đừng bắt con phải sống sót lại sau khi đã mồ côi vua, vị ân nhân của con, con không còn ước ao gì hơn thế nữa; nhưng ví thử con có ý định lấy vợ, thì đã chắc gì người con gái và thân nhân của cô ta chịu ưng thuận? Bề ngoài của con...

- Bề ngoài, bề ngoài! Chỉ vợ vẫn! Anh có thua kém gì ai? Một thiếu nữ thì phải phục tùng ý muốn của cha mẹ, còn lão Gavril Aphanaxiêvich Rơgiépki thì để xem lão sẽ nói thế nào, khi chính đích thân ta là ông mối của con.

Nói đoạn nhà vua sai đánh xe trượt tuyết ra và bỏ Ibraghim ngồi lại một mình với những ý nghĩ miên man của chàng.

"Cưới vợ! – chàng thanh niên châu Phi tự nhủ, - tại sao lại không nhỉ? Chẳng lẽ ta phải chịu sống cô đơn, không được biết đến những thú vui và những bồn phần thiêng liêng của con người chỉ vì ta sinh trưởng ở dưới vĩ tuyến mười lăm⁵²? Ta không thể hy vọng được ai yêu: đó chỉ là mộng tưởng viễn vông của con trẻ! Làm sao có thể tin ở tình yêu được? Ta cần phải từ bỏ vĩnh viễn những ảo tưởng êm đẹp ấy, phải lựa chọn lấy những lạc thú khác, vững chắc hơn. Hoàng thượng nghĩ cũng phải: ta cần phải bảo đảm cho vận mệnh của ta sau này. Cuộc hôn nhân với cô tiểu thư Natalia Gavrilốpna sẽ gắn bó ta

với giới quý tộc Nga kiêu hãnh kia, và ta sẽ không còn là kẻ lạc loài ở giữa tổ quốc mới của ta. Ta sẽ không đòi hỏi vợ ta phải yêu ta, ta chỉ cần nàng trung thành với ta là được rồi, và thái độ dịu dàng, tin cẩn và bao dung của ta sẽ khiến nàng mến ta".

Ibraghim định bắt tay vào công việc như thường lệ, nhưng ý nghĩ của chàng không sao tập trung lại được. Chàng bèn bỏ giấy má lại và ra bờ sông Nêva đi bách bộ. Bỗng chàng nghe tiếng nói của vua Piôt; chàng quay lại thì thấy nhà vua đã xuống xe đi bộ đuổi theo chàng, sắc mặt rất vui vẻ. Vua Piôt khoác tay Ibraghim mà nói:

- Thế là xong xuôi cả rồi. Ta đã đi hỏi vợ cho anh rồi đấy. Mai anh đến thăm ông nhạc đi; nhưng phải xem chừng, đừng có chạm đến lòng tự ái của ông già quý tộc kiêu căng ấy; phải để xe ngoài cổng mà đi bộ qua sân; phải nói chuyện về những công lao của ông ta, về dòng dõi đại quý tộc của ông - rồi ông ta sẽ mê tít ông con rể tương lai cho mà xem. Còn bây giờ thì, - nhà vua lắc lắc cái gậy và nói tiếp, - anh dẫn ta đến nhà thẳng đại bọm Đanhilôvích⁵³ ta đang cần phải sửa cho hẳn một trận về những trò nghịch ngợm mới của hẳn.

- Ibraghim chân thành cảm tạ vua Piôt đã lo lắng đến chàng chẳng khác một người cha, rồi tiễn nhà vua đến cổng toà dinh thự nguy nga của công tước Mensikốp và trở về nhà.

Chương 6

Ngọn đèn dầu leo lét cháy trước khám thờ bằng kính đựng mấy bức ảnh thánh gia truyền lấp lánh trong những chiếc khung bằng vàng và bằng bạc. Ngọn lửa chấp chờn của chiếc đèn thờ toả một ánh sáng yếu ớt lên chiếc giường che rèm kín mít và chiếc bàn con đặt bày những chai lọ có dán nhãn. Bên lò sưởi người nữ tỳ ngồi quay sợi, và chỉ có tiếng rè rè khe khẽ của chiếc xa quay đều đều vang lên trong cõi tĩnh mịch của gian phòng.

- Có ai ở đây không? - có tiếng hỏi yếu ớt.

Người nữ tỳ lập tức đứng dậy, lại gần giường và khẽ vén rèm lên. Natalia hỏi:

- Trời đã sắp sáng chưa?

- Bây giờ đã đúng giữa trưa rồi đấy ạ, - người nữ tỳ đáp.

- Trời ơi thế sao tối thế này?

- Thưa cô, vì cửa sổ đóng kín cả ạ.

- Thôi, nhanh lên, mang áo lại cho ta mặc đi.

- Thưa cô không được ạ, ông đốc-tờ không cho phép.

- Thế ra ta ốm à? Đã lâu chưa?

- Thưa đã được hai tuần nay rồi.

- Lâu thế kia à? Thế mà ta cứ tưởng mới vừa nằm xuống hôm qua...

Natalia không nói nữa; nàng cố gấn sắp xếp lại những ý nghĩ đang rối tung trong đầu óc. Nàng nhớ mang máng rằng có xảy ra một việc gì đấy, nhưng cụ thể là việc gì thì nàng không nhớ rõ. Người nữ tỳ vẫn đứng trước mặt nàng đợi sai bảo. Vừa lúc ấy ở phía dưới nhà có tiếng ồn ào khẽ vẳng lại. Người ốm hỏi:

- Cái gì thế?

- Đấy là các đức ông dùng bữa trưa xong, rời bàn ăn. Bà Tachiana Aphanaxiépna sắp đến đây bây giờ đấy.

Natalia nghe nói vậy có vẻ vui vui; nàng yếu ớt hất bàn tay ra hiệu bảo người nữ tỳ có thể lui ra. Người nữ tỳ buông rèm xuống và trở lại bên chiếc xa quay sợi.

Vài phút sau cửa hé mở và một cái đầu đội mũ vải trắng có thắt dải màu thẫm thò vào hỏi nhỏ:

- Natalia ra sao rồi?

- Chào cô ạ, - người ốm nói khẽ. Tachiana Aphanaxiépna vội vàng đến bên giường nàng. Người nữ tỳ nhích cái ghế bành lại cho bà ngồi. Chị ta nói:

- Cô con tỉnh rồi đấy ạ.

Bà già ứa nước mắt hôn lên khuôn mặt xanh xao mệt mỏi của cháu gái và ngồi đến cạnh nàng. Một lát sau ông thầy thuốc người Đức mặc áo ca-phơ-tan đen và đội tóc giả kiểu các nhà bác học vào bắt mạch cho Natalia và nói bằng tiếng la-tinh, rồi sau bằng tiếng Nga, rằng cơn nguy đã qua khỏi. Ông bảo đưa giấy mực lại, ngồi viết một cái đơn thuốc mới và ra về. Bà Tachiana Aphanaxiépna cũng đứng dậy hôn cháu một lần nữa và vội vã xuống nhà tìm Gavrila Aphanaxiêvích để báo tin mừng.

Trong phòng khách, người da đen của nhà vua đang ngồi nói chuyện kính cẩn với Gavrila Aphanaxiêvích. Chàng mặc quân phục có đeo gươm, mũ cầm trên tay. Koócxakốp ngồi ưỡn người trên chiếc đi-văng, vừa lơ đãng nghe hai người nói chuyện, vừa nghịch với con chó săn nằm dài ở giữa sàn; nghịch đã chán, Koócxakốp lại gần tấm gương soi (soi gương là cách giải trí thường ngày của anh ta). Nhìn vào gương, Koócxakốp chợt thấy Tachiana Aphanaxiépna đứng ngoài cửa đang giơ tay ra hiệu mãi mà ông em trai vẫn không thấy cho. Koócxakốp liền quay sang Gavrila Aphanaxiêvích và ngắt lời Ibraghim:

- Gavrila Aphanaxiêvích, có người muốn gọi ngày.

Chủ nhân liền đứng dậy ra gặp bà chị và đóng cửa phòng khách lại.

Koócxakốp bảo Ibraghim:

- Tôi cũng lạ cho cái tính kiên nhẫn của anh. Ngồi suốt một tiếng đồng hồ nghe lão ấy nói lảm nhảm về gia phả của hai dòng dõi quý tộc Rơgiép-xki và Lưkốp mà chịu được, mà còn đem thêm những lời nhận xét về luân thường đạo lý vào đấy nữa thì tài thật! Tôi mà ở địa vị anh thì j'aurais planté là (Tôi đã bỏ mặc - tiếng Pháp) cái lão bẻm mép ấy và cả dòng họ nhà lão, kể cả Natalia Gavrilópna nữa. Người đâu mà làm bộ thế, cứ giả vờ ốm ra điều une petite santé (Liều yếu đào tơ - tiếng Pháp)... Anh nói thật đi nghe nào, có thật anh cảm cô bé mijaurée (làm bộ - tiếng Pháp) ấy không nào? Ibraghim ạ, ít nhất lần này anh cũng nên nghe tôi; tôi thế chứ khôn ngoan hơn người ta tưởng. Anh bỏ cái ý định gàn dở ấy đi. Đừng có lấy vợ. Tôi có cảm tưởng rằng cô ta chẳng có cảm tình gì đặc biệt với anh đâu. Trên đời này có lắm chuyện lồi thoi lắm. Cứ thử lấy việc này nhé: như tôi chẳng hạn đã đành cũng chẳng phải xấu giai, nhưng có những lần tôi đã lừa những ông chồng chả xấu giai hơn tôi tý nào. Chính anh... anh còn nhớ ông bạn Pari của chúng ta đấy chứ... bá tước D. ấy mà? Không thể hy vọng vào sự trung thành của đàn bà được đâu; người nào có thể đứng vững đối với những chuyện ấy mới thật là có phúc! Nhưng còn anh!... Với cái tính bông bột mà lại hay tư lự, hay nghi ngờ của anh, với cái mũi tẹt, với cặp môi vều, với chùm tóc xoắn tít như lông cừu của anh, mà anh dám đâm đầu vào hôn nhân? Anh dám lao mình vào một tình cảm nguy hiểm như vậy?...

Ibraghim lãnh đạm ngắt lời:

- Xin cảm ơn những lời khuyên nhủ chí tình của anh nhưng chắc anh cũng biết câu tục ngữ: "Không việc gì phải đi ru con kẻ khác..."

Koóc-xakốp cười, đáp lại:

- Ibraghim ạ, anh coi chừng không khéo về sau lại thực hiện câu tục ngữ này mà lại theo nghĩa đen kia đấy.

Nhưng ở căn phòng bên cạnh, câu chuyện ngày càng trở nên gay gắt. Bà già nói:

- Cậu đừng giết nó. Chỉ trông thấy thằng đó nó cũng đủ chết khiếp đi rồi.

Ông em trai cứng cổ cãi lại:

- Nhưng chị thử nghĩ xem, anh ta đến làm rể đã hai tuần nay mà đến nay vẫn chưa nhìn thấy mặt mũi vị hôn thê. Rốt cục rồi anh ta có thể nghĩ rằng những chuyện đau ốm ấy toàn là chuyện bịa cả, rằng chúng ta chỉ tìm cách trì hoãn, để rồi kiếm cớ từ chối. Rồi hoàng thượng ngài sẽ nói sao? Ngài cho người đến hỏi thăm sức khỏe con Natalia thế là đã ba lần rồi. Tuỳ chị đấy chứ tôi chả dại gì đi sinh chuyện với ngài.

Tachiana Aphanaxiépna nói

- Trời ơi, rồi con bé sẽ ra sao? Ít nhất cậu cũng để tôi đi sửa soạn trước cho nó bớt bối ngỡ vì cuộc viếng thăm này.

Gavrila Aphanaxiêvích bằng lòng và trở ra phòng khách. Ông bảo Ibraghim:

- May quá! Nhờ trời cơn nguy đã qua. Bây giờ Natalia đã đỡ nhiều rồi; giá mà anh không sợ để ông khách quý Ivan Épgraphôvích ngồi đây một mình, thì tôi sẽ đưa anh lên phòng thăm em nó một tí.

Koócxakốp chúc mừng Gavrila Aphanaxiêvích, xin ông ta cứ tự nhiên, rồi nói rằng mình có việc cần phải đi ngay, và vội vàng lui ra phòng ngoài, không để cho chủ nhân theo tiễn chân.

Trong khi đó bà Tachiana Aphanaxiépna hối hả sửa soạn cho cô cháu đón sự xuất hiện của vị khách khủng khiếp. Vào đến phòng Natalia, nhưng bà chưa kịp nói lấy một lời thì cánh cửa phòng đã mở. Natalia hỏi:

- Ai vào thế?

Bà già lặng người đi, không nói nên lời nữa. Gavrila Aphanaxiêvích vén bức rèm lên, lạnh lùng nhìn con và hỏi Natalia đã đỡ chưa.

Người ốm muốn gượng cười với ông, nhưng không cười nổi. Cái nhìn nghiêm khắc của cha khiến nàng kinh ngạc và lo sợ. Vừa lúc ấy nàng có cảm tưởng rằng có ai đang đứng ở đầu giường. Nàng cố gượng ngẩng đầu lên và bỗng nhận ra người da đen của nhà vua. Đến đây nàng nhớ lại tất cả mọi việc, và cái tương lai kinh khủng lại hiện rõ mồn một ra trước mắt nàng. Nhưng tâm hồn nàng đã quá mệt mỏi, không còn có sức xúc động mạnh nữa. Natalia lại ngả đầu trên gối và nhắm mắt lại... Tim nàng đập mạnh, đau nhói. Tachiana Aphanaxiépna ra hiệu với ông em trai là người ốm muốn ngủ, mọi người đều rón rén bước ra khỏi phòng, trừ người nữ tỳ vẫn trở lại ngồi với chiếc xa quay sợi.

Cô thiếu nữ bất hạnh mở mắt ra, và không thấy ai đứng bên giường mình nữa, liền gọi cô nữ tỳ lại và bảo đi gọi mẹ lên đến. Nhưng ngay lúc ấy người đàn bà bé tí tròn như quả bóng, đã lẳng đến cạnh giường nàng. Số là Laxtôttska (chim yến - tiếng Nga) (đó là tên người đàn bà lùn) hồi này đã cố bon đôi chân ngắn tũn ngắn chạy theo Gavrila Aphanaxiêvích và Ibraghim, leo lên thang gác và nấp sau cánh cửa - mẹ ta cũng không thoát khỏi cái tính tò mò bẩm sinh của phái đẹp. Natalia thấy mẹ vào liền cho cô nữ tỳ ra ngoài, và người đàn bà lùn đến ngồi lên chiếc ghế con đặt bên giường.

Chưa bao giờ một thân hình bé nhỏ như vậy lại chứa đựng một khối lượng hoạt động tinh thần to lớn thế. Mẹ lùn can dự vào mọi việc, cái gì mẹ cũng biết, việc gì mẹ cũng lo. Nhờ có một trí óc lão luyện và xảo quyệt mẹ đã lấy được lòng chủ và bị tất cả gia nhân thù ghét. Mẹ tự quyền cai quản mọi việc

trong nhà. Gavril Aphanaxiêvích lắng nghe những lời mách lẻo, những lời kêu ca và xin xỏ vặc vãnh của mẹ; Tachiana Aphanaxiépna thì động một tiếng cũng hỏi ý mẹ và luôn nghe lời mẹ; còn Natalia thì quấy luyên mẹ với một tình cảm không bờ bến và thường thổ lộ với mẹ tất cả những ý nghĩ, tất cả những cảm xúc của trái tim mười sáu tuổi của nàng. Natalia nói:

- Laxtôtska ơi, có biết không, cha gả tôi cho ông da đen đấy.

Mẹ lùn thở dài thườn thượt, và cái mặt nhăn nhó của mẹ lại càng nhăn nhó thêm. Natalia nói tiếp:

- Chả nhẽ không còn chút hy vọng nào, chả nhẽ cha tôi lại không thương hại tôi sao?

Mẹ lùn lắc đầu

- Thế ông ngoại hay cô tôi không nói hộ cho tôi sao?

- Không đâu cô ạ. Trong khi cô ốm, anh chàng da đen đã có đủ thời giờ bỏ bùa mê cho tất cả mọi người rồi. Ông chủ cứ chết mê chết mệt với anh ta, lão công tước thì suốt ngày chỉ nói mê chuyện anh ta, còn Tachiana Aphanaxiépna thì nói: thật tiếc rằng anh ta lại là người da đen, chứ không thì cũng chẳng ao ước được một chàng rể nào hơn thế.

Cô thiếu nữ đáng thương rên rỉ:

- Trời ơi! Trời ơi!

Mẹ lùn hôn bàn tay yếu ớt của Natalia nói:

- Xin cô đừng buồn cô ạ. Thôi thì dù có phải lấy anh da đen đi nữa, cũng vẫn được tự do kia mà. Bây giờ có phải như ngày xưa đâu; chồng có giam vợ ở nhà được nữa đâu mà sợ; nghe nói anh da đen ấy giàu lắm; nhà cô sẽ tha hồ mà sang trọng, cô sẽ sướng như tiên ấy chứ...

- Tôi nghiệp anh Valêrian! - Natalia nói, nhưng nàng nói khê đến nỗi mẹ lùn không nghe rõ mấy lời này, chỉ đoán ra thôi. Mẹ hạ giọng xuống có vẻ bí mật, nói:

- Ấy, ấy, cô nghĩ đến gã mờ côi ấy in ít chứ, đến lúc lên cơn sốt lại nói mê tên Valêrian, rồi ông nhà lại nổi giận lên đấy!

Natalia hoảng hốt nói:

- Sao? Tôi nói mê tên Valêrian, cha tôi có nghe thấy ư? Cha tôi nổi giận ư?

Mẹ lùn đáp:

- Ấy thế mới khổ chứ. Bây giờ nếu cô xin ông chủ đừng gả cô cho anh da đen, thì ông nhà sẽ cho rằng cơ sự chung quy là vì Valêrian cả. Thôi chẳng còn cách nào nữa: cô phải phục tùng ý cha mẹ thôi, rồi sau ra sao thì ra.

Natalia lặng thinh không cãi lại. Nghĩ đến việc cha nàng đã biết nỗi tâm sự bí ẩn của nàng, trí tưởng tượng của Natalia bị kích động rất mạnh. Nàng chỉ còn

một hy vọng duy nhất là chết đi trước khi cuộc hôn nhân đáng căm ghét này hoàn tất. Ý nghĩ này khiến nàng đỡ khổ. Tâm hồn yếu đuối và nguồn khổ của nàng đành cuối đầu trước số phận.

Chương 7

Trong nhà Gavril Aphanaxiêvich ở bên phải gian phòng mắc áo cá một cái buồng hẹp chỉ có một cửa sổ. Trong phòng có một chiếc giường đơn xơ trải một tấm chăn chiên, trước mặt có một cái bàn bằng gỗ thông, trên bàn có một ngọn nến mỡ lợn đang cháy, chiếu sáng một quyển vở chép nhạc mở ra. Trên tường có treo một bộ quân phục màu xanh cũ kỹ và người bạn cùng lứa với nó là chiếc mũ ba góc; phía trên mũ có bức tranh màu mộc bản đóng vào tường bằng ba cái đinh, in hình vua Cáclơ XII⁵⁴ trên mình ngựa. Tiếng sáo vang dội trong căn phòng đậm bạc. Ông vũ sư tù binh, chủ nhân của căn phòng, đầu đội mũ chup, mình mặc áo choàng vải Tàu đang tiêu khiển cảnh buồn chán của đêm đông cô quạnh bằng mấy bài hành khúc Thụy Điển nhắc nhớ lại thời niên thiếu tươi đẹp đã qua. Sau hai tiếng đồng hồ liên thối sáo như vậy, người lính Thụy Điển tháo rời ống sáo ra, bỏ vào hộp và bắt đầu cởi áo.

Lúc ấy cái chốt cài cửa bỗng nhắc lên, và một người thanh niên tuần tú, vóc người cao lớn, vận quân phục, bước vào phòng.

Ông già người Thụy Điển kinh ngạc sợ hãi đứng dậy.

Người khách trẻ tuổi cất giọng cảm động nói:

- Bác không nhận ra tôi à, bác Guxtáp Adamôvich? Bác không nhớ thằng bé mà bác dạy cho các động tác quân sự của Thụy Điển à? Bác không nhớ hồi bác với tôi suýt gây ra hoạ hoạn trong buồng ngài, vì mang cái súng thần công trẻ con ra bắn ư?

Guxtáp Adamôvich nhìn chàng không chớp mắt. Cuối cùng ông ôm chầm lấy chàng, kêu lên:

- Ê-ê-ê! Chào chú, chú về đây lâu chưa thế? Ngồi đây, ngồi đây cậu bé nghịch ngợm của tôi, ngồi đây ta nói chuyện!

1827 Hoàng Tôn dịch

Chú Thích

A. X. Puskin bắt đầu viết tác phẩm này ngày 31 tháng Bảy năm 1827, dự định sẽ dựng nên một tác phẩm lớn. Ông thực hiện công việc suốt những năm 1827 – 1828, nhưng sau năm 1828 chúng ta không tìm thấy dấu hiệu gì chứng tỏ tác giả còn tiếp tục công việc đó nữa.

Cơ sở cốt truyện Puskin lấy từ tiểu sử của một trong các ông tổ dang mẹ của mình Abram Pêtrôvich Ganiban (trong truyện là Ibraghim), dòng dõi

ở Abixinia (nay là Êtiôpia), từ nhỏ đã ở với Piốt I, được Piốt nhận làm con nuôi và cử đi Pari để học thành kỹ sư quân sự. Người ta không biết rõ lai lịch chính xác của anh Ả Rập và các hoàn cảnh đẩy anh đến với Piốt I. Trong bản tiểu sử viết tay bằng tiếng Đức của Ganiban còn giữ trong lưu trữ gia đình, sự thực lịch sử không phải bao giờ cũng được giữ đúng và nhiều sự việc trong cuộc đời ông mang tính chất rõ ràng là truyền thuyết. Tuy nhiên nhiều điều trong cuộc đời của Ibraghim miêu tả trong truyện thực ra là do Puskin sáng tác ra (chẳng hạn câu chuyện tình duyên với bá tước phu nhân).

Tác phẩm này không hoàn thành và mới được Puskin công bố một phần: trích đoạn chương bốn in trong từng thư "Những bông hoa phượng bắc" năm 1829 và trích đoạn chương ba in trong "Báo văn học" vào năm 1930, số 13. Cả hai trích đoạn chung tên "Hai chương trích tiểu thuyết lịch sử" được đưa vào tập "Các truyện do Alếchxanđơ Puskin xuất bản" (1834). Tất cả sáu chương tiểu thuyết mà Puskin đã viết xong hoàn toàn (trừ chương bảy, vừa mới bắt đầu), lần đầu tiên xuất hiện sau khi Puskin qua đời trong tạp chí "Người đương thời", (t. VI, 1837) dưới nhan đề "Người da đen của Piốt Đại đế" do ban biên tập đặt ra. Các đề từ Puskin chuẩn bị cho tiểu thuyết này còn chưa phân bố cho các chương (trừ đề từ cho chương VI), sau này các nhà biên tập đã áng chừng mà sắp xếp.

1 Đề từ cho toàn bộ tiểu thuyết, trích từ truyện dài bằng thơ "Ala" của nhà thơ Nga Nhikôlai Iadưkốp (1803-1846). – 8.

2 Đề từ cho chương I trích ở bài thơ bông đùa "Chuyến du lịch của N.N. đến Pari và Luân Đôn" (1803) của nhà thơ Nga Ivan Ivanôvich Đmitriép (1760-1837). – 8

3 Ibraghim – Abram Pêtrôvích Ganiban tăng tổ phụ về đằng mẹ của nhà thơ (1697/98 – 1781). Con trai một công tước xứ Abixinia, được đưa từ Cônxtantinôpôn về Pêterburg. Cônxtantinôpôn là nơi Ibraghim bị giữ làm con tin trong cuộc chiến tranh với quân Thổ. Nhận thấy chú bé có những khả năng xuất chúng, Piốt I đã đích thân dạy chú học tiếng Nga và toán học. Năm 1717 Ibraghim đi du học ở nước ngoài 5 năm. Trước khi Piốt I chết (1725) Ibraghim phục vụ trong trung đoàn Prêôbragienxki, phụ trách phòng đồ án và thiết kế của nhà vua, dạy cho thanh thiếu niên quý tộc học toán và kỹ thuật.

Piốt Đại đế - Piốt Đệ Nhất Đại đế (1672-1725) – vua Nga từ năm 1682, từ 1721 – là hoàng đế đầu tiên của nước Nga. Là nhà hoạt động nhà nước vĩ đại, là thống soái, là tư lệnh hải quân và là một nhà ngoại giao. – 8

4 Trên thực tế Ganiban đã ăn học tại trường pháo binh ở La Pherơ. Người ngoại quốc chỉ được nhận vào học ở trường này. Ganiban ở La Pherơ cho đến

cuối năm 1722. Trường võ bị Pari mãi đến năm 1751 mới được thành lập – 8
5 Chiến tranh Tây Ban Nha - chỉ chiến tranh Anh và Pháp chống Tây Ban Nha những năm 1718-1720. –8

6 Luy XIV (1638-1715) – vua Pháp từ năm 1643. Giai đoạn cầm quyền của ông ta là đỉnh cao của chế độ chuyên chế (truyền thuyết đã gán cho Luy XIV câu châm ngôn: "Nhà nước tức là ta"). – 9

7 Công tước Oóclêăng Philip (1674-1723) – quan phụ chính đại thần của vua LuyXV (1710-1774) từ năm 1715 đến 1723, khi nhà vua còn vị thành niên. – 9

8 Pale-Roian – cung điện của các công tước Oóclêăng ở Pari. – 9

9 Giôn Lau (John Law, 1671-1729) – nhà tài chính và kinh tế học người Scốtlen, cầm đầu Tổng Ngân hàng Pari, bộ trưởng bộ tài chính Pháp, là người đề xướng việc phát hành một số lượng tiền giấy mất giá, dẫn tới việc đổ vỡ về tài chính và nhiều cuộc phá sản. – 9

10 Công tước Risơliơ Luy Phranxoa Ácman đuy Plexi (1696-1788) – nguyên soái Pháp, một cận thần sắc sảo, nổi tiếng về những chuyện trăng hoa. – 9

11 Ankibiát - một tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước có tài của Aten thế kỷ V trước công nguyên, đồng thời cũng nổi tiếng trụy lạc và vô đạo đức. Tên của Ankibiát đã đi vào thành ngữ để chỉ con người có tài năng xuất chúng, nhưng trụy lạc và vô đạo đức. Puskin dùng tên Ankibiát để chỉ công tước Risơliơ. – 9

12 Temps fortuné, marqué par la licence... (nguyên văn tiếng Pháp) – trích trong ca khúc XIII trong bản trường ca "Nàng trinh nữ Oóclêăng" (1755) của Vôn-te (1694-1778). Đoạn này nói về thói ăn chơi vô độ, hưởng lạc hết mức, quên hết mặt đạo đức của giới quý tộc thượng lưu lúc đó. – 10.

13 Aruê – tên thật của Vôn-te: Mari Phranxoa Aruê. – 10.

14 Sôliê Hiom (1639-1720) – linh mục, nhà thơ trữ tình Pháp, mặc dù có chức sắc tôn giáo, ông vẫn truyền bá tự do tư tưởng và khoái lạc cuộc sống. Tác giả ca khúc và thư văn vần, ca ngợi rượu và tình yêu. – 10.

15 Môngteskiơ Sácơ Luy (1689-1755) – nhà văn hài hước, nhà chính luận Pháp, nhà tư tưởng quân chủ lập hiến. – 10.

16 Phôngtơnen Bécna lơ Bôvie đờ (1657-1757) – nhà văn khai sáng Pháp, tác giả tác phẩm phổ biến khoa học. – 10.

17 Nhà tu kín ở Pháp trước đây thường là nơi dạy dỗ các cô gái con nhà quyền quý. – 10.

18 Đề từ cho chương II, trích trong tụng ca "Nhân cái chết của công tước Mêserxki" (1779) của nhà thơ Nga nổi tiếng thế kỷ XVIII Gavrila Đergiavin

(1743-1816). – 14.

19 Kraxnôie Xêlô - một vùng thuộc ngoại ô Pêterburg (hiện nay là một huyện lỵ của tỉnh Leningrát). – 17.

20 Êkatêrina I Alếchxêépna (1684-1727), hoàng hậu Nga (1725-1727), vợ thứ hai của vua Piôt I. – 18.

21 Ôranhiênbaum (nay là thành phố Lômônôxốp) – dinh thự của Nga hoàng ở ngoại ô Pêterburg. – 18.

22 Trận Pôntava năm 1709 - trận giao chiến quyết định giữa quân Nga và quân Thụy Điển trong cuộc chiến tranh Bắc phương 1700-1721. Quân Nga đứng đầu là Piôt Đại đế đã giành được chiến thắng oanh liệt, đánh tan tác quân Thụy Điển. – 19.

23 Mensikốp Alếchxândơ Đanhilôvích (1673-1729) - một trong những người cộng sự gần gũi nhất của vua Piôt, nhà hoạt động quốc gia và vị tướng lỗi lạc. – 19.

24 Công tước Đôngôruki Iakốp Phêđôrôvích (1639-1720) - một trong số những phụ tá thân cận của vua Piôt, nổi tiếng vì những ý kiến độc lập. Thường thực hiện những sứ mệnh ngoại giao ở nước ngoài. – 19.

25 Bruýt Iakốp Vilimôvích (1670-1735) - vị tướng, nhà ngoại giao và học giả Nga, người biên soạn bản đồ Nga và niên lịch in đầu tiên của Nga có những dự báo về thời tiết, gọi là lịch "Bruýt"; quản lý nhà in dân sự ở Mátxcova, xuất thân là người Scốtlen. – 19.

26 Phaoxtơ Giôhan - một nhà giả kim thuật người Đức đã bán linh hồn cho quỷ dữ (theo lời kể của một truyền thuyết trung cổ). Vì những thí nghiệm vật lý và hoá học của mình, Bruýt cũng nổi tiếng như một thầy phù thủy vậy. – 19.

27 Ragudinxki – Vladixlavích Xava Lukích (khoảng 1670-1738) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, theo dẫn chứng trong tiểu sử tiếng Đức của Ganiban, thì hình như anh ta được đưa từ Cônxtantinôpôn cùng Ganiban về cho Piôt I. Thường thực hiện các sứ mệnh ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ và Trung quốc. – 19.

28 Êvie Antôn Manuilôvích - người Bồ Đào Nha, cận thần và là trợ thủ đắc lực của Piôt Đại đế, sau này là thiếu tướng cảnh sát trưởng Pêterburg. – 19.

29 Đề từ trích không sát nguyên văn ở bi kịch “Những người Hy Lạp” của V.K. Kiukhenbeker (1797-1846) - một nhà thơ Nga tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chạp, bạn của Puskin. – 20.

30 Trung đoàn Prêôbragienxki – do Piôt I lập nên, một đơn vị lâu đời có đặc quyền của quân đội Nga. – 20.

- 31 Sêrêmêchép Bôrit Pêtrôvích (1652-1719) – bạn chiến đấu của Piôt I, tướng Nga (1701), bá tước (1706). Một trong số rất ít những người thân cận nhất của Piôt I, thuộc một dòng họ quý tộc lâu đời. – 20.
- 32 Gôlôvin Ivan Mikhailôvích (1672-1737) – quan hầu cận của Piôt I, về sau là thủy sư đô đốc Nga. – 20.
- 33 Pháp viện tối cao – cơ quan hành pháp cao nhất ở nước Nga Sa hoàng có trọng trách giám sát các hoạt động của các cơ quan tư pháp, tài chính và chính quyền. Pháp viện tối cao do Piôt Đại đế lập ra năm 1711 để thay thế cho viện Đu-ma của bọn quý tộc địa chủ và tồn tại cho đến trước Cách mạng tháng Mười năm 1917. – 20.
- 34 Buturlin Ivan Ivanôvích (1661-1738) - nghị sĩ, tướng, uỷ viên Hội đồng quân sự Nga. – 20.
- 35 Hội đồng hải quân – cơ quan Nhà nước trung ương quản lý hạm đội hải quân ở nước Nga (1718-1727). Phụ trách các xưởng đóng tàu, các nhà máy sản xuất vải gai và dây chèo, chỉ đạo việc xây dựng các cửa biển và hải cảng, huấn luyện và cung cấp trang thiết bị cho hạm đội. – 20.
- 36 Phêôphan Prôkôpôvích (1681-1736) - Tổng giám mục Nôpgôrôt, một chiến hữu gần gũi nhất của Piôt I, nhà thơ, học giả. Ông ủng hộ các cải cách của Nga hoàng mà giới tăng lữ phản động ra sức chống lại. – 21.
- 37 Gavriin Burginxki (1680-1731) – giám mục xứ Riadan, một tu sĩ uyên bác, từ năm 1721 là giám đốc các nhà in Pêterburg và Mátxcơva, nhà văn, dịch giả. – 21.
- 38 Kôpiêvích Ilia Phêđôrôvích (chết khoảng 1707) - mục sư môn phái Luyte, dịch giả, người tổ chức xưởng in Nga ở Amxterđam. – 21.
- 39 Koócxakôp – nguyên mẫu của nhân vật này là Rimxki-Koócxakôp Vôin Iakôplêvích (1702-1757). Năm 1716 được cử sang Pháp ăn học, năm 1724 trở về Pêterburg. – 21.
- 40 Buổi vũ hội - việc miêu tả buổi vũ hội, như chính Puskin xác nhận, là dựa theo tác phẩm của I. Gôlicôp "Những hoạt động của Piôt Đại đế" và tuyển tập "Lễ thói Nga" của A. Koócnhilôvích. Trong tác phẩm, Puskin không thể nêu tên Koócnhilôvích, người bị kết án vì tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chạp. Cơ sở chủ yếu để miêu tả buổi vũ hội là bài báo của Loócnhilôvích "Về những vũ hội đầu tiên ở nước Nga". – 22.
- 41 Natalia Kirilôpna (1652-1694) - mẹ của Piôt I. – 24.
- 42 Mơ-nuy-ê - điệu nhảy Pháp cổ xưa, rất phổ biến ở thế kỷ XVII- XVIII. – 25.
- 43 Đề từ trích trong chương IV trường ca "Ruxlan và Lítmila" (1820) của A.

Puskin. – 27.

44 Thăng ngốc, mù ngốc là những nhân vật có vào thời nước Nga cổ xưa, trong cung điện vua chúa và các gia đình khá giả là một sở hữu nhất thiết phải có. – 29.

45 Đây là nói đến cuộc viễn chinh của quân Thụy Điển tới Kurlindia (thuộc lãnh thổ Latvia hiện nay) và Ba Lan sau khi chúng chiến thắng quân Nga ở gần Narva năm 1700. – 32.

46 Đề từ trích không chính xác ở nhạc kịch hài hước "Người thợ xay bột, gã phù thủy, tên lừa đảo và ông mối" (1779) của A.O. Ablêximốp (1742-1773). – 33.

47 Âm chỉ công tước Mensikốp, theo lời đồn, hồi nhỏ bán bánh rán. – 33.

48 Txarêgrát – tên gọi Nga cổ xưa của thành phố Cônxtantinôpôn - thủ đô của Đế quốc Bidanti (hiện nay là thành phố Xtambun ở Thổ Nhĩ Kỳ). – 35.

49 Bôva Kôrôlêvích và Êruxlan Ladarêvích – các nhân vật trong truyện dân gian Nga mà Puskin hằng quen thuộc qua các câu chuyện kể của bà nhũ mẫu và bà nội nhà thơ. – 35.

50 Xơ-rê-lét là đội quân thường trực đầu tiên của Nga được trang bị súng ống. Do Ivan Hung bạo xây dựng vào thế kỷ XVI. Thoạt tiên lính xơ-rê-lét được lấy từ đông đảo các tầng lớp nhân dân thành thị và nông thôn. Sau đó họ phải phục vụ quân đội đến trọn đời và cha truyền con nối. Họ sống thành làng, có gia đình, làm các nghề thủ công và buôn bán. Cuối thế kỷ XVII họ tham gia vào vụ nổi loạn của kiêu binh xơ-rê-lét. Năm 1698, sau nhiều lần dấy loạn, đội quân xơ-rê-lét bị Piôt I giải thể và quân đội chính quy Nga được thành lập. – 36.

51 Âm chỉ vụ nổi loạn của kiêu binh xơ-rê-lét năm 1682. – 36.

52 Trong bản thảo không có con số 15, thay vào đó là một chỗ trống. Ibraghim Ganiban sinh ở Abixinia trên bờ sông Marép. – 37.

53 Tức là Alêchxandơ Đanhilôvích Mensikốp. – 38.

54 Cácơ XII (1682-1718) – vua Thụy Điển, đầu tiên đánh thắng quân Nga một vài trận, nhưng năm 1709 bị Piôt I đánh cho thất bại tại bờ ở gần Pôntava và phải bỏ chạy sang Thổ Nhĩ Kỳ. – 43.

Truyện ngắn
Bão tuyết
Nguyễn Duy Bình dịch

Qua đời vào giữa lúc sức sống và sức sáng tạo đang độ phát triển dồi dào nhất, Puskin, đối với học trò và những người kế tục sau ông – những bậc kiệt xuất của nền văn học Nga vĩ đại do ông đặt nền móng, kể cả chính Lép Tônxtôi, – đối với tất cả, dù họ có sống lâu hơn ông bao nhiêu năm tháng đi nữa, ông vẫn mãi mãi là người anh cả thông minh nhất...

Di sản của Puskin khó mà khảo cứu hết được – đó không phải là một đỉnh núi đơn độc, dù rất hùng vĩ, mà là cả một dãy núi oai nghiêm, với những đỉnh, những nhánh trùng trùng điệp điệp.

Alêchxandro Tvardôpxki.

*Ngựa phi qua gò đồng
Giẫm lên tuyết lún sâu
Đây miếu thờ thượng đế
Đứng bên đường cô liêu
Bỗng bão tuyết bao vây,
Trút ào từng mớ tuyết,
Bóng đen và tiếng rít
Trên cộ trượt bám xoay
Tiếng tiên tri rên rỉ
Nói lên nỗi u sầu!
Ngựa dừng bồm đờn bước,
Nhìn xa trong đêm thâu...
Giukôpxki*

Vào khoảng cuối năm 1811, một thời đại rất đáng ghi nhớ của chúng ta, có một người trung hậu tên là Gavril Gavrilôvich R, sống trong trại ấp riêng của mình ở Nhênaradôvô. Ông nổi tiếng khắp vùng vì lòng hiếu khách và tính tình niềm nở. Khách trong miền thường lui tới nhà ông, ăn uống, đánh bài bô-stôn mỗi ván năm cô-pếch với bà vợ của ông, bà Praxcôvia Pêtrôpna, nhưng cũng có một số người đến là để được nhìn cô con gái nhà ấy, cô Maria Gavrilôpna, một thiếu nữ mười bảy tuổi, dáng người thanh tú, nước da hơi xanh. Nàng được xem như là một đám giàu có, và nhiều người đã nhắm nàng hoặc cho mình hoặc cho con trai của mình.

Maria Gavrilôpna được giáo dục bằng những cuốn tiểu thuyết Pháp, và do đó mà rất dễ đắm đuối yêu đương. Đối tượng lọt mắt xanh của nàng là một

chuẩn uý nghèo, hồi ấy về nghỉ phép trong làng. Lẽ dĩ nhiên là chàng trai này cũng chia sẻ mỗi tình tha thiết ấy, nhưng cha mẹ nàng biết tình ý đôi lứa đã cấm con gái mình không được nghĩ đến chàng trai ấy nữa và ông bà đón tiếp chàng còn lạnh nhạt hơn là đối với một viên hội thẩm về hưu.

Cặp uyên ương của chúng ta vẫn thư từ đi lại và hàng ngày vẫn vai kề vai trong rừng thông hay bên cạnh ngôi nhà thờ cổ. Họ thề yêu nhau trọn đời, thở than cho số phận và bàn định với nhau rất nhiều phương kế. Trong khi thư từ và chuyện trò như thế họ đã đi đến lý luận sau đây (âu cũng là lẽ tự nhiên thôi): một khi chúng ta không thể sống xa nhau, nếu như ý muốn tàn nhẫn của cha mẹ cản trở hạnh phúc của chúng ta, thì phải chăng là nên vượt qua quyền cha mẹ? Chắc hẳn là ý nghĩ hay ho ấy đã xuất hiện trong trí óc chàng trai trẻ trước, và cũng quyến rũ được trí tưởng tượng đầy chất tiểu thuyết của nàng.

Mùa đông đến đã chấm dứt những cuộc hẹn hò của họ. Nhưng thư từ đi lại càng chặt hơn. Trong mỗi bức thư Vladimira Nhicôlaiêvich đều van lơn nàng hãy gắn bó với chàng, bí mật kết hôn với nhau, tạm lánh đi ít lâu, rồi sẽ quay trở về quỳ dưới chân cha mẹ, rồi cục rồi cha mẹ nàng sẽ cảm động trước lòng chung thủy dũng cảm của họ, trước tình yêu đau khổ của họ và nhất định là hai cụ sẽ bảo họ: “Thôi, các con hãy lại đây, ngả vào lòng cha mẹ!”.

Maria Gavrilópna ngần ngại mãi; nhiều kế hoạch đi trốn đã bị gạt bỏ. Cuối cùng nàng ưng thuận; đến ngày đã hẹn, nàng sẽ không ăn bữa tối, tháo cổ đầu đầu lui về phòng riêng. Chị hầu phòng cũng đồng mưu; họ sẽ đi ra vườn qua cửa sau, gần vườn đã có một cộ trượt tuyết chờ sẵn, họ lên cộ đi cách Nhênaradôvô năm véc-xta đến Giadrinô, đi thẳng tới nhà thờ, Vladimira Nhicôlaiêvich sẽ chờ sẵn ở đấy.

Suốt đêm trước cái ngày quyết định ấy, Maria Gavrilópna không sao chợp mắt. Nàng sửa soạn, gói ghém quần áo, viết một bức thư dài cho một tiểu thư đa cảm, bạn nàng, và một bức thư để lại cho cha mẹ. Lời lẽ rất cảm động, nàng từ biệt và xin tha thứ cho tội lỗi của mình đã không đủ sức cưỡng lại mãnh lực của tình yêu say đắm. Bức thư kết thúc rằng giờ phút sung sướng nhất trong đời nàng là lúc được lượng khoan hồng trở về quỳ dưới chân của hai thân vô cùng kính mến. Nàng đóng dấu vào hai bức thư, một con dấu của thành Tula (1) khắc hình hai quả tim rực lửa với một dòng chữ thích hợp bên dưới. Nàng lăn ra giường trước khi trời hừng sáng và ngủ thiếp đi. Nhưng những cơn ác mộng cứ chốc chốc lại khiến nàng giật mình thức giấc. Khi thì hình như vừa đúng lúc nàng bước lên xe trượt tuyết đi làm lễ cưới, cha nàng đã đến bắt lại, lôi nàng xềnh xệch giữa tuyết, toàn thân đau ê ẩm, rồi ném

nàng xuống một cái hầm sâu tối mò vô tận... và nàng bay vút xuống rất nhanh, tìm lịm đi một cách kỳ dị; khi thì nàng thấy Vladimira nằm sóng sượt trên bãi cỏ, tái nhợt, mình đầy máu me. Chàng đang hấp hối, và cất giọng náo nuột xé lòng van lơn nàng hãy mau mau làm phép cưới với mình... Những hình ảnh kỳ quái vô nghĩa cứ liên tiếp hiện lên trước mắt nàng. Cuối cùng nàng thức dậy, xanh xao hơn thường ngày và hóa ra đau đầu thực sự. Cha mẹ nàng nhận thấy con mình có điều gì lo lắng bất an. Ông bà ân cần chăm sóc, và không ngớt hỏi nàng; “ Maria yêu dấu, con làm sao thế? con ốm đấy ư, Maria yêu dấu! “ Những câu hỏi cứ như xé tim nàng. Nàng cố gắng làm cho cha mẹ an tâm, nàng gượng vui, nhưng không thể được. Chiều đến. Ý nghĩ rằng đây là ngày cuối cùng sống giữa gia đình khiến cho lòng nàng thắt lại. Nàng như người sắp chết. Nàng thăm chào mọi người, từ biệt mọi vật xung quanh.

Bữa ăn chiều dọn ra; tim nàng đập mạnh. Giọng run run nàng cáo rằng mình không muốn ăn, xin chào cha mẹ. Hai người ôm hôn con và theo thường lệ làm dấu cầu phúc cho con; suýt nữa thì nàng oà lên khóc. Về phòng riêng nàng gieo mình trên ghế bành, nước mắt giàn giụa. Chị hầu phòng hết sức an ủi nàng, khuyên nàng bình tĩnh và can đảm. Tất cả đã sẵn sàng. Chỉ nửa giờ nữa thôi, Maria phải vĩnh viễn từ biệt ngôi nhà của cha mẹ, gian phòng riêng và cuộc sống êm đềm của một thiếu nữ...

Ngoài trời đang có bão tuyết; gió rít lên từng hồi, các cánh cửa sổ rung lên, đập bần bật; tất cả đối với nàng hình như là một điều đe dọa buồn thảm. Chẳng mấy chốc trong nhà hoàn toàn im lặng, mọi người đã ngủ yên. Maria trùm khăn san mặc áo khoác ấm, tay xách chiếc hòm con và

bước ra cửa sau. Chị hầu phòng mang theo hai gói áo quần đồ đạc. Cả hai đi ra vườn. Bão tuyết vẫn không dịu bớt; gió thổi vào mặt như cố giữ chân người con gái tội lỗi. Khó khăn lắm họ mới tới được phía cuối vườn. Trên đường một chiếc cộ trượt tuyết đã chờ họ sẵn. Lũ ngựa rét cóng không chịu đứng nguyên một chỗ; anh xà ích của Vladimira đi đi lại lại trước cang xe cố tìm những con ngựa đang hăng. Anh ta giúp tiểu thư và cô hầu lên xe, xếp đặt chiếc hòm nhỏ và hai gói đồ, rồi giật cương cho ngựa phóng nhanh đi. Giao phó cô tiểu thư cho sự chăm nom của số mệnh và cho tài năng của người đánh xe, chúng ta hãy quay sang chàng tình nhân trẻ tuổi.

Vladimira chạy vạy suốt cả ngày hôm ấy. Từ sáng sớm chàng đã tìm đến vị linh mục ở Giadrinô; phải khó khăn lắm mới thuyết phục được ông ấy; rồi chàng chạy đi tìm các người làm chứng trong số những địa chủ quanh đó. Người thứ nhất mà chàng gặp là một thiếu úy kỵ binh về hưu tên là Dravin

tuổi đã bốn mươi. Ông này nhận lời ngay và quả quyết với chàng rằng việc này gọi ông nhớ lại thời xưa cũ cùng những thói ngỗ nghịch của kỵ binh. Ông ta cố giữ Vladimira ở lại ăn trưa, khuyên chàng cứ giữ vững lòng tin, và bảo đảm rằng việc tìm hai người làm chứng nữa chẳng có gì là khó. Quả đúng như thế, ngay sau bữa ăn thì có thêm Smít, một bác nhân viên trắc địa, có bộ ria mép, mang giày có cựa, và một chàng con trai của một viên đại uý cảnh binh, mười sáu tuổi, vừa mới được nhận vào quân khinh kỵ. Không những họ nhận lời yêu cầu của Vladimira mà còn thề sẵn sàng hy sinh tính mạng vì chàng. Vladimira phấn khởi ôm hôn họ và trở về nhà sửa soạn nốt những việc cần thiết.

Trời tối đã lâu. Chàng dặn dò anh xà ích Têrenti tâm phúc của mình rất tỉ mỉ chu đáo, cho y đem cỗ xe tam mã đi Nhênaradôvô đón, và ra lệnh thẳng chiếc cỗ trượt tuyết một ngựa, không cần xà ích, một mình chàng ra đi về phía Giadrinô, nơi mà trong khoảng hai giờ nữa Maria Gavrilôpna sẽ đến. Đường chàng đã quen thuộc chỉ đi mất chừng hai mươi phút thôi.

Nhưng Vladimira vừa rời khỏi bìa làng ra giữa cánh đồng, thì trời nổi gió mạnh, một cơn bão tuyết dữ dội ập tới khiến chàng không còn nhìn thấy gì nữa. Chỉ trong một phút con đường bị tuyết phủ hết. Mọi vật xung quanh đã biến mất trong nền sương mù vàng nhạt, bông tuyết trắng bay tới tấp. Bầu trời lẫn lộn với mặt đất. Vladimira lạc giữa cánh đồng, cố hết sức vẫn không tìm ra được đường cái. Ngựa bước vu vơ trên đồng, chốc chốc lại trèo lên gò cao hay tụt xuống hố; chiếc cỗ trượt tuyết luôn luôn nghiêng ngả. Vladimira ra sức định thần cho khỏi lạc hướng. Nhưng hình như đi đã hơn nửa giờ rồi mà vẫn chưa thấy khu rừng Giadrinô đâu. Chừng mười phút nữa đã trôi qua; khu rừng vẫn không thấy tăm dạng. Vladimira đang đi giữa một cánh đồng chẳng chịt những khe hố. Bão tuyết vẫn không dịu bớt, trời vẫn không sáng sủa thêm tí nào. Ngựa đã mệt lử, còn chàng thì đổ mồ hôi hột, mặc dù cứ chốc chốc lại sụt trong tuyết đến tận thắt lưng.

Cuối cùng chàng thấy rằng mình đã lạc. Vladimira dừng lại; bắt đầu suy nghĩ, tập trung tư tưởng cân nhắc và quyết định đi chếch về phía bên phải. Chàng đánh xe về phía ấy. Ngựa đã mệt lử, bước không vững nữa. Chàng đi đã hơn một giờ rồi. Giadrinô chắc hẳn đã gần. Nhưng chàng đi, đi mãi, cánh đồng vẫn vô tận. Khắp nơi ngổn ngang những đống tuyết, những khe hố. Chiếc xe luôn luôn bị lật nhào và chàng cứ phải dựng nó lại. Thời gian cứ trôi qua; Vladimira bắt đầu lo lắng.

Rốt cục rồi chàng cũng thấy đằng xa có một khối gì hiện ra đen đen. Và chàng tiến về phía ấy. Đến gần thì thấy đó là một khu rừng. “Đội ơn Chúa, –

chàng nghĩ thầm, – gần đến rồi đây”. Chàng men theo khu rừng và hy vọng trong chốc lát sẽ gặp con đường quen thuộc hoặc vòng khỏi khu rừng này; nhất định là Giadrinô ở ngay phía sau đây. Một lát sau chàng tìm thấy đường cái và đi xuyên vào trong bóng những cây đã trụi lá. Gió không còn thổi điên cuồng vào đây được nữa; con đường bằng phẳng, ngựa hăng lên và Vladimira an tâm trở lại.

Nhưng chàng đi, đi mãi, vẫn không thấy Giadrinô; khu rừng vẫn vô tận. Vladimira kinh hoàng nhận ra rằng mình đang đi giữa một khu rừng lạ. Nỗi thất vọng tràn ngập lòng chàng. Chàng quất túi bụi vào lưng ngựa; con vật khốn khổ rảo bước dần lên, nhưng chưa được mấy chốc đã kiệt sức, và chỉ mười lăm phút sau, mặc cho chàng đau khổ thôi thúc, nó lại bước từng bước một.

Hàng cây thưa dần và Vladimira đã ra khỏi khu rừng; làng Giadrinô vẫn không thấy đâu cả. Lúc ấy hẳn đã gần nửa đêm rồi. Nước mắt chàng trào ra; chàng vẫn mò mẫm thúc ngựa đi. Cơn bão dịu dần, mây đã tan hết, trước mắt chàng chạy dài một cánh đồng phủ một thảm bạc gợn sóng. Đêm đã khá quang đãng. Chàng thấy gần đó có một xóm nhỏ độ bốn hay năm nóc nhà. Vladimira tiến vào nơi ấy. Đến bên một túp nhà nhỏ chàng nhảy xuống, cố chạy lại cửa sổ đưa tay gõ. Vài phút sau cánh cửa sổ bằng gỗ mở ra, một ông già thò chòm râu bạc ra hỏi. “Ai, cần gì đấy?” – “Về Giadrinô có xa không?” – “Về Giadrinô có xa không à?” – “Vâng, vâng, về Giadrinô có xa không?” – “Không xa lắm chỉ độ mười véc-xta thôi!”. Nghe câu trả lời Vladimira vô đầu bứt tóc và lặng người đi như một kẻ bị tuyên án tử hình.

“Anh từ đâu đến?” – Ông già hỏi tiếp. Vladimira không còn đủ tinh thần để đáp lại nữa. “Bác ơi – chàng nói, – bác có thể cho tôi ngựa đi Giadrinô không?” – “Ngựa nào bây giờ, chúng tôi có đâu”. – “Thôi, thế thì ít nhất tôi có thể nhờ một người nào đưa đường được chứ? Tôi sẽ trả tiền công, đòi bao nhiêu cũng được”. – “Anh hãy đợi đấy, ông già vừa đáp lại, vừa hạ cánh cửa xuống, – tôi sẽ cho thẳng con tôi đi. Nó sẽ dẫn đường cho anh”. Vladimira đứng đợi. Chưa đầy một phút chàng lại gõ cửa. Cánh cửa sổ mở, chòm râu bạc lại hiện ra. “Anh cần gì đấy?” – “Con bác đâu nào?” – “Ra ngay đấy, nó đang đi giày mà. Có rét không, vào sưởi cho ấm”. “Cảm ơn bác, bác giục cậu con nhanh lên cho”.

Cửa cọt kẹt mở. Một cậu bé bước ra, tay cầm một cái gậy lớn và đi lên trước, khi thì chỉ lối, khi thì tìm con đường đã bị lấp dưới những đống tuyết. – “Mấy giờ rồi?” – Vladimira hỏi. “Có lẽ gần sáng rồi đấy”, cậu bé nông dân đáp. Vladimira chẳng nói chẳng rằng gì nữa.

Gà gáy, và trời vừa hừng sáng thì họ vừa tới Giadrinô. Nhà thờ đóng kín cửa. Vladimia trả tiền cho cậu bé dẫn đường và đi vào trong sân tìm giáo sĩ. Trong sân không có cỗ xe tam mã nào cả. Tin lành hay tin dữ đang chờ chàng đây!

Nhưng chúng ta hãy quay trở lại cái nhà điền chủ hiền lành ở Nhênaradôvô thử xem xảy ra những chuyện gì?

Chẳng có chuyện gì xảy ra cả!

Hai ông bà già ngủ dậy và đi ra phòng khách. Gavrilav Gavrilovich đội mũ vải mềm mặc áo ngắn phơ-la-nen. Praxcôvia Pêtrốpna mặc áo khoác bông. Người ta đem ấm trà ra. Ông Gavrilav Gavrilovich bảo con hầu vào hỏi thăm sức khỏe của Maria Gavrilốpna thế nào, và cô có ngủ được không? Con bé trở ra và trả lời rằng cô ngủ không được ngon, bây giờ đã đỡ và cô sắp ra phòng khách. Quả nhiên cửa mở và Maria Gavrilốpna bước ra chúc sức khỏe cha mẹ.

“Đầu con bây giờ thế nào, Maria?” – Gavrilav Gavrilovich hỏi. – “Thưa cha, đỡ rồi ạ”, Maria đáp. “Đúng là hôm qua con bị ngạt khói vì lò sưởi rồi con ạ”, – Bà Praxcôvia Pêtrốpna nói. – “Vâng, thưa mẹ, có lẽ thế đấy ạ”.

Ngày ấy trôi qua bình yên vô sự, nhưng tối đến thì Maria bị ốm. Nhà phải lên phố mời thầy thuốc. Chiều hôm sau thầy thuốc đến thì bệnh nhân đang mê sảng. Nàng bị sốt nặng, và trong hai tuần liền bệnh tình trầm trọng tưởng lòng khó qua khỏi.

Trong nhà không ai biết gì về cuộc đi trốn kia cả. Mấy bức thư viết hôm trước nàng đã đốt hết; chị hầu phòng không dám hở môi với ai, vì sợ ông chủ nổi cơn thịnh nộ. Ông giáo sĩ, viên thiếu úy kỵ binh về hưu, bác nhân viên trắc địa có bộ ria mép, và chàng kỵ binh trẻ tuổi đều kín tiếng, và như thế không phải là vô cớ. Chàng đánh xe Têrenti chẳng hề bao giờ buột miệng lời ngay cả trong cơn say rượu. Như thế là điều bí mật kia được giữ kín trong cái số hơn nửa tá những người đồng mưu. Nhưng Maria, trong khi mê sảng không ngớt, đã nói toang điều bí mật của mình ra. Dù rằng lời nói của nàng rất khó hiểu, không đâu vào đâu, nhưng mẹ của nàng không rời khỏi giường con một bước, cũng có thể do đó mà biết rằng con gái mình đã say mê đến có thể chết vì Vladimia Nhicôlaiêvich, và có lẽ tình yêu ấy là nguyên nhân của căn bệnh. Bà hỏi ý kiến chồng cùng vài người láng giềng và cuối cùng tất cả đều thống nhất nhận định rằng âu cái số của Maria Gavrilốpna là như vậy, rằng “trời đã định rồi thì phải chịu” rằng “nghèo không phải là xấu”, rằng “lấy người chứ không phải lấy của” vân vân. Trong những trường hợp như thế này, khi người ta đã cùng đường bó tay thì chỉ những câu cách ngôn luân lý kia thật là kỳ diệu để họ tự biện hộ cho mình.

Giữa lúc ấy thì cô gái bắt đầu bình phục. Đã lâu người ta không thấy Vladimia đến nhà Gavril Gavrilôvích. Chàng sợ cách đón tiếp như mọi khi. Người ta đành phải bắn tin cho chàng biết cái diễm phúc bất ngờ này; bằng lòng cho chàng cưới. Nhưng ông bà địa chủ này ngạc nhiên biết bao, khi đáp lại sự ân cần mời mọc ấy, họ nhận được bức thư gàn dở của chàng! Chàng nói rõ rằng sẽ không bao giờ bước chân đến nhà họ nữa, và yêu cầu hãy quên con người bất hạnh ấy đi, con người chỉ còn cái chết là điều mong ước độc nhất mà thôi. Vài hôm sau họ được tin chàng Vladimia Nhicôlaiêvích đã gia nhập quân đội. Hồi ấy là vào năm 1812.

Maria bình phục đã lâu mà người ta vẫn không dám cho nàng biết tin ấy. Nàng cũng không hề đả động gì đến Vladimia. Vài tháng sau đọc thấy tên chàng trong số những chiến sĩ xuất sắc bị thương nặng ở trận Bôrôđinô nàng ngã lăn ra bất tỉnh, người ta sợ nàng lại bị sốt như lần trước. Nhưng nhờ ơn Chúa, cơn bất tỉnh ấy không đem đến hậu quả gì đáng ngại.

Một nỗi đau thương khác lại đến với nàng; ông Gavril Gavrilôvích tạ thế để lại cho nàng quyền thừa hưởng gia tài. Nhưng gia tài đâu an ủi được nàng; nàng chân thành chia sẻ nỗi buồn của bà mẹ đau khổ, và thề rằng sẽ không bao giờ xa lìa mẹ; hai mẹ con từ giã Nhênaradôvô, nơi gợi nhiều kỷ niệm đau buồn, và đến ở trại ấp N.

Ở đây cũng thế, các chàng trai chưa vợ cứ vây quanh lấy cô gái chưa chồng xinh đẹp và giàu có, nhưng nàng chẳng hề ban cho ai một mảy may hy vọng nào. Có đôi lúc bà mẹ khuyên nàng hãy chọn lấy bạn trăm năm. Nhưng Maria Gavrilôpna lắc đầu, và tư lự dăm chiêu. Vladimia không còn nữa: chàng đã qua đời ở Matxcôva vài hôm trước khi quân Pháp tràn vào đó. Kỷ niệm của chàng đối với nàng thật là thiêng liêng; ít nhất nàng cũng giữ gìn lại tất cả những gì có thể nhắc nhở đến chàng: những cuốn sách mà chàng đã đọc, những bức họa, những bản nhạc, những bài thơ chàng viết cho nàng. Láng giềng biết chuyện ấy đều khâm phục lòng chung thủy của nàng, và họ tò mò chờ đợi xem nhân vật nào rốt cục sẽ thắng được lòng chung thủy u buồn của nàng Áctêmixa (2) trinh bạch này.

Giữa lúc ấy thì chiến tranh kết thúc thắng lợi. Các trung đoàn của chúng ta từ ngoại quốc trở về. Nhân dân xô ra đứng đón. Âm nhạc cử những bài mới thu lượm được trong chiến tranh : “Vive Henri-Quatre” (3), những bài valse vùng Tirôn (4), những khúc điệu trích trong nhạc kịch Giôcônđơ (5). Các sĩ quan khi nhập ngũ là những thanh niên mới lớn, giờ đây trở về đã trưởng thành trong chinh chiến, ngực đầy huân chương. Quân lính trong khi trò chuyện vui vẻ với nhau thỉnh thoảng lại chêm vào những tiếng Đức hay tiếng Pháp. Thật

là một thời đại đáng ghi nhớ! Một thời đại vinh quang và phấn khởi! Nói đến hai tiếng “Tổ quốc” trái tim người Nga xúc động mạnh mẽ biết bao! Những giọt lệ tái hợp sao mà đầm thấm! Trong chúng ta lòng tự hào dân tộc và tình yêu đối với Nga hoàng chan hoà mật thiết đến nhường nào. Đối với Hoàng đế, giờ phút này cũng thật là tuyệt diệu!

Những người phụ nữ, những người phụ nữ Nga, lúc này thật là kiêu diễm vô song. Vẻ lạnh lùng thường ngày của họ biến đâu hết! Nỗi hân hoan của họ thật là chân thành nồng nhiệt khi đón đoàn quân chiến thắng mà hét to: Hoan hô! Và mũ tung lên trời! (6)

Ai là sĩ quan lúc ấy mà không thừa nhận rằng họ đã nhận được nơi phụ nữ Nga những phần thưởng quý báu nhất?...

Giữa thời kỳ huy hoàng ấy, Maria Gavrilópna đang sống với mẹ ở vùng quê N. và không thấy được ở hai kinh đô người ta đón mừng đoàn quân khải hoàn như thế nào. Nhưng có lẽ ở các huyện và các thôn xóm nỗi hân hoan chung lại còn mãnh liệt hơn nữa kia. Một sĩ quan mà về ở nơi đây thì thật là cả một cuộc khải hoàn quang vinh rất mực, và bên cạnh anh ta thì chàng tình nhân mặc thường phục nào cũng phải lu mờ.

Chúng tôi đã nói rằng, mặc dù Maria Gavrilópna lạnh nhạt, nàng vẫn cứ luôn luôn bị những chàng rắp ranh bắt sẻ bao vây như trước. Nhưng tất cả bọn họ đều đánh bài rút lui, khi trong toà nhà của nàng xuất hiện đại tá kỵ binh bị thương Burmin, với huân chương Thánh Ghêócghi trên khung áo, với nước da “tai tái hay hay” như các cô vùng ấy thường nói. Chàng trạc độ hai mươi sáu tuổi. Chàng về nghỉ trong trại ấp của mình bên cạnh trại ấp của Maria Gavrilópna. Maria Gavrilópna đối với chàng cũng có con mắt rất biệt đãi. Gần chàng thì vẻ tư lự đầm chiêu thường ngày của nàng bỗng hóa thành linh hoạt. Không có thể nói rằng nàng đã làm duyên làm dáng với chàng, nhưng một nhà thơ, giá thấy hành vi của nàng như thế, hẳn sẽ nói rằng: Đó là cái gì, nếu chẳng phải là tình yêu?...

Quả thật Burmin là một chàng trai rất dễ thương. Chàng có được cái loại trí tuệ xưa nay rất dễ được lòng nữ giới: một trí tuệ lịch thiệp và tinh tế, không một chút kiêu kỳ, và hóm hỉnh một cách vô tâm. Trước Maria Gavrilópna tư cách của chàng rất bình dị và tự nhiên. Nhưng dường như tâm hồn và con mắt chàng theo dõi sát mọi lời nói việc làm của nàng. Tính nết của chàng trông thì điềm đạm và khiêm nhường, nhưng tiếng đồn

lại nói chắc rằng một thời chàng đã từng là tay ăn chơi đáng sợ; nhưng điều ấy cũng chẳng làm tổn hại gì cho chàng trước con mắt của Maria Gavrilópna; nàng (cũng như các cô trẻ tuổi nói chung) vui lòng bỏ qua những trò phóng

túng vốn là biểu hiện của tính táo bạo và sôi nổi.

Nhưng kích thích tính hiếu kỳ và trí tưởng tượng của nàng hơn tất cả (hơn cả cái tính nết dịu dàng, hơn cả lối trò chuyện hấp dẫn, hơn cả nước da tai tái hay hay, hơn cả cánh tay quần băng) là không hiểu tại sao chàng kỵ binh trẻ tuổi ấy đến nay vẫn lặng thinh không ngỏ lời. Nàng không thể phủ nhận một điều là nàng rất được chàng quý chuộng. Chắc hẳn với trí thông minh và với kinh nghiệm của mình chàng cũng nhận thấy rằng, đối với chàng thì nàng có một sự biệt đãi: thế thì vì lẽ gì mà đến bây giờ nàng vẫn chưa thấy chàng quỳ dưới chân nàng, chưa được nghe lời thổ lộ tình yêu của chàng? Cái gì đã kìm giữ chàng lại? Phải chăng đó là tính rụt rè vốn gắn liền với một tình yêu chân thành, hay đó là tính kiêu kỳ, lối làm điệu của một tay chim gái lỗi đời? Đối với nàng đó là cả một điều bí hiểm. Suy nghĩ kỹ, nàng cho rằng tính rụt rè là nguyên nhân duy nhất, và nàng quyết định sẽ khuyến khích cho chàng thêm mạnh dạn bằng cách tỏ ra ân cần hơn nữa, và tùy trường hợp, sẽ tỏ ra âu yếm hơn nữa là khác. Nàng rắp tâm đón cái kết thúc hết sức bất ngờ và rất nóng lòng chờ đợi giây phút nên thơ mà chàng sẽ thổ lộ tình yêu. Một điều bí mật dù thuộc loại nào, đối với trái tim phụ nữ bao giờ cũng vẫn là một điều day dứt nặng nề. Cuộc tấn công của nàng đã đem đến kết quả như ý muốn: ít nhất thì Burmin cũng trở nên rất tư lự dăm chiêu, và cặp mắt đen của chàng nhìn nàng nảy lửa, đến nỗi có thể tin rằng cái giây phút quyết định đã gần lắm rồi. Những người láng giềng bàn đến đám cưới, xem như đó là một việc đã xuôi, và bà Praxcôvia Pêtorôpna phúc hậu sung sướng vì con gái mình đã chọn được kẻ xứng đôi vừa lứa.

Một hôm bà cụ ngồi một mình trong phòng khách, đang bó bài, thì Burmin bước vào và hỏi ngay đến Maria Gavrilôpna. “Em nó ở sau vườn ấy, – bà cụ trả lời, – cậu ra đó mà tìm, tôi đợi hai người ở đây nhé!” Burmin đi ra, bà cụ làm dấu thánh giá và nghĩ rằng: “May ra hôm nay việc ấy sẽ thành”.

Burmin nhìn thấy Maria Gavrilôpna bên bờ ao, dưới gốc liễu, mặc chiếc áo trắng, tay cầm quyển sách đúng điệu là một nhân vật tiểu thuyết. Sau mấy câu hỏi han, Maria Gavrilôpna cố ý im lặng không nói nữa để tăng thêm cái lúng túng của đôi bên và tạo ra một tình thế mà họ chẳng chỉ có một lời thổ lộ tình yêu đột ngột và quyết định mới có thể gỡ ra được. Sự việc diễn ra đúng như thế: Burmin cảm thấy tình thế khó xử của mình, đã thổ lộ rằng từ lâu chàng đã nhiều lần tìm dịp để cởi mở tâm tình với nàng và cầu xin nàng lưu ý trong giây phút. Maria Gavrilôpna xếp sách lại mắt nhìn xuống, tỏ vẻ ưng thuận.

“Tôi yêu em, – Burmin nói, – tôi yêu em dăm đôi...” (Maria Gavrilôpna đỏ

mặt và đầu cúi thấp hơn nữa). “Tôi đã hành động đại dột khi buông mình theo một thói quen đắm thắm, thói quen hàng ngày nhìn em và nghe em nói...” (Maria nhớ lại bức thư đầu của St.-Preux. (7)) “Giờ đây cưỡng lại định mệnh thì đã muộn rồi, kỷ niệm về em, hình dáng kiều diễm và tuyệt thế của em từ nay sẽ là nỗi giày vò và là niềm an ủi của đời tôi. Nhưng tôi còn phải làm tròn nhiệm vụ đau khổ, thổ lộ với em một điều thầm kín rất đáng sợ, và đặt giữa đôi ta một trở ngại không thể nào vượt qua được...” – “Trở ngại ấy mãi mãi vẫn cứ có – nàng vợ vãi ngắt lời chàng, – Tôi không bao giờ có thể là vợ anh được...” – “Tôi biết, chàng sẽ sàng đáp lại, – tôi biết trước kia em đã yêu, nhưng người ấy đã chết và ba năm xót thương... Maria Gavrilốpna dịu hiền và yêu dấu ơi, em chớ gạt mắt của tôi niềm an ủi cuối cùng: ý nghĩ rằng em sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi, nếu như... Em đừng nói, thể lòng Chúa, em đừng nói. Em xé nát lòng tôi mất. Vâng tôi biết, tôi cảm thấy rằng em có thể kết hôn với tôi, nhưng tôi là một kẻ vô phúc... tôi đã cưới vợ!”

Maria Gavrilốpna nhìn chàng kinh ngạc.

- Tôi đã cưới vợ, – Burmin nói tiếp, – Tôi đã cưới vợ bốn năm nhưng tôi không biết vợ tôi là ai, nàng ở đâu, và không biết rồi đây có bao giờ tôi còn gặp lại được nàng nữa không!

- Anh nói gì thế? – Maria Gavrilốpna kêu lên, – Kỳ lạ quá! Anh nói tiếp đi; tôi sẽ nói sau... thôi, anh hãy nói tiếp đi, tôi van anh.

- Đầu năm 1812, – Burmin nói, – tôi đi gấp về Vinna, nơi trung đoàn chúng tôi đóng quân. Đến một trạm nào đó thì trời đã quá chiều, tôi ra lệnh thẳng ngựa gấp, bỗng một cơn bão tuyết dữ dội nổi lên, người trưởng trạm và gã đánh xe khuyên tôi hãy nán đợi. Tôi đã nghe họ, nhưng rồi một nỗi bồn chồn, vô cớ tràn ngập lòng tôi; hình như có một cái gì thôi thúc tôi. Trong khi ấy bão tuyết vẫn không dịu bớt; tôi không chờ được nữa, lại ra lệnh thẳng ngựa và đi ngay giữa bão tuyết. Gã đánh xe nãy ra ý đi trên sông, như thế sẽ rút ngắn đường được chừng ba vec-xta. Hai bên bờ đều tuyết phủ. Gã đánh xe đã đi qua chỗ cần phải bắt tiếp lên đường cái, và thế là chúng tôi lạc giữa một chốn lạ. Bão tuyết vẫn không lắng; tôi thấy có ánh lửa bèn ra lệnh đi về phía ấy. Chúng tôi vào một làng. Nhà thờ bằng gỗ ở làng ấy có ánh sáng, cửa nhà thờ mở sẵn, trong sân có nhiều cộ trượt tuyết. Trên thềm cao có người đi đi lại. “Về phía này, về phía này!” – Có tiếng gọi. Tôi bảo gã đánh xe tiến về phía ấy. “May quá! Anh bị chậm ở đâu thế? – có người nói với tôi. – Cô dâu bị ngắt; linh mục chẳng biết xử trí ra sao cả; chúng tôi sắp sửa ra về. ào nhanh lên thôi!”. Tôi không nói gì cả, nhảy xuống cộ và đi vào. Nhà thờ mờ mờ trong ánh nến của hai hay ba ngọn nến. Một cô gái ngồi trên chiếc ghế

trong một góc tối. Một chị phụ nữ đang xoa bên thái dương của cô gái. “Nhờ ơn Chúa, – chị này nói, – anh phải vất vả quá nhỉ. Suýt nữa thì anh giết chết cô tôi”. Vị linh mục già đến bên tôi hỏi : “Anh cho bắt đầu đi chứ”. – “Vâng, vâng cha cứ bắt đầu, bắt đầu đi!” – Tôi trả lời bằng quơ. Họ đỡ cô gái đứng dậy. Tôi thấy nàng cũng khá xinh... Thật là một trò đùa vô nghĩa và không thể tha thứ được... Tôi đứng bên cạnh nàng trước bàn thờ. Linh mục thì vội vã; ba người đàn ông và chị người hầu đỡ cô dâu và chỉ lo săn sóc có một mình cô ấy. Người ta làm phép cưới cho chúng tôi. “Hãy hôn nhau đi”, – Họ bảo chúng tôi. Và vợ tôi quay vụt kêu lên: “Trời ơi! Không phải chàng! Không phải chàng!” – và ngã lảo ra bất tỉnh. Những người làm chứng nhìn tôi bằng những cặp mắt kinh hoàng. Tôi quay ngoắt lại bước ra khỏi nhà thờ, chẳng bị ai tìm cách giữ lại, tôi chạy đến xe nhảy lên và ra lệnh: “Đi! Đi!”

- Lạy Chúa, – Maria Gavrilópna kêu lên, – Thế anh không biết sau đó người vợ khốn khổ của anh ra sao ư?

- Tôi không biết, – Burmin đáp, – Tôi không biết tên làng tôi cưới vợ là gì, không nhớ ra cái trạm tôi khởi hành. Lúc ấy tôi cũng chẳng quan tâm gì mấy tới tầm nghiêm trọng của trò đùa tội lỗi ấy, cho nên ra khỏi nhà thờ là tôi ngủ quên và đến sáng hôm sau thức dậy thì thấy đã đi quá ba trạm rồi. Người cần vụ của tôi đã hy sinh ở mặt trận... Thế là tôi không còn hy vọng gì tìm lại người ấy, người mà tôi đã dẫn vào một trò đùa cay đắng và giờ đây nàng cũng đang phải trả giá một cách cay đắng...

- Lạy Chúa! Trời ơi, Maria Gavrilópna vừa nói vừa nắm lấy tay chàng, – Người ấy là anh đấy ư, thế mà anh không nhận ra em ư?

Burmin tái mặt đi... và quỳ sụp xuống chân nàng...

Chú thích

(1) Tula: một thành phố ở phía nam Matxcova, nổi tiếng về sản xuất những đồ dùng bằng kim loại.

(2) Áctêmixa: hoàng hậu, vợ vua Mavzol (thế kỉ IV trước công nguyên) ở xứ Galicarnax, nổi tiếng về lòng chung thủy. Bà đã dựng cho chồng quá cố một lăng tẩm, được coi là “một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại”.

(3) Vive Henri-Quatre (hoàng đế Henri đệ tứ vạn tuế): các đoạn trích trong vở hài kịch Chuyển đi sẵn của Henri đệ tứ (1774) của Sarl Cole (1709 – 1783)

(4) Một vùng trên dãy Alpơ thuộc đất Áo.

(5) Vở nhạc kịch nổi tiếng Giôcôngđơ, hay là Người phiêu lưu của nhạc sĩ Pháp Nicolo Izuar (1775 – 1818) rất được hoan nghênh hồi năm 1814.

(6) Trích từ vở kịch hài hước *Nỗi khổ vì trí tuệ* của A.X. Griboiedov (1795 – 1829), nhà viết kịch và nhà ngoại giao Nga nổi tiếng.

(7) Những lời nói của Burmin giống như lời thú nhận tình yêu của St. Preux – nhân vật trong tiểu thuyết *Nàng Julia, hay Eloiz mới* (1761) của Jean Jacques Rousseau (1712 – 1778) – nhà văn và nhà triết học khai sáng lỗi lạc nước Pháp.

Truyện ngắn
Phát súng
Nguyễn Duy Bình dịch

Chúng tôi độ súng.

Baraturnxki.

Tôi thề sẽ bắn hăn theo đúng luật lệ quyết đấu(một phát súng của tôi đang dành cho hăn).

Một buổi chiều ở doanh trại lộ thiên.

I

Chúng tôi đóng quân ở thị trấn X. Sinh hoạt của một sĩ quan trong quân đội thì chẳng còn ai lạ gì nữa. Buổi sáng thao diễn, tập ngựa; trưa ăn ở nhà trung đoàn trưởng hay ở quán rượu của một người Do Thái; chiều tối uống rượu và đánh bài. Ở X. không có một nhà nào mở rộng cửa, chẳng có một cô gái nào đáng để ý. Chúng tôi tụ tập ở nhà nhau, hết nhà này lại sang nhà khác; nơi đây, ngoài những bộ quân phục ra, không còn thấy gì khác nữa.

Trong chúng tôi, chỉ có một người không phải con nhà lính. Y trạc độ ba mươi lăm tuổi, vì thế mà được chúng tôi xem như một ông già. Sự từng trải đã khiến cho y có nhiều ưu thế hơn chúng tôi. Hơn nữa, cái sắc thái dăm chiêu hàng ngày, cái tính tình khe khắt và lối ăn nói độc địa của y có ảnh hưởng rất mạnh tới đầu óc non trẻ của chúng tôi. Có một cái gì bí ẩn bao phủ lên cuộc đời của y. Y có vẻ là một người Nga, nhưng lại mang một cái tên ngoại quốc. Ngày trước y phục vụ trong kỵ binh và được xem như một con người tốt số. Không ai biết nguyên nhân gì đã khiến y xin giải ngũ và đến trú ngụ ở cái thị trấn khốn khổ này; ở đây y sống một cuộc đời vừa nghèo nàn vừa xa xỉ. Y luôn luôn đi bộ, mặc một chiếc áo dài đen đã cũ, nhưng lại sẵn lòng thết đãi rộng rãi tất cả các sĩ quan trong trung đoàn chúng tôi. Thật ra thì bữa ăn ở nhà y thường chỉ là hai hay ba món, do một anh lính về hưu nấu, nhưng rượu sâm-banh thì cứ tha hồ rót như nước sông. Không ai biết gì về tài sản và nguồn thu nhập của y, nhưng cũng chẳng ai dám hỏi y về những điều ấy. Y có nhiều sách, phần lớn là những sách nói về quân sự và tiểu thuyết nữa. Y vui lòng cho người ta mượn đọc và không bao giờ đòi về, nhưng những sách y mượn của người ta thì y cũng chẳng bao giờ trả lại. Công việc chính của y là tập bắn súng lục. Các bức tường trong phòng y chi chít những lỗ đạn bắn trông như tổ ong. Xa xỉ phẩm duy nhất trong gian nhà nghèo nàn

của y là bộ sưu tập rất phong phú những khẩu súng lục. Nghệ thuật bắn súng của y đạt tới mức kỳ diệu, đến nỗi nếu y tỏ ý muốn bắn một quả lê đặt trên mũ cát-két của một kẻ nào đó, thì bất cứ ai trong chúng tôi cũng sẵn sàng đưa đầu ra cho y, không một chút e ngại. Chuyện trò của chúng tôi thường dẫn động đến những trận quyết đấu. Xinviô (đó là tên của y) không bao giờ xen vào những chuyện ấy. Nếu hỏi y đã có lần nào quyết đấu với ai chưa, thì y trả lời gọn lỏn là có, nhưng không bao giờ đi vào chi tiết, những chuyện ấy hình như làm cho y khó chịu. Chúng tôi đoán rằng trong lương tâm y chắc đã in hình ảnh một nạn nhân bất hạnh nào đó của tài nghệ bắn súng kinh khủng ấy. Và lại không một ai có thể nghi ngờ chút nào rằng y là một người nhát gan. Có những kẻ chỉ nhìn bề ngoài thôi cũng đủ khiến cho người ta không thể nào nghi ngờ như thế được. Một biến cố bất ngờ xảy ra đã khiến cho tất cả chúng tôi đều phải kinh ngạc.

Một hôm, khoảng chừng mười người trong số sĩ quan chúng tôi ăn trưa ở nhà Xinviô. Chúng tôi uống rượu như thường lệ, nghĩa là uống rất nhiều. Sau bữa ăn, chúng tôi yêu cầu chủ nhân cầm cái một canh bài. Y từ chối rất lâu, vì hầu như y không hề đánh bài bao giờ cả. Nhưng cuối cùng y cũng bảo đem bài ra, ném lên bàn năm mươi rúp và ngồi xuống chia bài. Chúng tôi xúm lại quanh y và canh bạc bắt đầu. Trong lúc đánh bài, Xinviô có một thói quen là hoàn toàn im lặng, không bao giờ cãi cọ, phàn nàn gì hết. Có một nhà con nào tính nhảm, nếu thiếu thì y sẽ chung thêm vào ngay cho đủ, nếu thừa thì y ghi ngay vào đó. Chúng tôi vốn đã quen với điều ấy, nên cứ để mặc y, chẳng ai cản trở gì. Nhưng trong chúng tôi có một sĩ quan mới chuyển đến đơn vị. Hắn cũng đánh bài và vô ý gấp thừa một góc (1), Xinviô theo thường lệ, cầm viên phần ghi số tiền lại cho cân. Viên sĩ quan tưởng rằng y nhảm, bèn lên tiếng phân trần. Xinviô vẫn im lặng cầm cái. Viên sĩ quan không nén nổi bức tức, bèn lấy bàn chải xóa những chữ ghi mà hắn cho là không đúng. Xinviô thản nhiên lấy phần ghi lại lần nữa. Viên sĩ quan hăng tiết lên vì hơi rượu, vì canh bạc, vì tiếng cười của các bạn, cho rằng như thế là mình bị xúc phạm cay chua, phát khùng lên, vợ lấy cái chân đèn bằng đồng trên bàn ném vụt vào mặt Xinviô, may mà y nghiêng đầu tránh kịp. Chúng tôi lo quá, Xinviô đứng dậy, tái mặt đi vì tức giận, mắt nẩy lửa, y bảo : “Thưa ngài, mời ngài đi ra, và ngài hãy tạ ơn Chúa rằng việc này đã xảy ra ở đây, trong nhà tôi”.

Chúng tôi không còn nghi ngờ gì về hậu quả của việc này và đã xem người bạn mới của chúng tôi như một người chết rồi. Viên sĩ quan đi ra và nói rằng vì sự xúc phạm ấy y sẵn sàng đáp ứng lại ý muốn của chủ nhân cầm cái. Canh bài còn tiếp tục thêm mấy phút. Nhưng cảm thấy chủ nhân

không còn tâm trí để đánh bài nữa, chúng tôi bèn lần lượt rút lui về nhà mình, vừa đi vừa bàn luận về chỗ của viên sĩ quan kia sắp bị khuyết.

Hôm sau trong buổi tập ngựa, chúng tôi đang hỏi nhau xem viên trung úy ấy còn sống không thì thấy hăn dẫn xác đến. Chúng tôi bèn hỏi. Hăn trả lời rằng không nhận được tin tức gì của Xinviô cả. Chúng tôi rất ngạc nhiên bèn kéo đến nhà Xinviô, thì thấy y đang đứng trong sân, từng phát một bản vào những con bài át dán ở cổng. Y tiếp chúng tôi như thường lệ, và không có lấy một lời nào đả động đến việc xảy ra hôm qua. Ba ngày sau, viên trung úy vẫn cứ sống. Chúng tôi ngạc nhiên đánh dấu hỏi: Chả nhẽ Xinviô lại không quyết đấu ư? Xinviô đã không quyết đấu thật. Y bằng lòng nhận một lời xin lỗi rất qua loa và giải hòa.

Việc này đã làm tổn thương rất lớn đến uy tín của y trước bọn trẻ chúng tôi. Đối với thanh niên thì điều khó bề tha thứ nhất là sự thiếu can đảm, chúng tôi cho rằng lòng can đảm là phẩm chất tối cao của con người và nó có thể xóa nhòa được tất cả mọi điều xấu xa. Nhưng dần người ta cũng quên hết và Xinviô lại được nể vì như cũ.

Riêng chỉ có tôi không thể gần gũi y được nữa. Tôi bẩm sinh có một trí tưởng tượng lãng mạn; trước đó tôi là kẻ gần bó hơn ai hết đối với cái con người mà cuộc đời có một cái gì bí ẩn, một người mà tôi có cảm tưởng là nhân vật chính của một thiên tiểu thuyết huyền bí nào đó. Y cũng mến tôi; ít nhất là đối với tôi, y cũng bỏ lối nói độc địa thường ngày và chuyện trò hồn nhiên đủ thứ, nghe hết sức thú vị. Nhưng từ sau cái buổi tối tai hại ấy, ý nghĩ rằng danh dự của y đã bị một vết nhơ, mà y lại đành lòng bỏ qua, không chịu rửa sạch, ý nghĩ ấy cứ ám ảnh tôi, khiến tôi không thể đối xử với y như trước được. Tôi thấy xấu hổ khi nhìn y. Xinviô cũng thừa trí thông minh và kinh nghiệm để nhận thấy điều đó và đoán biết nguyên nhân. Hình như điều ấy cũng khiến cho y khổ tâm. Ít nhất thì đã hai lần, tôi thấy y có ý định muốn phân trần với tôi. Nhưng tôi tránh những trường hợp ấy; rồi Xinviô cũng tránh mặt tôi. Từ đó tôi chỉ còn gặp y những khi cùng có mặt các bạn khác, và những chuyện trò cởi mở thành thực trước kia chấm dứt hẳn.

Những kẻ sống bận rộn ở thủ đô không thể hiểu được những cảm xúc rất quen thuộc của dân ở nông thôn hay ở tỉnh lẻ như nỗi chờ mong ngày phát thư chẳng hạn. Ngày thứ ba và ngày thứ sáu, văn phòng trung đoàn chúng tôi chật ních những sĩ quan: kẻ thì đợi nhận tiền bạc, kẻ thì thư, kẻ thì báo chí. Các bưu kiện thường được mở ngay tại chỗ, những tin tức nhận được đem ra kháo với nhau, và trong văn phòng bày ra một cảnh rất náo nhiệt. Xinviô nhận thư theo địa chỉ của trung đoàn tôi và theo lệ thường vẫn có mặt ở đó.

Một hôm vừa nhận được một bức thư, y vội vã bóc niêm với một vẻ sốt ruột lạ lùng. Đọc lướt qua bức thư, mắt y sáng lên long lanh. Các sĩ quan đều bận lo thư từ của mình, chẳng ai để ý. “Thưa các ngài, – Xinviô nói, – hoàn cảnh bắt buộc tôi phải rời khỏi nơi này, không trì hoãn được, tôi đi ngay đêm nay; mong rằng các ngài không từ chối một bữa ăn cuối cùng ở nhà tôi. Tôi chờ đón anh, – y quay sang tôi nói tiếp, – thế nào cũng đến nhé!” Dứt lời, y vội vã đi ngay. Chúng tôi thỏa thuận với nhau là sẽ đến tụ tập ở nhà Xinviô, rồi tản mát.

Tôi đến nhà Xinviô đúng giờ đã hẹn và gặp hầu hết các sĩ quan trong trung đoàn của tôi ở đó. Tất cả đồ đạc của y đã gói ghém lại; chỉ còn trơ những bức vách trần trụi lỗ chỗ vết đạn. Chúng tôi ngồi vào bàn; chủ nhân vui vẻ lạ thường, chẳng mấy chốc niềm vui của y lây ra thành niềm vui chung. Nút chai nổ liên tiếp, cốc sứ bọt lách tách không ngừng và chúng tôi đem hết nhiệt tình chúc kẻ lên đường mạnh khỏe, gặp mọi điều may mắn. Mãn tiệc thì đã nhá nhem tối. Mọi người cầm lấy mũ của mình, Xinviô từ giả khách, nắm lấy tay tôi và giữ lại, chính vào giữa lúc tôi sắp sửa ra về. “Tôi cần phải nói chuyện với anh”, – y khẽ bảo tôi. Tôi ở lại. Khách đã về hết; chỉ còn lại hai người chúng tôi ngồi đối diện nhau, đốt tẩu thuốc, im lặng. Xinviô vẻ mặt tư lự, không còn dấu vết nào của cơn vui bỗng bột lúc nãy. Sắc mặt tái xanh, u sầu, cặp mắt sáng long lanh, từ miệng y tỏa lên làn khói thuốc dày đặc, trông y như quỷ hiện hình vậy. Một phút trôi qua và Xinviô phá vỡ sự yên lặng.

- Có thể không bao giờ chúng ta gặp lại nhau nữa, – y nói với tôi, – trước khi chia tay tôi muốn giải bày với anh một điều. Chắc anh cũng thấy rằng tôi vốn ít quan tâm đến những dư luận kẻ khác, nhưng tôi mến anh và cảm thấy rằng tôi sẽ khổ tâm nếu phải để lại trong anh một ấn tượng bất công.

Y ngừng nói, nhét một nhúm thuốc nữa vào tẩu. Tôi im lặng, mắt nhìn xuống đất. Xinviô nói tiếp:

- Hẳn anh lấy làm lạ là tôi đã không bắt tên R. điên say rượu kia đền tội. Anh cũng biết rõ rằng tôi có quyền chọn vũ khí; tính mệnh của hẳn đã nằm trong tay tôi, còn về phần tôi, hầu như không có gì nguy hiểm: tôi có thể quy cho thái độ ôn hòa của tôi như sự thể tất của lượng khoan hồng, nhưng tôi không muốn nói dối. Giá tôi có thể trừng phạt R., mà hoàn toàn không có chút nào nguy hiểm đến tính mệnh mình, thì nhất định tôi đã không tha.

Tôi kinh ngạc nhìn Xinviô. Lời thú nhận ấy khiến tôi hết sức bối rối. Xinviô tiếp:

- Đúng như thế, tôi không có quyền mạo hiểm trước cái chết. Sáu năm trước đây tôi đã bị một cái tát, và kẻ thù của tôi vẫn đang sống.

Óc hiệu kỳ kích thích tôi mãnh liệt.

- Anh không quyết đấu với hăn à? – tôi hỏi. – Chắc là hoàn cảnh đã khiến anh với hăn xa nhau phải không?

- Tôi đã quyết đấu với hăn, – Xinviô đáp, – và đây là kỷ niệm của cuộc quyết đấu ấy.

Xinviô rút từ trong hộp giấy ra một cái mũ vải đỏ có tua vàng và có đính lon (thứ mũ mà người Pháp vẫn gọi là bonnet de police (2)); y chụp lên đầu: cái mũ bị một vết đạn xuyên qua phía trên cách trán độ hơn bốn xăng-ti-mét. Xinviô tiếp:

- Anh cũng biết rằng trước kia tôi đã tòng ngũ trong một trung đoàn kỵ binh. Tính tôi anh cũng không lạ gì: tôi có thói cứ muốn hơn thiên hạ, lúc còn trẻ đối với tôi đó cũng là một ham mê không sao cưỡng nổi. Thời chúng tôi thì ngổ ngáo là một cái mốt: tôi là tay ngổ nhất trong đơn vị. Chúng tôi tự hào với những cơn say rượu: tôi uống rượu còn hơn cả Burtxốp (3) lừng danh, kè mà Đênix Đavưđốp (4) đã từng ca ngợi. Các trận quyết đấu luôn luôn xảy ra trong đơn vị: nếu không là đối thủ thì tôi cũng là một người làm chứng, không bao giờ thiếu mặt. Các bạn hữu đều sùng bái tôi và các viên chỉ huy của tôi (họ luôn luôn bị đổi đi nơi khác) xem tôi như là một tai ách không thể tránh khỏi.

Tôi đang thoải mái (hoặc quay cuồng) tận hưởng vinh quang của mình, thì cấp trên chuyển đến đơn vị chúng tôi một người (tôi không muốn nói tên) trẻ tuổi, giàu có và thuộc một dòng dõi danh gia thế phiệt. Thật trong đời tôi chưa gặp một kẻ nào tốt số và hào hoa đến thế! Anh hãy tưởng tượng xem: trẻ tuổi, thông minh, đẹp trai, vui tính đến điên cuồng, dũng cảm một cách vô tư, con nhà tiếng tăm lừng lẫy, tiền bạc thì hăn không bao giờ đếm mà cũng không bao giờ cạn. Anh thử nghĩ xem ấn tượng của hăn gây ra trong chúng tôi mạnh mẽ đến nhường nào. Ưu thế của tôi bị lung lay. Cảm phục tiếng tăm của tôi, hăn tìm đến kết giao; nhưng tôi tiếp hăn một cách lạnh nhạt và hăn cũng lánh xa tôi không mấy may tiếc rẻ. Tôi đâm ra thù ghét hăn. Lòng ái mộ của trung đoàn và của giới phụ nữ đối với hăn đã khiến cho tôi hết sức cay cú. Tôi bèn tìm cách gây sự. Những câu châm chọc của tôi được hăn đáp lại bằng những lời lẽ mà bao giờ tôi cũng thấy là bất ngờ, sắc cạnh và nhất định là dí dỏm hơn của tôi. Hăn thì giễu cợt, còn tôi thì cáu kỉnh. Thế rồi một hôm trong buổi khiêu vũ ở nhà một người điền chủ Ba Lan, thấy hăn được tất cả giới phụ nữ chú ý, nhất là nữ chủ nhân, vốn là nhân tình của tôi, tôi liền bảo nhỏ vào tai hăn một câu sống sượng và lỗ mãng. Hăn phát khùng lên, nện cho tôi một cái tát. Chúng tôi vồ lấy gươm. Các cô, các bà sợ hãi ngất đi. Người

ta can chúng tôi và ngay đêm ấy chúng tôi hẹn quyết đấu.

Trời vừa hừng sáng. Tôi đã đứng ở chỗ hẹn với ba người làm chứng. Tôi hết sức sốt ruột chờ địch thủ đến. Mặt trời lên, nắng xuân tỏa ấm. Tôi nhìn thấy hãn từ đằng xa. Hãn đi bộ, mặc quân phục, có đeo gươm, kèm theo một người làm chứng. Chúng tôi tiến đến gặp hãn. Hãn tới gần, tay cầm một chiếc mũ lưỡi trai đựng đầy những quả anh đào. Những người làm chứng đo hai mươi bước làm cự ly giữa chúng tôi. Lẽ ra tôi bắn trước, nhưng làn sóng căm giận trong tôi mãnh liệt đến nỗi tôi không còn tin ở mức chính xác của bàn tay mình nữa và để có thì giờ trấn tĩnh, tôi nhường hãn bắn trước; đối thủ của tôi không chịu. Chúng tôi bèn bắt thăm, hãn rút được số thứ nhất: xưa nay hãn vẫn là đứa tốt số. Hãn đưa súng lên và bắn trệch. Viên đạn xuyên qua mũ của tôi. Đến lượt tôi bắn. Thế là sinh mệnh của hãn nằm gọn trong tay tôi. Tôi hau háu nhìn hãn, cố tìm cho ra bóng dáng của một nỗi lo âu... Hãn đứng trước mũi súng, chọn trong mũ những quả anh đào chín, ăn và phun hạt ra, hạt bắn tới tận tôi. Sự bình thản của hãn khiến tôi tức phát điên lên. Tôi thầm nghĩ: tước sinh mệnh hãn có lợi gì cho tôi, một khi mà chính hãn cũng chẳng tha thiết gì với cái sinh mệnh ấy? Một ý nghĩ độc ác thoáng hiện ra trong óc; tôi hạ súng xuống bảo hãn: “Tôi thấy ngài như đang nghĩ về cái chết, mời ngài cứ về ăn sáng. Tôi không muốn làm phiền ngài”. “Không, ngài có làm phiền tôi tí nào đâu, – hãn đáp, – mời ngài cứ bắn, và lại ngài muốn thế nào cũng được, phát súng của ngài tùy ngài sử dụng. Và tôi luôn luôn sẵn sàng chiều ý ngài”. Tôi quay lại những người làm chứng, phân trần rằng giờ đây tôi chưa muốn bắn, và cuộc đấu kết thúc.

Tôi xin giải ngũ và lánh về chốn này. Từ đó đến nay, không ngày nào tôi không nghĩ đến việc báo oán. Giờ phút phục thù hôm nay đã đến...

Xinviô rút trong túi bức thư vừa nhận được sáng nay và đưa cho tôi xem. Một kẻ nào đó (hình như là một người đại diện của y), ở Matxcơva viết thư về cho y biết rằng có một nhân vật cụ thể sắp thành hôn với một thiếu nữ trẻ và xinh đẹp.

- Anh cũng đoán được, – Xinviô nói, – nhân vật cụ thể đó là ai rồi? Tôi đi Matxcơva đây. Thử xem trước ngày cưới, hãn có đón cái chết một cách dửng dưng, như hãn đã đón thuở ấy với những quả anh đào nữa không!

Dứt lời Xinviô đứng dậy, ném phịch cái mũ xuống sàn, rồi đi đi lại lại trong phòng giống như một con hổ trong chuồng. Tôi ngồi yên nghe Xinviô, lòng hồi hộp vì những cảm giác kỳ dị và trái ngược.

Người hầu vào báo là ngựa đã sẵn sàng. Xinviô siết chặt tay tôi. Chúng tôi ôm hôn nhau. Y ngồi lên xe. Trên xe đã chất hai chiếc va-li, một chiếc đựng

những khẩu súng lục và một chiếc đựng đồ đạc của y. Chúng tôi từ biệt nhau một lần nữa và chiếc xe ngựa phóng đi.

II

Mấy năm trôi qua, và công việc nhà bắt buộc tôi phải dọn về ở tại một trại ắp khốn khổ thuộc huyện N. Trong khi chăm lo công việc gia đình, tôi vẫn không khỏi âm thầm luyện tiếng quăng đời ồn ào vô tư trước kia. Tôi khổ nhất là phải lủi thủi một mình một bóng vào những buổi tối mùa thu và mùa đông buồn tẻ. Trước bữa ăn trưa, tôi còn có thể giết thì giờ bằng cách này hay cách khác: nói chuyện với viên thôn trưởng, đi xem người làm, đảo qua những bộ phận mới xây dựng; nhưng khi bóng tối trùm xuống thì tôi thật không còn biết làm gì nữa. Số sách ít ỏi tìm được dưới tủ và trong kho thì tôi đã thuộc lòng như cháo. Tất cả những chuyện mà mục quản gia Kirilópna có thể nhớ được thì mục đã kể đi kể lại cho tôi nghe mãi. Những bài ca của các cô thôn nữ chỉ làm cho tôi thêm buồn. Tôi định uống rượu, nhưng uống rượu thì nhức đầu. Và cũng xin thú thực rằng tôi cũng sợ phải biến thành một tay uống rượu giải sầu hay một con ma men như người ta vẫn thường thấy khá nhiều trong huyện tôi. Tôi cũng chẳng có bạn láng giềng nào gần gũi, trừ hai hoặc ba con ma men mà câu chuyện chung quy chỉ phần lớn là tiếng nấc và tiếng thở dài. Thà cô đơn còn hơn.

Cách nhà tôi bốn Véc-xta là trại ắp giàu có của nữ bá tước B., nhưng chỉ có mình viên quản lý ở đó, còn nữ bá tước thì chỉ về thăm trang trại một lần vào năm bà mới lấy chồng và ở lại đó chừng một tháng. Nhưng sang mùa xuân thứ hai trong cuộc đời ẩn dật của tôi thì nghe nói rằng đến mùa hè, nữ bá tước và ông chồng sẽ về trại ắp. Quả nhiên sang đầu tháng Sáu thì họ về.

Việc một kẻ láng giềng giàu có về làng đối với dân ở thôn quê là cả một biến cố quan trọng. Các nhà địa chủ và gia thuộc của họ bàn luận về việc ấy từ hai tháng trước và cho đến ba năm sau vẫn còn nhắc lại. Về phần tôi, thú thật rằng cái tin có một người phụ nữ láng giềng trẻ đẹp về quê đối với tôi có một tác động rất mạnh. Tôi nóng lòng sốt ruột muốn được gặp mặt, và vì thế ngay chủ nhật đầu tiên, sau khi họ về, xong bữa ăn trưa là tôi đi ngay đến trại ắp để xin báo với các vị ấy rằng tôi là một kẻ láng giềng gần gũi và một kẻ nô bộc trung thành xin ra mắt.

Người hầu đưa tôi vào phòng khách của bá tước và đi báo tin. Gian phòng rộng rãi, trang hoàng cực kỳ sang trọng. Dọc tường dựng những tủ đựng đầy sách; trên mỗi tủ có đặt một pho tượng bán thân bằng đồng; phía trên cái lò sưởi bằng cẩm thạch treo một tấm gương soi lớn, sàn phủ nệm xanh, trên nệm

có trải thảm. Ở trong cái xó xinh nghèo nàn này, đã lâu tôi không nhìn thấy những cảnh giàu có và không còn quen với những cái sang trọng, cho nên tôi bỗng đâm ra rụt rè và đợi bá tước với vẻ nhút nhát sợ sệt, giống như một người ở tỉnh lẻ có việc cầu xin phải lên kinh đô đang chờ đợi một vị thượng thư. Cửa mở, và một người đàn ông trạc ba mươi hai tuổi, dung mạo khôi ngô bước vào. Bá tước tiến lại gần tôi, vẻ niềm nở và thân mật. Tôi cố gắng trấn tĩnh và đã toan tự giới thiệu, thì bá tước đã đỡ lời. Chúng tôi cùng ngồi. Lối chuyện trò thoải mái và khả ái của bá tước chẳng mấy chốc đã đánh tan được sự rụt rè vụng dại của tôi. Tôi vừa trở lại bình tĩnh tự nhiên, thì bỗng bá tước phu nhân bước vào và tôi lại đâm ra bối rối hơn trước bội phần. Quả thật phu nhân là một trang tuyệt sắc. Bá tước giới thiệu tôi với vợ; tôi muốn làm ra vẻ tự nhiên, nhưng càng cố giữ cho mình tự nhiên bao nhiêu, tôi càng cảm thấy mình vụng về bấy nhiêu. Muốn để tôi đủ thì giờ trấn tĩnh và quen dần với buổi gặp gỡ ban đầu mới mẻ, họ bèn quay lại nói chuyện với nhau, xử sự cùng tôi như với một bạn láng giềng tốt, không khách sáo câu nệ. Trong khi đó tôi bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, ngắm nghía các quyển sách và các bức tranh. Về hội họa tôi không phải là tay sành sỏi, nhưng có một bức tranh đã khiến tôi chú ý. Bức tranh vẽ một phong cảnh nào đó ở Thụy Sĩ. Nhưng cái khiến tôi chú ý không phải là những nét vẽ mà lại là một điều khác: bức tranh đã bị hai viên đạn bắn chồng lên nhau

- Thật là một phát súng tài tình! – tôi nói to và quay lại phía bá tước.

- Vâng, – bá tước đáp, – thật là một phát súng tuyệt diệu! – và nói tiếp, – Ông bạn bắn giỏi chứ?

- Cũng không đến nỗi kém! – tôi đáp, và sung sướng vì thấy câu chuyện rốt cục đã động chạm đến một vấn đề tôi rất quen thuộc. – Cách ba mươi bước, tôi không bắn trượt một con bài, tất nhiên là với một khẩu súng đã quen tay!

- Thật không? – nữ bá tước hỏi vẻ mặt rất chăm chú. – Còn anh, anh bạn của em, cách ba mươi bước anh có bắn trúng được một con bài không?

- Hôm nào chúng ta thử xem, – bá tước trả lời, – trước kia tôi bắn cũng khá, nhưng đã bốn năm rồi, tay tôi không cầm đến súng.

- Ồ, – tôi nhấn mạnh, – nếu vậy thì tôi cam đoan rằng cách hai mươi bước ngài cũng sẽ chẳng bắn trúng được một con bài: với súng lục phải luyện tập hàng ngày kia đấy. Về điều này, tôi đã có kinh nghiệm. Trong trung đoàn chúng tôi thì tôi được xếp vào hàng những tay bắn cừ nhất. Nhưng có lần trọn một tháng tôi không cầm đến súng, vì súng tôi đem đi chữa, đến hôm tôi tập lại, ngài đoán thử xem sự thể như thế nào? Lần đầu tôi bắn trượt bốn phát liền một cái chai để cách có hai mươi lăm bước. Trong đơn vị chúng tôi có

một đại úy kỵ binh hóm hỉnh, hay bông đùa. Hôm ấy y tình cờ có mặt ở đây và bảo tôi: “Này ông bạn, tôi thấy hình như tay bạn kiêng nể cái chai lăm thì phải!” Không nên, thưa ngài, thật không nên lơ là việc tập luyện, nếu không, thế nào cũng ngượng tay. Tôi đã được gặp một tay thiện xạ cừ khôi; y tập bắn hằng ngày, ít nhất là ba phát trước mỗi bữa ăn. Đối với y thì bắn súng cũng thành lệ như uống hớp rượu lót dạ vậy.

Bá tước và phu nhân rất hài lòng vì tôi đã bắt chuyện.

- Nhưng y bắn như thế nào? – bá tước hỏi tôi.

- Thưa ngài như thế này, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, phu nhân cười ư? Thật đấy mà, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, y liền gọi: “Cudơma, súng!” Cudơma mang lại cho y một khẩu súng đã nạp đạn. Y đoành một phát và con ruồi bị cắm sâu vào tường!

- Thật là kỳ diệu! – bá tước nói. – Thế y tên là gì?

- Thưa ngài, Xinviô!

- Xinviô à! – Bá tước kêu lên, giật bắn người, vụt đứng dậy, – ông biết Xinviô?

- Sao lại không biết, chúng tôi là chỗ quen thân, y được trung đoàn chúng tôi xem như người anh, người bạn. Nhưng đã năm năm rồi, tôi không được tin tức gì của y cả. Nhưng sao ngài lại biết y?

- Tôi biết chứ, biết rất rõ. Y có kể cho ông nghe... nhưng thôi... tôi chắc là không. Y có kể cho ông nghe một sự việc rất ly kỳ không?

- Có phải chuyện cái tát không; thưa ngài có phải chuyện y bị một người nào đó tát trong một buổi khiêu vũ không?

- Thế y có kể cho ông biết tên người ấy không?

- Thưa ngài, không ạ, y không nói. A, thưa ngài, – tôi đoán ra sự thật, liền nói tiếp, – xin lỗi ngài... tôi không biết có phải chính ngài là...

Bá tước đáp với vẻ xúc động lạ thường:

- Chính tôi đấy! Và bức tranh bị đạn kia là kỷ niệm lần gặp gỡ cuối cùng giữa chúng tôi...

- Trời, anh yêu quý ơi, – phu nhân nói, – em van anh, đừng kể, em khiếp lắm. Bá tước bảo:

- Không, tôi sẽ kể hết, ông khách đây đã biết tôi xúc phạm đến bạn ông ấy thế nào, vậy ông ấy cần biết là Xinviô đã trả thù lại tôi như thế nào chứ.

Bá tước mời tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành và tôi nghe câu chuyện sau đây, óc hiếu kỳ bị kích động mãnh liệt.

- Năm năm trước đây tôi cưới vợ. Tháng đầu tiên, tháng trăng mật, tôi sống ở đây, trong trại ấp này. Chính nhà này là nơi tôi đã được sống những phút giây

tươi đẹp nhất của đời mình, và cũng là nơi ghi lại một trong những kỷ niệm nặng nề nhất.

Một buổi chiều nọ, chúng tôi cưỡi ngựa cùng đi chơi. Nhưng con ngựa của nhà tôi không hiểu vì sao đâm ra trái chứng trở nết. Nhà tôi sợ bèn giao ngựa cho tôi dắt và đi bộ về. Tôi về trước. Đến sân tôi thấy một cỗ xe của khách lữ hành; gia nhân cho tôi biết trong phòng khách có một người đang đợi. Người ấy không muốn nói tên, chỉ bảo là đợi tôi có việc. Tôi vào phòng khách và thấy trong bóng tối, có một người mình đầy bụi bặm, râu ria xồm xoàm, đang đứng cạnh lò sưởi. Tôi tiến lại gần, cố gắng nhớ lại nét mặt của y. “Ngài không nhớ ra tôi ư, ngài bá tước?” – y nói, giọng run lên. “Xinviô!”- tôi kêu lên và thú thực tôi cảm thấy tóc trên đầu bỗng dựng ngược cả lên. “Vâng, đúng thế, – y tiếp, – còn một phát súng phần tôi; hôm nay tôi đến cho súng nhả đạn. Ngài sẵn sàng chứ?” Y rút trong túi bên ra một khẩu súng. Tôi đếm mười hai bước và đến đứng ở chỗ kia, trong góc ấy, yêu cầu hấn bắn nhanh lên, trước khi vợ tôi về đến nhà. Y chần chừ, y đòi thả đèn. Người ta đốt nến lên. Tôi khóa cửa, ra lệnh không ai được vào, và một lần nữa yêu cầu y nổ súng. Y rút khẩu súng ra và đưa lên nhắm... Tôi đếm từng giây... tôi nghĩ đến nàng... Một phút khủng khiếp trôi qua! Xinviô hạ tay xuống. “Ta tiếc rằng, – y nói, – khẩu súng của ta không phải nạp bằng hạt anh đào... mà chì thì nặng. Ta thấy hình như đây không phải là một trận quyết đấu mà là một vụ ám sát: ta không quen bắn một người không có vũ khí. Chúng ta hãy bắt đầu lại một lần nữa, rút thăm xem ai bắn trước”. Đầu óc tôi quay cuồng lên... Hình như tôi không chịu thì phải... Cuối cùng chúng tôi nạp đạn thêm một khẩu súng nữa; chúng tôi cuộn hai mảnh giấy, y bỏ vào trong mũ lưỡi trai, cái mũ đã bị tôi bắn thủng trước kia, và lần nữa tôi lại bắt trúng số một. “Chà, bá tước thật là may mắn đến quái gở!” – Xinviô nói với một nụ cười chế giễu, nụ cười không bao giờ tôi quên được. Tôi không hiểu lúc ấy tôi như thế nào, làm sao y lại có thể cưỡng ép tôi làm như vậy. Nhưng tôi đã bắn, và bắn trệch vào bức tranh này (bá tước đưa tay chỉ vào bức tranh bị đạn, mặt đỏ bừng như lửa, phu nhân thì mặt nhợt nhạt, trắng hơn chiếc khăn mùi-soa đang cầm nơi tay và tôi thì không thể kìm nổi một tiếng kêu vụt thốt lên.)

- Tôi đã bắn, – bá tước nói tiếp, – và lạy Chúa, tôi đã bắn trượt; lúc ấy Xinviô (giờ phút này trông y thật khủng khiếp) Xinviô bắt đầu nhắm vào tôi. Bỗng cửa mở toang, Masa chạy vào hét lên, xông đến ôm chầm lấy cổ tôi. Sự có mặt của nàng khiến dũng khí hoàn toàn trở lại với tôi. “Em yêu quý, – tôi bảo nàng – em không thấy rằng chúng tôi đang đùa với nhau ư? Sao em lại khiếp sợ! Thôi em hãy đi uống cốc nước, rồi trở lại đây với chúng tôi; anh sẽ giới

thiệt với em người bạn cũ, một anh bạn chí thân”. Masa vẫn chưa tin, nàng quay sang phía Xinviô hỏi: “Ngài hãy nói đi, có phải đúng như nhà tôi bảo không, có phải thật các người đùa với nhau không?”- “Thưa phu nhân, bá tước thì khi nào cũng đùa, – Xinviô nói với nàng, – một lần đùa, ngài đã cho tôi một cái tát, lần đùa khác ngài đã bắn tôi một phát vào mũi này, và rồi lại đùa, ngài đã bắn hụt tôi, bây giờ đến lượt tôi đùa lại...” Dứt lời, y toan chĩa súng nhắm vào tôi... ngay trước mặt nàng! Masa quỳ sụp xuống ôm lấy chân y. “Đứng lên Masa, như thế là nhục, – tôi điên tiết hét lên, – và người, người đừng chế nhạo người đàn bà khốn khổ ấy nữa. Bắn đi, có bắn hay không?” – “Không, – Xinviô trả lời, ta đã hài lòng, ta đã thấy vẻ bối rối và sợ hãi của người; ta đã cưỡng ép được nhà người bắn ta, với ta thế là đủ... Người sẽ nhớ ta... Và ta để mặc người cho lương tâm người phán xét”. Rồi y đi ra, nhưng đến cửa, y dừng chân, ngoảnh lại nhìn bức tranh bị tôi bắn, nổ một phát vào đó, hầu như không cần nhắm, rồi đi khuất. Vợ tôi ngã lăn ra bất tỉnh; mọi người không ai dám giữ y lại, chỉ kinh hoàng đứng nhìn theo; y ra thêm gọi xà ích và đi mất trước khi tôi có thì giờ trấn tĩnh lại”.

Bá tước im lặng. Thế là tôi đã biết được cái kết thúc của câu chuyện mà đoạn mở đầu trước kia đã khiến tôi kinh ngạc. Tôi không bao giờ còn gặp lại nhân vật ấy nữa. Người ta đồn rằng trong một cuộc dấy loạn của Alêchxandơ Ipxilanti, y đã chỉ huy một đơn vị Etêrixtơ và tử trận ở Xculani./.

Chú thích:

(1) Theo lệ đánh bài, khi nhà con gấp một góc con bài tức là đánh xấp tang, nghĩa là đặt gấp đôi số tiền lên.

(2) Mũi cảnh binh.

(3) Alêchxandơ Pêtrôvich Burtxốp (chết năm 1873): một sĩ quan thuộc trung đoàn khinh kỵ Bêlôruxia, nổi tiếng ngổ ngáo, bạn của nhà thơ chiến sĩ Đênix Đavưđốp (1784 – 1839), được Đavưđốp ca ngợi trong bài thơ Bữa tiệc lính khinh kỵ (1804) và hai bài thơ thù tạc (Gửi Burtxốp).

(4) Đavưđốp là bạn của Puskin. Năm 1812 Đavưđốp đã lãnh đạo một đơn vị quân đội du kích anh dũng chiến đấu cùng với những người nông dân du kích chống lại bọn Pháp xâm lược.